Chuyên đề 1

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ QUY CHẾ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Đỗ Văn Phớn
Phó Trưởng Ban Dân vận TW

Phần thứ nhất

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được tổ chức từ ngày 25/01 đến 01/02/2021 tại Hà Nội. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng. Nội dung công tác dân vận trong các văn kiện được xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu sắc về lý luận và thực tiễn công tác dân vận nhiệm kỳ Đại hội XII; xác định quan điểm, đề ra nhiệm vụ, giải pháp công tác dân vận giai đoạn 2021 – 2025.

1. Mục tiêu, quan điểm

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới; quan điểm "dân là gốc", là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân được củng cố, tăng cường. Tuy nhiên, công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước còn một số bất cập. Từ đó, Đại hội XIII xác định: *"Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng"*. Như vậy, mục tiêu của công tác dân vận được yêu cầu cao hơn; đồng thời bổ sung thêm trong quan điểm *"dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng"*. Đây là bước phát triển mới trong tư duy, lý luận của Đảng về vai trò của nhân dân và công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Những nhiệm vụ mới đặt ra đối với công tác dân vận

2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác dân vận

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhất là của chính quyền các cấp đối với công tác dân vận.

- Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, những nhiễu dân.

- Sâu sát cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

- Tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân vận

- Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Tiếp tục hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ trong công tác dân vận.

- Rà soát bổ sung và thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

2.3. Coi trọng, phát huy vai trò của nhân dân

Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: *"Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*. Từ đó, công tác dân vận phải hướng vào phát huy vai trò của nhân dân.

- Có cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

- Phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

2.4. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận

- Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị; nhất là công tác dân vận của cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo hướng thiết thực, tăng cường đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm của công dân; đồng thời chống các biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức, mị dân.

- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chú trọng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân; đa dạng hóa các hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, phù hợp với biến đổi cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

Phần thứ hai

QUY CHẾ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký Quyết định số 23-QĐ/TW về việc ban hành kèm theo Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy chế 23), thay thế Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị khóa X về việc ban hành kèm theo Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (sau đây gọi là Quy chế 290). Quy chế 23 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY CHẾ 23

Ngày 25/02/2010, Bộ Chính trị khóa X ban hành Quy chế 290, qua 10 năm thực hiện, công tác dân vận của hệ thống chính trị đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đối với công tác dân vận được nâng lên, góp phần tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Tuy nhiên, qua thực tiễn 10 năm thực hiện Quy chế 290, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận trong tình hình mới và các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong thời gian qua, cho thấy, Quy chế 290 đã có những hạn chế, cần phải được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

1.1. Một số nội dung trùng lắp hoặc không còn phù hợp với nhiều văn bản về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận; về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hữu quan mới được ban hành trong thời gian gần đây[1].

[1] Như: Nghị quyết 25-NQ/TW (2013) về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới"; Quy định 101-QĐ/TW (2012) về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định 08-QĐ/TW (2018) về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương; Quyết định số 158-QĐ/TW về việc thành lập Ban Nội chính Trung ương, Quyết định số 160-QĐ/TW về việc thành lập Ban Kinh tế Trung ương, ngày 28/12/2012 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 35-CT/TW (2014) của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo"; Kết luận 114-KL/TW (2016) của Ban Bí thư về "Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp"; Quyết định số 217-QĐ/TW (2013) về "Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội"; Quy định 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban chấp hành Trung ương về giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; Quyết định 213 (2020) của Bộ Chính trị về "Trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú"… Quốc hội đã thể chế, ban hành nhiều đạo luật liên quan như: Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tiếp công dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Trưng cầu ý dân, Luật Hòa giải ở cơ sở, Luật Hòa giải và đối thoại tại Tòa án…

1.2. Quy chế 290 chưa quy định rõ, phân công cụ thể trách nhiệm, thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ được giao làm công tác dân vận trong hệ thống chính trị; chưa quy định đầy đủ phương thức thực hiện công tác dân vận.

1.3. Cụ thể hóa quy định về "rà soát bổ sung và thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị", đồng thời, sửa đổi một số nội dung để phù hợp tinh thần nội dung văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với công tác dân vận.

1.4. Kết cấu lại một số chương, điều theo hướng khoa học, logic, hợp lí hơn; sửa đổi một số từ ngữ bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện.

2. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU BAN HÀNH QUY CHẾ 23

2.1. Mục đích

- Tạo sự đồng bộ với Nghị quyết 25-NQ/TW và các văn bản của Đảng đã ban hành liên quan đến công tác dân vận góp phần tiếp tục tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới.

- Tạo chuyển biến hơn nữa về nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, công chức, viên chức trong công tác dân vận; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường phối hợp hoạt động giữa Ban Dân vận các cấp với các cơ quan hữu quan trong thẩm định các đề án liên quan đến công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các chương trình kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,…trước khi trình cấp ủy, HĐND, UBND.

2.2. Yêu cầu

- Đảm bảo phù hợp thực tiễn, tính kế thừa Quy chế 290, Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về *"Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới"* và các văn bản của Đảng mới được ban hành liên quan đến công tác dân vận.

- Cụ thể hóa tinh thần đổi mới của Đảng về công tác dân vận trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

- Quy định khoa học, ngắn gọn, cụ thể, đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong hệ thống chính trị đối với công tác dân vận.

3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY CHẾ 23

Quy chế 23 là sự tiếp nối, bổ sung, phát triển Quy chế 290 để phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định mới của Đảng về công tác dân vận, Quy chế 23 có nhiều điểm mới so với Quy chế 290. Nội dung Quy chế được kết cấu thành 04 chương, 28 điều.

3.1. Những quy định chung (Chương I)

Chương I. Những quy định chung, gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3, cụ thể:

- Điều 1. Nội dung Điều này được sáp nhập từ Điều 1 và Điều 3 Quy chế 290 trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng XIII và Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Tiếp tục nhấn mạnh và khẳng định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đồng thời, khẳng định Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác dân vận, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thực hiện hiệu quả công tác dân vận; nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ quản lý đối với công tác dân vận; thường xuyên quán triệt và thực hiện phong cách dân vận trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Điều 2. Quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị đối với dân vận và công tác dân vận và quy định cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính trị.

- Điều 3. Đây là nội dung được mở rộng, bổ sung mới so với Quy chế 290, quy định chung trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận, đồng thời, khẳng định công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải là nòng cốt.

3.2. Trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện công tác dân vận (Chương II)

Chương 2 quy định về trách nhiệm lãnh đạo thực hiện công tác dân vận, gồm 03 mục, 13 điều; mục 1, gồm 05 điều, từ Điều 4 đến Điều 8, quy định trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, các cơ quan đảng; mục 2, gồm 06 điều, từ Điều 9 đến

Điều 14, quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước; mục 3, gồm 02 điều, từ Điều 15 đến Điều 16, quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Cụ thể:

- Điều 4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nội dung cơ bản kế thừa quy định Điều 4 Quy chế 290 và có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cụ thể quy định trách nhiệm Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận trong hệ thống chính trị.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong lãnh đạo cụ thể hóa chủ trương, chính sách lớn về xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các giai tầng xã hội, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài; lãnh đạo công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm đối với công tác tổ chức, cán bộ lãnh đạo, phụ trách công tác dân vận, lãnh đạo chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giáo nhiệm vụ ở Trung ương.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm trong thực chế độ làm việc với Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức liên quan ở Trung ương về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm trong chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương về công tác dân vận.

- Điều 5. Ban Dân vận Trung ương, kế thừa nội dung Điều 10 Quy chế 290, đồng thời, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương theo Quyết định số 78-QĐ/TW, ngày 10/4/2012 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Trung ương cho phù hợp. Cụ thể:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của Ban Dân vận Trung ương trong nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp công tác dân vận.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về công tác dân vận và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm trong thẩm định đề án liên quan đến công tác dân vận của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy làm công tác dân vận.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm trong phối hợp để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận; theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân để báo cáo, tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Khoản 6, quy định chế độ giao ban, làm việc của Ban Dân vận Trung ương với các cơ quan nhà nước, tổ chức ở Trung ương và địa phương.

- Điều 6. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương, so với Điều 9 Quy chế 290, Điều 6 Quy chế 23 đã bổ sung trách nhiệm của Ban Kinh tế Trung ương và Ban Nội chính Trung ương; bỏ quy định về nhiệm vụ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời, sửa đổi, bổ sung trách nhiệm thực hiện công tác dân vận cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương và cơ quan liên quan. Cụ thể:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của Văn phòng Trung ương Đảng, cán ban đảng Trung ương trong phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất với Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định. Trong đó:

Điểm 2.1, quy định trách nhiệm của Văn phòng Trung ương Đảng.

Điểm 2.2, quy định trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương.

Điểm 2.3, quy định trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Điểm 2.4, quy định trách nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điểm 2.5, quy định trách nhiệm của Ban Kinh tế Trung ương.

Điểm 2.6, quy định trách nhiệm Ban Nội chính Trung ương.

Điểm 2.7, quy định trách nhiệm của Ban Đối ngoại Trung ương.

- Điều 7. Đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Kế thừa và sáp nhập nội dung các điều: 5, 6, 8, 25 Quy chế 290, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung phù hợp với nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương được quy định tại Quy định số 172-QĐ/TW, ngày 7/3/2013 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương thành một điều chung. Cụ thể:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và đảng ủy cơ quan để lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận.

- Điều 8. Tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở kế thừa nội dung Điều 7, Điều 26 Quy chế 290, nội dung Điều 8 đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Quyết định 217, Quyết định 218 của Bộ Chính trị[2] nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa Trung ương và địa phương trong phân công lãnh đạo cấp ủy phụ trách công tác dân vận, đồng thời, quy định cụ thể trách nhiệm của tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương. Cụ thể:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương để lãnh đạo, định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

[2] Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về "*Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*"; Quyết định 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, quy định về*"Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.*

ở địa phương, đơn vị. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Khoản 3, đây là nội dung được bổ sung mới, quy định việc lãnh đạo, chỉ đạo, phân công người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, giải quyết các vấn đề phức tạp trên địa bàn.

+ Khoản 4, quy định về chế độ giao ban, làm việc giữa thường trực cấp ủy với ban dân vận, chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm trong kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền theo quy định; phân công đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cùng cấp, chỉ đạo cấp ủy cấp dưới phân công ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm trưởng ban dân vận, phân công ủy phụ trách công tác dân vận để tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác dân vận.

+ Khoản 6, quy định trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện công tác dân vận. Nội dung này cũng được bổ sung mới cho phù hợp tình hình thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác dân vận.

- Điều 9. Trách nhiệm của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Kế thừa Điều 11 Quy chế 290, Điều 9 Quy chế 23 có sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Trưng cầu ý dân; cụ thể hóa tinh thần Văn kiện Đại hội lần XIII của Đảng về phát huy dân chủ XHCN. Trong đó:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội trong thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

+ Khoản 2, được bổ sung mới so với quy định của Quy chế 290, quy định trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiếp xúc và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

+ Khoản 3, được bổ sung mới so với Quy chế 290, quy định về trách nhiệm trong việc tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất, đóng góp ý kiến

trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật và thực hiện giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

+ Khoản 4, khoản 5, được bổ sung mới, quy định trách nhiệm trong giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và việc tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật đối với những vấn đề nhân dân quan tâm. Quyết định, tổ chức trưng cầu ý dân theo quy định của pháp luật.

- Điều 10. Trách nhiệm của Chính phủ. Kế thừa Điều 12 Quy chế 290, sửa đổi, bổ sung một số nội dung bảo đảm phù hợp với Hiến pháp 2013, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định 217, Quyết định 218 của Bộ Chính trị, đồng thời cụ thể hóa tinh thần Văn kiện Đại hội lần XIII của Đảng về phát huy dân chủ XHCN. Trong đó:

+ Khoản 1 quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác dân vận; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến cuộc sống của nhân dân.

+ Khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5, được bổ sung mới, đồng thời, bỏ một số nội dung quy định trong Quy chế 290, theo đó:

Khoản 2, quy định trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện công tác dân vận của chính quyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước về công tác dân vận.

Khoản 3, quy định trách nhiệm trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Khoản 4, trách nhiệm trong chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và đối thoại giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Khoản 5, trách nhiệm trong chỉ đạo nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; thanh tra, kiểm tra, xử lý tham nhũng, tiêu cực, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

+ Khoản 6, khoản 7, được sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm trong việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát

huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Quy định chế độ phối hợp, làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

- Điều 11. Trách nhiệm của các bộ, ngành. Kế thừa Điều 13 Quy chế 290 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với các văn bản của Đảng, Nhà nước mới ban hành, nhất là Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định 217, Quyết định 218 của Bộ Chính trị[5]. Theo đó:

+ Khoản 1, khoản 2, được bổ sung mới, quy định trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với công tác dân vận. Trách nhiệm trong việc tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

+ Khoản 3, quy định về trách nhiệm trong thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hành dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm thực hiện dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý tiêu cực, tham nhũng, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vấn đề bức xúc của nhân dân theo thẩm quyền.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

- Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp. Điều 12 Quy chế 23 cơ bản được bổ sung mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp theo quy định hiện hành. Theo đó:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong cải cách tư pháp, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi

ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng pháp luật.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm cải cách thủ tục hành chính tư pháp; tăng cường công khai, minh bạch, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm trong phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

- Điều 13. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang. Kế thừa Điều 15 Quy chế 290, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung bảo đảm phù hợp với tinh thần văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII và chức năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang. Theo đó:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội.

+ Khoản 3, được bổ sung mới so với Quy chế 290, theo đó quy định trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong việc tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở để bảo đảm phù hợp với thực tế và đáp ứng được yêu cầu công tác dân vận trong tình hình mới.

- Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền các cấp. Kế thừa Điều 16, Điều 27 Quy chế 290, sửa đổi, bổ sung, đồng thời bãi bỏ một số nội dung cho phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới. Theo đó:

+ Khoản 1, quy định chung về trách nhiệm của chính quyền các cấp trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong cải cách hành chính; công khai, minh bạch chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, nguồn lực nhà nước.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm trong thực hiện các quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định của pháp luật.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm trong việc nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm trong phối hợp với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu, thực hiện công tác dân vận. Quy định cơ chế phối hợp, làm việc giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

+ Khoản 6, quy định trách nhiệm phân công đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận. Đây là quy định mới so với Quy chế 290, nhằm tăng cường và bảo đảm vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác vận động quần chúng trong tình hình mới.

- Điều 15. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Kế thừa Điều 17 Quy chế 290, có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015 và các văn bản quy định về giám sát, phản biện xã hội. Theo đó:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong việc tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Khoản 3, quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ Việt Nam trong đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội.

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm trong phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; phát huy vai trò của cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân.

+ Khoản 5, là quy định mới so với Quy chế 290, quy định trách nhiệm trong tham gia và vận động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật.

+ Khoản 6, quy định trách nhiệm trong phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Khoản 7, quy định trách nhiệm trong thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân. Phối hợp làm tốt tuyên truyền, vận động đối với các tổ chức và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- Điều 16. Các tổ chức chính trị - xã hội. Kế thừa Điều 18 Quy chế 290, sửa đổi, bổ sung một số nội dung bảo đảm phù hợp với các văn bản quy định về giám sát, phản biện xã hội. Theo đó:

+ Khoản 1, quy định trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội trong đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên trong tổ chức; trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; vai trò nòng cốt chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Khoản 2, quy định trách nhiệm trong việc tham gia với Đảng, Nhà nước trong xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện phản biện xã hội theo quy định.

+ Khoản 3, là quy định mới so với Quy chế 290, quy định trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

+ Khoản 4, quy định trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để hiệp thương thống nhất hành động trong tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và nhân dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

+ Khoản 5, quy định trách nhiệm trong nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và tham mưu, đề xuất giải pháp giải quyết.

+ Khoản 6, là nội dung được bổ sung mới so với Quy chế 290, quy định trách nhiệm tham gia thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

3.3. Phương thức thực hiện công tác dân vận (Chương III)

Chương 3 quy định về phương thức thực hiện công tác dân vận, gồm 08 điều, từ Điều 17 đến Điều 24.

- Nội dung các điều từ 17-21 được sửa đổi, bổ sung quy định theo 5 phương thức lãnh đạo của Đảng, như:

+ Phương thức 1: quán triệt, tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (Điều 17).

+ Phương thức 2: cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, nhằm thực hiện tốt công tác dân vận trong hệ thống chính trị; triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Dân vận khéo" (Điều 18).

+ Phương thức 3: xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới (Điều 19).

+ Phương thức 4: phát huy tính tiền phong, gương mẫu, vì nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu (Điều 20).

+ Phương thức 5: tăng cường kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định, quy chế của Đảng liên quan đến công tác dân vận (Điều 21).

- Điều 22, quy định về cơ chế phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị để nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thông qua các cơ chế phối hợp liên ngành, chương trình phối hợp, hội nghị giao ban định kỳ, chuyên đề.

- Điều 23, quy định trách nhiệm, quy trình thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng phó kịp thời khi có tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh. Trách nhiệm của Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên

quan trong vận động nhân dân chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; vai trò nòng cốt chính trị trong tham gia lực lượng xung kích.

- Điều 24, quy định trách nhiệm cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện chế độ định kỳ làm việc với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

Chế độ báo cáo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

3.4. Tổ chức thực hiện (Chương IV)

Chương 4 quy định tổ chức thực hiện, gồm 04 điều, từ Điều 25 đến Điều 28.

Nội dung các điều trong Chương IV Quy chế 23 cơ bản giữ nguyên như nội dung các điều trong Chương V Quy chế 290, theo đó:

- Điều 25, quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

- Điều 26, quy định trách nhiệm của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, căn cứ quy định của Quy chế 23 để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Điều 27, quy định trách nhiệm cho Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Điều 28, quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hằng năm đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.

4. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CƠ BẢN TRONG QUY CHẾ 23

4.1. Về bố cục

Quy chế 23, gồm 04 chương, 28 điều, giảm 01 chương, 06 điều so với Quy chế 290, cụ thể:

- Bỏ tên Chương 4 Quy chế 290 về "Phân công cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân vận", đưa nội dung các điều của chương này vào Điều 3 của Chương I

và Điều 4 (Khoản 3), Điều 7 (Khoản 2), Điều 8 (Khoản 5), Điều 14 (Khoản 6) của Chương II và Điều 19, Điều 20 của Chương III, nhằm bảo đảm tính logic, gắn liền với trách nhiệm của các chủ thể thực hiện công tác dân vận và phù hợp với nội dung của các chương, điều mà không làm mất đi nội dung các điều của Chương IV, Quy chế 290.

- Nhập các Điều 5. Đảng đoàn Quốc hội, Điều 6. Ban Cán sự đảng Chính phủ và Điều 8. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành của Quy chế 290 vào Điều 7 Quy chế 23, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương được quy định tại Điều 2 Quy định số 172-QĐ/TW, ngày 7/3/2013 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương; tránh lặp lại nội dung các điều, vẫn đảm bảo được thẩm quyền, trách nhiệm.

- Sắp xếp lại thứ tự một số điều nhằm bảo đảm tính logic, khoa học hơn. Chuyển Điều 10. Ban Dân vận Trung ương trong Quy chế 290 lên thành Điều 5 trong Quy chế 23; chuyển Điều 9. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương trong Quy chế 290 lên thành Điều 6 trong Quy chế 23.

4.2. Bổ sung trách nhiệm của một số cơ quan

Bổ sung trách nhiệm của các ban: Ban Kinh tế Trung ương (Điểm 2.5 Khoản 2 Điều 6); Ban Nội chính Trung ương (Điểm 2.6 Khoản 2 Điều 6); Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 9). Đồng thời, bỏ quy định trách nhiệm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

4.3. Chỉ quy định trách nhiệm, cơ chế, phương thức công tác dân vận của tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị

Trong 10 năm qua (từ 2010 đến 2020), Trung ương Đảng, Quốc hội đã ban hành rất nhiều văn bản về lĩnh vực dân vận, quy định chức năng, nhiệm vụ gắn với trách nhiệm dân vận của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Để khắc phục những bất cập trong Quy chế 290, Quy chế 23 đã cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo hướng chỉ quy định trách nhiệm đối với công tác dân vận của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; cơ chế, phương thức để các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị thực hiện hiệu quả công tác dân vận. Không quy định nội dung, nhiệm vụ công tác

dân vận của các cơ quan, tổ chức để tránh trùng lắp với các văn bản khác đã quy định, như: Khoản 2 và 3 Điều 11; Khoản 1 và 6 Điều 12; Khoản 3 Điều 13; Khoản 1 và 4 Điều 14; khoản 5 Điều 16 (Quy chế 290).

4.4. Bổ sung trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu đối với công tác dân vận; trách nhiệm phát huy dân chủ XHCN, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Cụ thể hóa quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu trong công tác dân vận; quy định của Đảng, Nhà nước về phát huy dân chủ, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân.

4.4.1. Về trách nhiệm nêu gương

- Điều 1 quy định "…nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu đối với công tác dân vận; thường xuyên học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức và thực hiện phong cách dân vận trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

- Điều 20 quy định "Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu có trách nhiệm thực hiện tốt công tác dân vận theo quy định của Đảng và Nhà nước; gương mẫu thực thi công vụ, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân".

4.4.2. Về phát huy dân chủ, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân

- Điều 4. Trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Khoản 2 quy định "…Lãnh đạo việc thực hiện cơ chế giám sát đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội".

- Điều 8. Trách nhiệm của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Khoản 2 quy định "… Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát đối với hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên ở địa phương, đơn vị và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội".

- Điều 9. Trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Khoản 2 quy định "Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; … giám sát các cơ quan, tổ chức giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân…".

- Điều 10. Trách nhiệm của Chính phủ, Khoản 1 quy định "… tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân".

Khoản 6 quy định "Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức".

- Điều 11. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, Khoản 2 quy định "Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình".

- Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền các cấp, Khoản 3 quy định "… tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp".

- Điều 15. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Khoản 2 quy định "Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu".

- Điều 16, Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, Khoản 3 quy định "Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân, quy chế dân chủ ở cơ sở; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"".

4.5. Quy định đầy đủ 5 phương thức lãnh đạo, thực hiện công tác dân vận

Phương thức tuyên truyền, vận động (Điều 17);

Phương thức thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối (Điều 18);

Phương thức xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ (Điều 19);

Phương thức nêu gương của cán bộ, đảng viên (Điều 20);

Phương thức kiểm tra, giám sát (Điều 21).

Ngoài ra, tại Điều 23 quy định phương thức, quy trình công tác dân vận trong ứng phó khi có tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy chế 23 được ban hành trong thời điểm tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là diễn biến của dịch bệnh Covid-19; đồng thời, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang tích cực, khẩn trương đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đi vào cuộc sống. Do vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế 23, các tổ chức, cá nhân cần lưu ý một số nội dung sau:

5.1. Cần tổ chức quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc yêu cầu, mục đích, sự cần thiết và nội dung của Quy chế 23, đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức và hành động, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện Quy chế 23 bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Xác định việc tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế 23 của Bộ Chính trị là nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, tổ chức cơ sở đảng trong năm 2021 và các năm tiếp theo nhằm thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5.2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, căn cứ quy định của Quy chế 23 để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới./.

QUY CHẾ
CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Công tác dân vận là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác dân vận; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thực hiện hiệu quả công tác dân vận; nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu đối với công tác dân vận; thường xuyên học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức và thực hiện phong cách dân vận trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy chế này quy định trách nhiệm, cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính trị.

Điều 3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đối với công tác dân vận gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, phân công lãnh đạo, cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân vận.

Chương II
TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN
Mục I. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, CẤP ỦY VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 4. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận trong hệ thống chính trị.

2. Lãnh đạo, cụ thể hoá chủ trương, chính sách lớn về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các giai cấp và tầng lớp xã hội, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài. Lãnh đạo việc thực hiện cơ chế giám sát đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Lãnh đạo về tổ chức, nhân sự; quyết định giới thiệu cán bộ, đảng viên có năng lực phụ trách công tác dân vận, làm lãnh đạo chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

4. Định kỳ sáu tháng, một năm và trong trường hợp cần thiết, làm việc với Ban Dân vận Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức liên quan ở Trung ương về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

5. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương về công tác dân vận.

Điều 5. Ban Dân vận Trung ương

1. Chủ trì nghiên cứu, tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

2. Tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước trong việc thể chế hoá các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Thẩm định đề án liên quan đến công tác dân vận của các cơ quan, tổ chức trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tham gia thẩm định đề án thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có liên quan đến công tác dân vận.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về công tác dân vận. Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy làm công tác dân vận.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cụ thể hoá, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận; theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (tình hình dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp trong xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân) để báo cáo và tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Là cơ quan thường trực của một số ban chỉ đạo, hội đồng công tác về công tác dân vận theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

6. Định kỳ sáu tháng, hàng năm và trong trường hợp cần thiết tổ chức giao ban, làm việc với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, ban dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

Điều 6. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương

1. Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận; chuẩn bị dự thảo nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận thuộc lĩnh vực công tác dân vận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Phối hợp với Ban Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định.

2.1. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Dân vận Trung ương theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân, công tác dân vận của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; phối hợp chuẩn bị dự thảo các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Trung ương về công tác dân vận.

2.2. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và công tác cán bộ đối với hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2.3. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận; nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thường xuyên tuyên truyền về công tác dân vận và tuyên truyền, cổ vũ các mô hình, điển hình dân vận khéo.

2.4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận.

2.5. Ban Kinh tế Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về kinh tế - xã hội liên quan mật thiết đến đời sống nhân dân.

2.6. Ban Nội chính Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và văn bản của Đảng về công tác tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2.7. Ban Đối ngoại Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động đối ngoại nhân dân; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, triển khai các hoạt động đối ngoại nhân dân quan trọng.

Điều 7. Đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

3. Phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và đảng ủy cơ quan để lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận.

Điều 8. Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận; kịp thời ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác dân vận.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương lãnh đạo, định hướng hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát đối với hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên ở địa phương, đơn vị và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo, phân công người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, giải quyết các vấn đề phức tạp trên địa bàn.

4. Định kỳ giao ban, làm việc giữa thường trực cấp ủy với ban dân vận, chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền. Phân công đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cùng cấp; chỉ đạo cấp ủy cấp dưới phân công một ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực tiếp làm trưởng ban dân

vận. Trường hợp không có ban dân vận thì chỉ đạo phân công một đồng chí cấp ủy phụ trách công tác dân vận.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện công tác dân vận.

Mục II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác dân vận trong thực hiện chức năng lập pháp, giám sát tối cao, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và các hoạt động khác của Quốc hội.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; giám sát các cơ quan, tổ chức giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân; hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

3. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật; trong thực hiện giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

4. Thực hiện tốt hoạt động giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và việc tổ chức, thực hiện chính sách, pháp luật đối với những vấn đề nhân dân quan tâm.

5. Quyết định, tổ chức trưng cầu ý dân theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác dân vận; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân.

2. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác dân vận của chính quyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước về công tác dân vận.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải cách hành chính, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

4. Chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và đối thoại giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

5. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; thanh tra, kiểm tra, xử lý tham nhũng, tiêu cực, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

6. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp; giám sát hoạt động của cơ quan hành chính và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

7. Định kỳ có chương trình phối hợp, làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; phối hợp chỉ đạo các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân.

Điều 11. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với công tác dân vận.

2. Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến, giám sát, phản biện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, nhất là những chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hành dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

4. Thực hiện có hiệu quả quy định về dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan, đơn vị. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý tiêu cực, tham nhũng, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vấn đề bức xúc của nhân dân theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan tư pháp

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân.

2. Cải cách tư pháp, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích

hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng pháp luật, không oan sai, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; thực hiện tốt đối thoại, hoà giải tại toà án.

3. Cải cách thủ tục hành chính tư pháp; tăng cường công khai, minh bạch, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng; bồi thường cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động tố tụng và thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận.

Điều 13. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận; nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác dân vận, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Thường xuyên tiến hành công tác dân vận, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo và các chính sách xã hội.

3. Tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền các cấp

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận.

2. Thực hiện cải cách hành chính; công khai, minh bạch chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, nguồn lực nhà nước.

3. Thực hiện các quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp.

4. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống của nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền.

5. Phối hợp với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu, thực hiện công tác dân vận. Định kỳ có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.

6. Phân công đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận.

Mục III. TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 15. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Thực hiện vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu.

3. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, những vấn đề bức xúc của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

4. Phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; phát huy vai trò của cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân; làm nòng cốt triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hoạt động tự quản, hoà giải trong cộng đồng dân cư.

5. Tham gia và vận động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật. Tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá, cử bào chữa viên, hội thẩm nhân dân.

6. Phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

7. Thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tuyên truyền, vận động các tổ chức và người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ nhau, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; giữ quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 16. Các tổ chức chính trị - xã hội

1. Đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên trong tổ chức; làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; làm nòng cốt chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia với Đảng, Nhà nước trong xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; thực hiện phản biện xã hội theo quy định.

3. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên và nhân dân; quy chế dân chủ ở cơ sở; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

4. Phối hợp hiệp thương thống nhất hành động với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, hội viên và nhân dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5. Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và tham mưu, đề xuất giải pháp giải quyết; thông tin cho đoàn viên, hội viên biết kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

6. Tham gia thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ nhau, tôn trọng pháp luật nước sở tại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; giữ quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương III

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN

Điều 17. Quán triệt, tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng các hình thức thiết thực, sáng tạo; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy ý chí, quyết tâm và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 18. Thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Dân vận khéo".

Điều 19. Xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân vận của hệ thống chính trị; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác dân vận trong tình hình mới. Phân công cán bộ phụ trách, cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận có năng lực, đạo đức, uy tín, kinh nghiệm.

Điều 20. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu có trách nhiệm thực hiện tốt công tác dân vận theo quy định của Đảng và Nhà nước; gương mẫu thực thi công vụ, nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Điều 21. Cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định, quy chế của Đảng liên quan đến công tác dân vận.

Điều 22. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ để nâng cao hiệu quả công tác dân vận thông qua các cơ chế phối hợp liên ngành, chương trình phối hợp, hội nghị giao ban định kỳ, chuyên đề.

Điều 23. Khi có tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo ứng phó kịp thời; thông tin nhanh đến ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Ban dân vận chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò nòng cốt chính trị tham gia lực lượng xung kích.

Điều 24. Chế độ làm việc, thông tin, báo cáo

1. Cấp ủy, tổ chức đảng định kỳ làm việc với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan cùng cấp để nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; đánh giá kết quả, định hướng công tác dân vận đáp ứng tình hình thực tiễn.

2. Định kỳ hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, chín tháng và hằng năm: Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang địa phương báo cáo kết quả công tác dân vận với cấp ủy, đồng gửi ban dân vận cùng cấp; cấp ủy cấp dưới báo cáo tình hình nhân dân và công tác dân vận cho cấp ủy cấp trên, đồng gửi ban dân vận của cấp ủy cấp trên.

3. Các cơ quan trong hệ thống dân vận các cấp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo, hướng dẫn của ban dân vận cấp ủy cấp trên trực tiếp.

4. Trường hợp đột xuất, cần thiết liên quan đến tình hình nhân dân, các cấp, ngành hữu quan trực tiếp báo cáo với thường trực cấp ủy; ban dân vận cấp ủy được tham dự để tổng hợp, theo dõi, tham mưu cho cấp ủy.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Điều 26. Căn cứ Quy chế này, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của địa phương, đơn vị mình và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Điều 27. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban xây dựng Đảng của Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 28. Hằng năm, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm trong công tác dân vận.

Chuyên đề 2

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TÌNH HÌNH HÌNH MỚI HIỆN NAY

Võ Văn Thiện
UV BCHTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỔI MỚI

I. Tại sao phải nghiên cứu vấn đề đổi mới?

- Câu nói của cụ Phan Bội Châu: "Nhật tân, nhật tân, hựu nhật tân" (Nếu muốn ngày hôm nay đổi mới thì ngày ngày đều phải luôn đổi mới, lại tiếp tục đổi mới nữa). Trong cuộc sống thường ngày của mỗi chúng ta cũng vậy. Mỗi một mục tiêu lớn khi vừa đặt ra đều khơi dậy trong ta nhiệt tình cháy bỏng, nhưng sau khi trải qua thời gian và những thử thách khó khăn trở ngại - vốn là điều tất nhiên không thể tránh khỏi - thì nhiệt tình ban đầu của ta dần nguội lạnh, suy yếu, cho đến lúc ta không còn duy trì được nữa và phải từ bỏ mục tiêu.

- Muốn thấu hiểu yêu cầu đổi mới trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (gọi chung là đổi mới công tác) thì phải có cái nhìn tổng thể và biện chứng về những đổi thay cơ bản của xã hội hiện nay.

- Những đổi thay cứ từ từ, cứ tiệm tiến bên cạnh với việc mỗi người chúng ta tất bận với những mưu toan cuộc sống, với những mối quan hệ xã hội, với những bận tâm trong công việc hàng ngày, … nên hầu như ít có ai và nếu có thì cũng ít có thời gian để có nhìn nhận đúng mức về những đổi thay của cuộc sống.

- Từ việc hiểu rõ và nắm bắt được những đổi thay trong cuộc sống nói chung, trong công tác nói riêng sẽ làm cơ sở cho sự sáng tạo trong công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương cơ sở.

Vì vậy, để có một cái nhìn khách quan, biện chúng chúng ta cần tìm hiểu khái quát những đổi thay trong xã hội hiện đại ngày nay.

- Những thay đổi trong cuộc sống của chúng ta hiện nay so với 20 năm trước (ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, chữa bệnh, lao động, làm việc, giải trí, …).

II. Thực trạng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hiện nay:

1. Ảnh hưởng của tư duy bao cấp còn rơi rớt lại

- Hiện tượng "Trên bảo sau, dưới làm vậy"; có thể là do ý thức chấp hành tổ chức kỷ luật; có thể do thiếu thông tin; những cũng có thể do thiếu chủ động, sáng tạo; do ngán ngại đổi mới…

- Chủ trương, nghị quyết của Trung ương thường mang tính khái quát cao, chung chung; trong khi yêu cầu cuộc sống, yêu cầu của xã hội thì phải cụ thể, thiết thực nhưng trong thực tế có biểu hiện địa phương "bê nguyên si" mà thiếu linh hoạt vận dụng.

2. Tư duy ngán ngại đổi mới:

Liên hệ một số biểu hiện trong đội ngũ cán bộ thừa hành, thực thi công vụ ở các địa phương chưa quyết tâm đổi mới mạnh mẽ.

Những biểu hiện chưa sẵn sàng cho công cuộc đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Phần thứ hai

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong những năm qua:

1. Mặt được:

- Trong những năm qua, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước.

- Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước luôn chủ trương nhất quán, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính phủ và chính quyền các cấp đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến công vận động quần chúng và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Bản thân Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội luôn có ý thức vươn lên, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động sâu sát đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có được củng cố, tăng cường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong phát biểu tại Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 16/8/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá:

"Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, triển khai sâu rộng và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần thi đua sáng tạo và huy động các nguồn lực trong xã hội, tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị tuyên truyền, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong xã hội; tích cực tham gia xây dựng pháp luật, … ; kiến nghị với Đảng và Nhà nước nhiều nội dung quan trọng, góp phần hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có nhiều cố gắng, nỗ lực đổi mới và đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, đẩy mạnh thực hành dân chủ ở cơ sở, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh".

2. Hạn chế:

- Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của Nhân dân.

- Chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân để có chủ trương phù hợp.

- Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát cơ sở và Nhân dân, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả.

- Những hạn chế, khuyết điểm đó là do:

+ Chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thật sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến để giải quyết kịp thời, có hiệu quả những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

+ Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ.

+ Chế độ, điều kiện, phương tiện hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội mặc dù có được quan tâm nhưng chưa thường xuyên và chưa đảm bảo yêu cầu công việc đặt ra.

II. Phương hướng, nhiệm vụ đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

1. Phương hướng:

Với vai trò là tổ chức đại diện của Nhân dân, là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống chính trị ở nước ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần làm tốt hơn nữa vai trò là nòng cốt chính trị, có trách nhiệm vẻ vang trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hành dân chủ, xây dựng đồng thuận xã hội để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị của đất nước trong giai đoạn mới. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ là ba chân kiềng vững chắc của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo.

- Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái

với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Nhiệm vụ tổng quát:

- Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của Nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân; khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo sự đồng thuận xã hội.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân.

3. Đối với Cấp uỷ các cấp:

- Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của Nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác.

- Có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để Nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của Nhân dân.

4. Đối với tổ chức Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam:

- Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân.

- Công đoàn các cấp cần quan tâm đảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa

đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

5. Đối với tổ chức Hội Nông dân Việt Nam:

- Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Hội Nông dân Việt Nam cần hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

- Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

6. Đối với tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại.

- Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tham gia các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

7. Đối với tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần chú trọng nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần cho chị em phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng.

- Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội.

- Vận động xã hội kiên quyết lên án và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ.

8. Đối với tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam:

- Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, đồng thời động viên cựu chiến binh tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tổ chức Hội cần có các phong trào, các cuộc vận động giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống; tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm và các tệ nạn xã hội; góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

9. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động Nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; hoạt động đối ngoại Nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để người cao tuổi hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Tiếp tục xây dựng Gia đình Hạnh phúc; "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo

hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau"; giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

- Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, Tây Duyên hải miền Trung.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.

- Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa Nhân dân ta với Nhân dân các nước; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng; tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; có cơ chế, chính sách thu hút đồng bào hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Phát huy tiềm năng và vai trò tích cực, sáng tạo của đội ngũ doanh nhân. Có cơ chế, chính sách bảo đảm quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI HIỆN NAY

I. Đổi mới về nhận thức:

1. Đổi mới là gì?

Đổi mới là những nội dung hoạt động, những công việc có thể là không mới nhưng được tổ chức triển khai, thực hiện với phương thức, cách thức mới; đúng pháp luật, đúng qui định và hiệu quả hơn cái cũ.

2. Không nhất thiết đổi mới hoàn toàn, đổi mới tất cả, mà có thể là đổi mới từng phần, từng việc, ở từng địa phương.

3. Đổi mới là một quá trình kiên trì, lâu dài và đầy khó khăn.

4. Đổi mới phải triệt để, phải xuất phát từ lợi ích của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; phải được diễn ra ở tất cả mọi cấp, mọi cán bộ.

II. Yêu cầu trong đổi mới:

1. Đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; nhất là trong các hoạt động ở địa phương, cơ sở (**phải là chính mình**).

2. Phấn đấu "Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm" theo lời dạy của Bác Hồ (**mục đích tối thượng của hoạt động Mặt trận, đoàn thể**).

3. Tranh thủ sức mạnh cộng đồng, huy động nguồn lực từ các tổ chức chính trị - xã hội và trong Nhân dân (không nên suy nghĩ: cái gì cũng đòi hỏi phải có kinh phí ngân sách mới làm được - **xã hội hoá các nguồn lực**).

4. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa vận động Nhân dân với việc liên kết, kết nối với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân trong xã hội (tranh thủ và kết nối - **tăng cường hoạt động phối hợp**).

III. Một số cuộc vận động lớn do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phát động hiện nay:

- Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh":

- Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam":

- Phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế".

Cụ thể:

1. MỤC TIÊU

- Tổ chức phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế" (gọi tắt là phong trào "Đoàn kết sáng tạo") trên cơ sở kết nối, hỗ trợ, thúc đẩy và phát triển các phong trào thi đua có tính chất sáng tạo hiện có thành phong trào rộng khắp trong tầng lớp Nhân dân; khơi dậy, phát huy cao độ sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam và toàn dân tộc trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, hiệu quả nền kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Thông qua việc hưởng ứng, gắn kết các phong trào thi đua có tính sáng tạo của các cơ quan, tổ chức với phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, thúc đẩy nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Quá trình thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển tài năng sáng tạo của người Việt Nam, cơ chế, chính sách ứng dụng thành tựu nghiên cứu khoa học - công nghệ.

2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA PHONG TRÀO

a. Phạm vi

Phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" được tổ chức ở tất cả các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, người Việt Nam ở nước ngoài để phát huy cao độ sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam.

b. Đối tượng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác…, động viên, hướng dẫn mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là đội ngũ trí thức, doanh nhân, thanh niên, người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh hưởng ứng phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo".

3. NỘI DUNG CỦA PHONG TRÀO

- Thi đua "Đoàn kết sáng tạo" nâng cao hiệu quả công tác, góp phần cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan của hệ thống chính trị: Cơ quan Đảng,

nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trước hết là các tổ chức chính trị -xã hội.

- Thi đua "Đoàn kết sáng tạo" nâng cao năng suất lao động ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sản xuất kinh doanh, hộ gia đình…

- Thi đua "Đoàn kết sáng tạo" trong các đơn vị sự nghiệp (các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, học viện, trung tâm, các trường phổ thông, bệnh viện...), góp phần phát triển khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng hoạt động và dịch vụ.

- Thi đua "Đoàn kết sáng tạo" trong lực lượng vũ trang góp phần nâng cao năng lực quốc phòng của đất nước, giữ vững ổn định chính trị quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

- Thi đua "Đoàn kết sáng tạo" trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về xây dựng quê hương, đất nước.

4. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHONG TRÀO

a. Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động hưởng ứng phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo"

- Tập trung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về truyền thống yêu nước và khả năng sáng tạo của người Việt Nam; về ý nghĩa, sự cần thiết phải thi đua sáng tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức các hình thức truyền thông, quảng bá các sản phẩm sáng tạo của người Việt Nam như: Triển lãm, hội thảo, hội chợ sáng tạo khoa học kỹ thuật…

- Đẩy mạnh việc thông tin, giới thiệu các sáng kiến, ý tưởng mới, các hoạt động sáng tạo góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm về sáng tạo và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ ở các đơn vị, địa phương, lĩnh vực để thúc đẩy thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo".

- Phối hợp xuất bản ấn phẩm "Gương người Việt đoàn kết sáng tạo" để tổ chức tuyên truyền, quảng bá và nhân rộng điển hình sáng tạo.

b. Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo"

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo", đưa phong trào đi vào cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực.

- Tổ chức các hoạt động kết nối sáng kiến, ý tưởng với nhu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm trong các đơn vị, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức các hình thức biểu dương các doanh nghiệp, cơ quan tích cực ứng dụng sáng kiến, đổi mới công nghệ để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác, sản xuất kinh doanh.

- Các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các doanh nghiệp, cơ sở, hợp tác xã sản xuất kinh doanh… hỗ trợ tác giả các công trình, đề tài sáng tạo được giải thưởng; đề xuất và nghiên cứu xây dựng các chương trình phát triển tài năng sáng tạo.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về sáng tạo, sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý được ứng dụng hàng năm.

c. Xây dựng và nhân rộng các mô hình về "Đoàn kết sáng tạo"

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với cơ quan nhà nước cùng cấp xây dựng các mô hình về “Đoàn kết sáng tạo” ở mỗi ngành, mỗi cấp, ở cộng đồng để thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp Nhân dân. Đồng thời, xây dựng và nhân rộng một số mô hình “Đoàn kết sáng tạo” ở các tổ chức thành viên của Mặt trận để rút kinh nghiệm và nhân rộng ở địa phương, cơ sở, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

d. Hình thành giải thưởng “Người Việt đoàn kết sáng tạo” và Quỹ “Người Việt đoàn kết sáng tạo”

- Hình thành Giải thưởng “Người Việt đoàn kết sáng tạo” và lập Quỹ “Người Việt đoàn kết sáng tạo” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì để tôn vinh các cá nhân, tập thể có sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới được đánh giá, xếp loại cao.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng tiêu chí đánh giá phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo”; tiêu chí đánh giá, xếp loại sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới trên từng lĩnh vực.

e. Thành lập Hội đồng thẩm định sáng tạo; tổ chức đánh giá, tôn vinh, khen thưởng thực hiện phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo”

e.1. Thành lập Hội đồng thẩm định sáng tạo

- Ở trung ương và cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định các sáng tạo, sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới (gọi tắt là Hội đồng thẩm định sáng tạo), gồm: Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và

Kỹ thuật Việt Nam, ngành Khoa học - Công nghệ… và các chuyên gia, nhà khoa học ở các lĩnh vực có liên quan.

- Hội đồng thẩm định sáng tạo do Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập.

e.2. Tổ chức đánh giá các ý tưởng, sáng kiến, sáng chế

- Hằng năm, Hội đồng thẩm định sáng tạo của trung ương, địa phương căn cứ tiêu chí đánh giá sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới tổ chức nghiệm thu, đánh giá và xếp loại các sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới.

- Hội đồng thẩm định sáng tạo Trung ương tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới cấp quốc gia.

e.3. Tổ chức tôn vinh, khen thưởng

- Hằng năm, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại các sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới, các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương, các tỉnh, thành phố tổ chức đánh giá, khen thưởng gương điển hình trong phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" ở cấp mình; bình chọn và đề xuất các sáng kiến, sáng chế, ý tưởng mới tiêu biểu với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Định kỳ hàng năm, vào dịp kỷ niệm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2/9, tổ chức biểu dương, tôn vinh và trao Giải thưởng "Người Việt đoàn kết sáng tạo" cho các cá nhân, tập thể tiêu biểu trong phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" và công bố ấn phẩm "Gương người Việt đoàn kết sáng tạo".

f. Tổ chức kiểm tra thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo", hoạt động giám sát và phản biện xã hội về phát triển khoa học - công nghệ, hỗ trợ sáng tạo

- Định kỳ kiểm tra thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo", thực hiện công khai minh bạch rộng rãi hoạt động của Quỹ "Người Việt đoàn kết sáng tạo", Quy chế giải thưởng "Người Việt đoàn kết sáng tạo".

- Tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học công nghệ, về nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm hàng hóa Việt Nam ra thị trường quốc tế.

- Tham gia góp ý, tổ chức phản biện xã hội đối các dự thảo chủ trương chính sách về phát triển khoa học, công nghệ thúc đẩy sự sáng tạo của mỗi người dân Việt Nam.

g. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo" do ngân sách Nhà nước hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học - công nghệ theo phân cấp và xã hội hóa.

IV. Các chương trình giám sát mà Mặt trận Trung ương đã triển khai:

1. Tổng rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng (do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nạn nhân chất độc da cam, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ).

2. Giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp (do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

3. Giám sát việc thực hiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thủy sản và thức ăn gia súc (do Hội Nông dân Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

4. Giám sát việc thực hiện pháp luật của các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập (do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Tổng hội Y học Việt Nam, Tổng hội dược học Việt Nam và Bộ Y tế).

5. Chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020 (giữa Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

6. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của chính quyền cơ sở (Do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Thanh tra Chính phủ và Bộ Tư pháp).

7. Giám sát việc thực hiện Luật khoa học và công nghệ (do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Đo lường chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Bộ Nội vụ tiến hành (do Bộ Nội vụ chủ trì chính).

9. Qui chế phối hợp công tác giữa Ban Nội chính Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trong đó có nội dung giám sát việc thực hiện đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng)

10. Qui chế phối hợp công tác giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (trong đó có nội dung giám sát việc thực hiện thi hành án dân sự).

11. Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên".

12. Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

13. Thông tri hướng dẫn số 10/TT-MTTW-BTT ngày 22/9/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ.

*** Vấn đề quan trọng cần lưu ý trong hoạt động giám sát:**

1. Không biến hoạt động giám sát của Mặt trận thành siêu quyền lực.

2. Trong hoạt động giám sát, điều quan trọng nhất là phải đảm bảo thực hiện đúng chức năng của Mặt trận Tổ quốc là giám sát việc thực hiện quyền lực để không xảy ra lạm quyền trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ công quyền các cấp chứ không phải làm thay ngành chức năng giám sát chuyên môn kỷ thuật => "phải xin ý kiến của ngành chức năng?".

3. Chọn việc để làm - Tuỳ theo sức của mình (do nhân lực, nguồn lực, thế lực, …); tuy nhiên, cũng không phải vì vậy mà không quan tâm để ra nội dung giám sát theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương và nguyện vọng của Nhân dân.

V. Nắm bắt dư luận xã hội:

1. Đối tượng của dư luận xã hội không phải là mọi thực tế xã hội nói chung, mà là những vấn đề được cộng đồng xã hội quan tâm.

2. Chủ thể của dư luận xã hội là cộng đồng người hay nhóm người mang dư luận xã hội.

3. Sự hình thành dư luận xã hội:

- Thứ nhất là sự xuất hiện cảm nghĩ sơ bộ về một vấn đề mà cá nhân vừa lĩnh hội và ý thức cá nhân được hình thành. => Khi đón nhận thông tin về vấn đề gì đó => xuất hiện cảm nhận sơ bộ.

- Thứ hai, sự gặp gỡ trao đổi giữa các cá nhân và ý thức cá nhân chuyển thành ý thức xã hội.

- Thứ ba, hình thành nên các quan điểm cơ bản sau quá trình trao đổi … => trải qua quá trình trao đổi hình thành các quan điểm cơ bản, …

- Thứ tư, thực hiện các quá trình khuyến nghị.

4. Dư luận xã hội thường biểu hiện ở hai dạng:

- Mức độ tinh thần: Là những ý kiến đánh giá, nhận xét và thái độ, tình cảm của quần chúng về hiện tượng, sự kiện xã hội. Đặc biệt là thái độ với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động lãnh đạo, quản lý của cán bộ Đảng, chính quyền…

- Mức độ hành động thực tiễn: Là hệ thống hành vi, hành động thực tiễn cụ thể.

5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành dư luận xã hội:

- Tính chất của các sự kiện, hiện tượng xã hội. => Quy mô, phạm vi thế nào? Đụng chạm đến giai tầng nào? Liên quan đến cả cộng động hay một số ít người. Ví dụ như tăng giá xăng dầu ảnh hưởng đến toàn xã hội, trong khi tăng học phí thì chỉ ảnh hưởng đến đối tượng là sinh viên đang bị áp dụng.

- Phụ thuộc vào trình độ học vấn, hiểu biết chính tri xã hội của các chủ thể. => Thí dụ như đối tượng có trình độ học vấn nhất định thì có tầm suy nghĩ nhận thức nhất định so với các đối tượng khác, do đó dự luận xã hội hình thành ở nhóm chủ thể này được hình thành khoa học, chính xác hơn.

- Phụ thuộc vào tâm lý xã hội, truyền thống, xã hội. => Không phải lúc nào cũng như lúc nào, có những lúc trong trạng thái hưng phấn, phấn khởi có lúc vui lúc buồn.

- Phụ thuộc vào hoàn cảnh chính trị. => Xã hội có dân chủ hay không? Có hay không sự tự do ngôn luận.

Dư luận xã hội có khả năng phản hồi, giáo dục cao, nó còn có khả năng mạnh hơn cả pháp luật, tạo sức ép đối với cá nhân hay tổ chức xã hội.

6. Mối quan hệ giữa Nhà nước và dư luận xã hội:

Dư luận xã hội còn góp phần tăng cường mối quan hệ chính quyền và Nhân dân. Trong quá trình quản lý xã hội, không tránh khỏi đôi lúc những chính sách nhà nước không phản ánh, đáp ứng nguyện vọng của người dân. Dư luận xã hội lúc đó trở thành một công cụ để người dân có thể nêu lên quan điểm của mình trước Nhà nước. Bên cạnh đó, dư luận xã hội có ý nghĩa trong việc định hướng ngược trở lại hành động của Nhân dân, vì thế ta có thể thấy sự hình thành của dư luận xã hội cũng bị chi phối một phần bởi Nhà nước.

VI. Tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân:

1. Biểu hiện của tâm tư, nguyện vọng:

Tâm tư, nguyện vọng được biểu hiện thông qua dư luận xã hội, đó là những ý kiến chung thể hiện sự đánh giá, nhận xét và thái độ, cảm xúc của quần chúng về các hiện tượng, sự kiện xã hội có liên quan đến lợi ích và hứng thú của quần chúng, được quần chúng quan tâm, dư luận xã hội phản ánh tâm tư, nguyện vọng, quan điểm, mong muốn của chủ thể là nhóm người, cộng đồng người.

2. Đặc điểm:

Tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân là những vấn đề được phát biểu, trình bày, đề xuất, kiến nghị có người chịu trách nhiệm, có địa chỉ người đại diện.

3. Sự cần thiết phải nắm bắt tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân:

- Việc nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân có ý nghĩa quan trọng đối với công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước. Chỉ có nắm bắt được tình hình cuộc sống, tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân thì mới có thể đưa ra những chính sách phù hợp nhằm phát huy vai trò của Nhân dân, giữ vững ổn định và phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao được cuộc sống cho Nhân dân.

- Nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, "của dân, do dân và vì dân". Tiếng nói của Nhân dân sẽ ngày càng được chú trọng hơn khi các cơ quan quyền lực ban hành một chính sách nào đó. Việc thường xuyên nắm

bắt tâm tư, nguyệnvọng các tầng lớp Nhân dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tăng cường dân chủ và trong việc tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia ý kiến vào những vấn đề quan trọng của đất nước, đồng thời tăng cường tiếng nói của Nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội.

Thực tế cho thấy, những tâm tư, nguyện vọng, bức xúc của Nhân dân, nếu không được quan tâm, nắm bắt kịp thời, giải quyết đúng lúc, có thể chuyển thành những cuộc "phản ứng tập thể" hoặc dưới các hình thức phức tạp khác, gây mất ổn định chính trị, kinh tế, xã hội, ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng của đất nước và của địa phương.

4. Nội dung thu thập, tập hợp ý kiến, tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân:

1. Ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân về các chủ trương, đường lối, chính sách, quy định của pháp luật về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Ý kiến, nguyện vọng của nhân dân trên từng lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại và xây dựng hệ thống chính trị ở các cấp, từ Trung ương đến cơ sở.

3. Ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân về năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; đạo đức, tác phong, lối sống của cán bộ, đảng viên…

4. Tâm tư, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc thiểu số, tín đồ các tôn giáo, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài về những vấn đề liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài.

5. Về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Các bước trong hoạt động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân:

Bước 1. Tổ chức các kênh để Nhân dân phản ánh tâm tư, nguyện vọng:

1. Thông qua hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

2. Thông qua các vị Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thành viên các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, Tổ tư vấn; cộng tác viên và báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp dưới;

3. Thông qua công tác phối hợp hoạt động và phản ánh của các tổ chức thành viên của Mặt trận;

4. Thông qua công tác phối hợp hoạt động với chính quyền cùng cấp;

5. Thông qua tiếp xúc cử tri;

6. Thông qua tiếp công dân;

7. Thông đơn thư khiếu nại, tố cáo;

8. Thông qua hộp thư góp ý của Nhân dân;

9. Những hình thức khác: như điều tra xã hội học…

* Lưu ý: Mỗi hình thức đều phải có qui chế cụ thể.

Bước 2. Tổng hợp ý kiến, kiến nghị, tâm tư nguyện vọng các tầng lớp Nhân dân:

- Ý kiến, kiến nghị của một hay một nhóm nhỏ người phản ánh, đề xuất, kiến nghị về một hay những vấn đề chung mang tính chất cộng đồng đến các cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết (khác với những vấn đề cá nhân - đơn xin, đề nghị, khiếu nại, ...).

- Tâm tư, nguyện vọng là những vấn đề của số đông Nhân dân trong một khu dân cư, một xã, một huyện hay phạm vi lớn hơn đang muốn phản ánh, đề xuất, kiến nghị đến những cơ quan, những cấp có thẻm quyền để xem xét giải quyết.

Bước 3. Sàng lọc, thẩm định mức độ chính xác và hợp lý, hợp pháp của vấn đề

Bước 4. Phản ánh, đề xuất, kiến nghị với Đảng, chính quyền hay các cơ quan chức năng

Bước 5. Theo dõi kết quả xử lý, giải quyết, trả lời

Bước 6. Xem xét kết quả xử lý, giải quyết, trả lời những vấn đề mà Mặt trận Tổ quốc đã phản ánh, đề xuất, kiến nghị (mức độ đáp ứng nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng Nhân dân của vấn đề)

Bước 7. Thông báo, trả lời cho Nhân dân kết quả xư lý, giải quyết của các cơ quan chức năng.

Chuyên đề 3
CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO TÔN GIÁO TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đỗ Văn Phớn
Phó Trưởng Ban Dân vận TW

1. ĐẶC ĐIỂM TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều tôn giáo

Việt Nam có vị trí rất thuận lợi trong việc giao lưu của nhiều luồng tư tưởng, văn hóa khu vực và thế giới, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai nền văn minh lớn Trung Hoa và Ấn Độ. Về mặt dân cư, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cư trú ở nhiều khu vực với điều kiện tự nhiên, lối sống, phong tục và mỗi dân tộc đều lưu giữ những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo riêng của mình. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn phải tự bảo vệ mình chống lại các thế lực xâm lược ngoại bang. Điều kiện tự nhiên, lịch sử đã tạo cho người Việt Nam với tinh thần dân tộc, tính cộng đồng cao, lại cởi mở, bao dung chứ không hẹp hòi, kỳ thị, khép kín và khả năng tiếp biến văn hóa ngoại sinh. Vì vậy, dù là tôn giáo gì, tín ngưỡng nào, từ đâu đến người Việt Nam cũng sẵn sàng tiếp nhận, miễn là nó không đi ngược lại với lợi ích quốc gia, không xem thường, miệt thị văn hóa bản địa.

Tôn giáo ở Việt Nam được ví như bức tranh thu nhỏ của tôn giáo trên thế giới. Nếu như ở nhiều quốc gia hiện nay vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị, xã hội ở các quốc gia đó, thì tại Việt Nam, rất nhiều tôn giáo khác nhau, từ các hình thức tôn giáo sơ khai như Tô tem giáo, Ma thuật giáo, Saman giáo đến các tôn giáo của thời hiện đại, có tổ chức chặt chẽ như Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Islam giáo… cùng tồn tại và bình đẳng với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo. Các tôn giáo ở Việt Nam gồm cả những tôn giáo có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; Công giáo, Tin lành; Hồi giáo…; có cả những tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Phật giáo Tứ Ân hiếu nghĩa; Bửu Sơn Kỳ Hương; Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu… Cùng với sự đa dạng về tôn giáo, tại Việt Nam còn có sự đa dạng của các loại hình tổ chức tôn giáo, trong đó, có những tôn giáo chỉ có một tổ chức duy nhất (Phật giáo, Công giáo) và cũng có những tôn giáo có rất nhiều tổ chức khác nhau (Tin lành, Cao Đài),…

Trong sự đa dạng tôn giáo ở Việt Nam, có tôn giáo đông tín đồ, chức sắc; có tôn giáo ít tín đồ, chức sắc. Tính đến ngày 31/12/2020, Việt Nam có 16 tôn giáo khác nhau, với 43 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; với khoảng trên 26,5 triệu tín đồ (chiếm khoảng 27% dân số cả nước); trên 58.000 chức sắc; 148.000 chức việc, gần 29.800 cơ sơ thờ tự[3]. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân, ở Việt Nam xuất hiện nhiều loại đạo mới, đạo lạ. Hiện nay, Việt Nam có khoảng trên 70 hiện tượng tôn giáo mới, "đạo lạ", "tà đạo" hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới, "đạo lạ" không có có giáo lý, giáo luật hoặc vay mượn từ các tôn giáo khác (chủ yếu là Phật giáo và các hình thức tín ngưỡng dân gian); một số hiện tượng tôn giáo mới có hoạt động mang tính mê tín dị đoan, lệch lạc, trái với các giá trị đạo đức, văn hóa của dân tộc.

1.2. Các tôn giáo ở Việt Nam tồn tại đan xen, hòa đồng và không có xung đột tôn giáo

[3] Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Báo cáo Tổng kết tình hình, công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021 của ngành quản lý nhà nước về tôn giáo*, Hà Nội.

Là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo nhưng ở Việt Nam không có tôn giáo nào giữ vị trí độc tôn trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc; hầu hết các tôn giáo đều có những đóng góp nhất định cho dân tộc trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Qua mỗi giai đoạn lịch sử, các tôn giáo có vai trò và vị trí khác nhau trong đời sống xã hội, song dù bất kỳ tôn giáo nào được giữ vai trò là hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội, được nhà nước thế tục trọng dụng trong những giai đoạn lịch sử nhất định và nó có sự đối đầu với các tôn giáo khác, nhưng ở Việt Nam chưa từng xảy ra chiến tranh tôn giáo. Nếu như ở nhiều quốc gia hiện nay, vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo với số lượng tín đồ chiếm đa phần dân số (thường gọi là quốc đạo hay quốc giáo) thì ở Việt Nam, các tôn giáo dù ít hay nhiều tín đồ thì đều tồn tại đan xen với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo và các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

1.3. Các tôn giáo ở Việt Nam có mối quan hệ quốc tế rộng rãi

Các tôn giáo ở Việt Nam đều có mối quan hệ quốc tế rộng rãi. Trong 16 tôn giáo ở Việt Nam đã được công nhân tư cách pháp nhân, có 7 tôn giáo có tính quốc tế là Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm, Hồi giáo Islam, BaHa'i và Mormon. Bên cạnh đó, Cao Đài là tôn giáo nội sinh, nhưng hiện nay cũng có các tổ chức trực thuộc ở nước ngoài.

Mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam có 3 cấp độ: quan hệ phụ thuộc về cơ cấu tổ chức quốc tế; quan hệ bình đẳng trong tổ chức quốc tế; quan hệ đồng đạo hoặc có cơ sở trực thuộc ở nước ngoài. Ngoài ra, hiện có khoảng trên 5,3 triệu người Việt Nam định cư ở nước ngoài; phần lớn là tín đồ các tôn giáo, một bộ phận có địa vị, quyền lợi trong chế độ cũ, nay đều có quan hệ với các tổ chức tôn giao trong nước.

1.4. Đặc điểm về tín đồ tôn giáo ở Việt Nam

Tính đến ngày 31/12/2020, cả nước có trên 26,5 triệu tín đồ các tôn giáo. Đặc điểm tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam thể hiện trên các mặt sau:

1.4.1. Một là, tín đồ tôn giáo ở Việt Nam có niềm tin tôn giáo sâu sắc nhưng sự am hiểu về giáo lý, giáo luật tôn giáo còn hạn chế

Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam là những người có đức tin, coi niềm tin tôn giáo như là một định hướng giá trị, rất thiêng liêng và gắn bó với họ một cách tự nguyện; nhưng nhìn chung, hầu hết tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam không am hiểu sâu sắc về giáo lý tôn giáo. Người Việt Nam đến với tôn giáo đa phần xuất phát từ tình cảm chức không phải bằng sự thấu hiểu về lý thuyết cảu các tôn giáo. Tuy nhiên, việc thực hành các nghi lễ tôn giáo và sinh hoạt tín ngưỡng lại được các tín đồ tôn giáo tham gia một cách nhiệt thành. Đây là một đặc điểm cần hết sức lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền về tôn giáo nhằm đảm bảo và thực sự tôn trọng đức tin của bộ phận đồng bào có niềm tin tôn giáo; tránh xúc phạm tới niềm tin tôn giáo của họ.

1.4.2. Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối của thần quyền, giáo lý, giáo luật và lễ nghi của tôn giáo

Ngoài tư cách là công dân, tín đồ tôn giáo còn thuộc về một tổ chức giáo hội nhất định và chịu sự chi phối của thần quyền, giáo lý, giáo luật và lễ nghi của tôn giáo mà họ tin theo, ngoài "việc đời" tín đồ tôn giáo còn tham gia "việc đạo". Mỗi tôn giáo đều có hệ thống giáo lý, giáo luật, nghi lễ và tổ chức riêng, tín đồ theo tổ chức tôn giáo nào đều phải tuân thủ những quy định của tổ chức tôn giáo đó. Do đó, trong cuộc sống hàng ngày, tín đồ còn phải thực hiện các nghi lễ tôn giáo và tham gia các hoạt động đóng

góp cho giáo hội, như chăm sóc nơi thờ tự, làm việc theo phân công của giáo hội, coi trọng và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng tôn giáo; gắn bó, thông thạo các hoạt động từ thiện, cứu trợ xã hội...

Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, tín đồ các tôn giáo Việt Nam đều hăng hái tham gia đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, đại đa số tín đồ các tôn giáo đều thực hiện phương châm sống "tốt đời, đẹp đạo", gắn bó, đồng hành với dân tộc, tích cực cùng toàn dân xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1.4.3. Lối sống, nếp sống của tín đồ mỗi tôn giáo mang mầu sắc riêng của tôn giáo đó

Tín đồ tôn giáo là công dân của một nước, gắn bó với dân tộc, với cộng đồng xã hội, mang bản sắc văn hóa của quốc gia, dân tộc. Đồng thời, tín đồ tôn giáo coi việc tham gia sinh hoạt tôn giáo như là một nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Do đó, đức tin tôn giáo và sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo đã thành lẽ tự nhiên trong cuộc sống hàng ngày của mỗi tín đồ, nếu thiếu vắng sinh hoạt đó người tín đồ sẽ không an tâm, luôn cảm thấy như bị mất mát, không hoàn thành trách nhiệm, bổn phận của tín đồ và như "mắc tội" với đấng thiêng liêng của tôn giáo. Như vậy, việc thực hiện các lễ nghi tôn giáo và những quy định của tổ chức tôn giáo đối với tín đồ, chức sắc tôn giáo được coi như nếp sinh hoạt văn hóa thường ngày của họ. Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, nhất là những sinh hoạt tôn giáo cộng đồng mang tính chất lễ hội. Điều này khác với tín đồ tôn giáo ở một số nước phương Tây hoặc các nước tiên tiến, các sinh hoạt tôn giáo đi theo hướng cá nhân, ở gia đình. Đây là đặc điểm cần quan tâm trong công tác tuyên truyền vận động và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động tôn giáo của tín đồ, chức sắc theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận và theo quy định của pháp luật.

1.4.4. Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam đa số là nông dân, có tinh thần yêu nước, luôn gắn bó với dân tộc

Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam gồm nhiều thành phần xã hội, nhưng đa số là nhân dân lao động, trong đó chủ yếu là nông dân; là bộ phận quần chúng có tinh thần yêu nước, có ý thức dân tộc, có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đa số tín đồ tôn giáo ở Việt Nam chưa thực sự thông hiểu về giáo lý tôn giáo mà họ tin theo. Trong khi đó, việc tham gia thực hành các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo lại khá thường xuyên; đa số tín đồ tôn giáo ở Việt Nam "sùng đạo", gắn bó với giáo hội và tham gia các sinh hoạt tôn giáo một cách tích cực nên họ cũng dễ bị kích động, lôi kéo tham gia vào việc thực hiện ý đồ của những đối tượng xấu, lợi dụng tôn giáo, nhất là đối với tín đồ ở những vùng khó khăn, trình độ dân trí thấp. Trong công tác tuyên truyền, vận động cần phải chú ý phát huy lòng yêu nước và tinh thần lao động cần cù của tín đồ các tôn giáo; đồng thời, phê phán những biểu hiện mê tín, lệch chuẩn trong sinh hoạt tôn giáo.

1.5. Đặc điểm chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo ở Việt Nam

- Chức sắc, chức việc các tôn giáo có vị trí, vai trò quan trọng trong các hoạt động tôn giáo và tổ chức giáo hội, có ảnh hưởng lớn tới quần chúng tín đồ; ở một số tôn giáo, chức sắc còn có tính "Thánh thiêng" (chức sắc Công giáo). Đa số chức sắc tôn giáo ở Việt Nam là người có tri thức, được đào tạo rất căn bản. Chức sắc, chức việc tôn giáo là những người hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo cho các tín đồ; ở những mức độ khác nhau, chức sắc các tôn giáo có thần quyền. Do đó, chức sắc tôn giáo có uy tín và ảnh hưởng rất quan trọng đối với tín đồ, không chỉ trong đời sống tinh thần mà ngay cả trong đời sống văn hóa, xã hội.

- Chức sắc, chức việc của mỗi một tôn giáo lại có những đặc điểm riêng được quy định bởi giáo lý, giáo luật, hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đó, có thứ bậc, phẩm cấp, tên gọi khác nhau: Phật giáo là các tăng, ni - tính từ phẩm sa di trở lên, đến thượng tọa, hòa thượng (đối với tăng), phẩm ni sư, ni

trưởng (đối với ni); Công giáo bao gồm các phẩm: linh mục, giám mục, tổng giám mục, hồng y, Giáo hoàng; đạo Cao Đài từ phẩm lễ sanh trở lên đến phẩm giáo tông và các phẩm khác tương đương (chức sắc cửu trùng đài gồm: lễ sanh, giáo hữu, giáo sư, phối sư, chánh phối sư, đầu sư, thượng phẩm - thượng sảnh, giáo tông); đạo Tin lành là mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo…

- Chức sắc, chức việc các tôn giáo ở nước ta sinh hoạt trong các hệ thống tổ chức chặt chẽ của giáo hội, nhiều người có trình độ văn hóa, có sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý, luật lệ, lễ nghi tôn giáo. Hiện nay, chức sắc tôn giáo ở nước ta đang có sự gia tăng về số lượng, chất lượng và hiện đại hóa mạnh mẽ từ việc nâng cao trình độ thần học, giáo lý, đến trình độ văn hóa nói chung. Chức sắc, chức việc các tôn giáo là lực lượng quan trọng trong mối quan hệ giữa giáo hội của các tôn giáo với nhà nước và là đầu mối trong việc hướng dẫn, quản lý về hoạt động tôn giáo.

- Đại đa số chức sắc, chức việc tôn giáo ở Việt Nam có tinh thần dân tộc, đồng tình với lối sống "tốt đời, đẹp đạo", hoạt động theo đường hướng hành đạo tiến bộ, mong muốn được hoạt động tôn giáo bình thường trong khuôn khổ luật pháp. Chức sắc tôn giáo dù hoạt động theo nhiều khuynh hướng khác nhau, nhưng đều có sự điều chỉnh hoạt động theo hướng thích nghi, hợp tác với chính quyền để tăng cường truyền giáo. Số đông chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo đã vượt qua sự khác biệt giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội là sự khác biệt giữa hữu thần và vô thần, để tìm đến sự tương đồng là tinh thần dân tộc và chủ nghĩa nhân văn. Chính lực lượng chức sắc, chức việc, nhà tu hành này đã góp phần quan trọng đưa các hoạt động tôn giáo theo đường hướng tiến bộ, gắn bó với dân tộc, đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận chức sắc, chức việc, nhà tu hành chưa vượt qua sự dị biệt giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, những vấn đề lịch sử để lại nên họ có thái độ thành kiến, thậm chí có người còn đố kỵ với chính quyền.

1.6. Các tôn giáo ở Việt Nam luôn là đối tượng lợi dụng của các thế lực thù địch, phản động

Trước đây, khi xâm lược Việt Nam, Pháp, Nhật, Mỹ đều tìm cách lợi dụng các tôn giáo để phục vụ cho mục đích chính trị của họ. Việc lợi dụng các tôn giáo của các thế lực đế quốc đã để lại nhiều hậu quả mà Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đang phải giải quyết. Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước vẫn đang thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" với Việt Nam, trong đó, chúng đặc biệt quan tâm lợi dụng vấn đề tôn giáo. Vấn đề tự do tôn giáo được họ gắn với vấn đề nhân quyền, dân chủ với các thủ đoạn cụ thể như sau:

- Khai thác những sai sót trong việc thực hiện chính sách tôn giáo ở một số cơ sở mang tính các biệt trong quá trình đổi mới và hoàn chỉnh pháp luật nhưng "làm to chuyện" để xuyên tạc tình hình tôn giáo ở Việt Nam; vu cáo Việt Nam "đàn áp tôn giáo", vi phạm dân chủ, nhân quyền.

- Tìm cách tác động một số diễn đàn quốc tế, một số tổ chức quốc tế để thông tin sai lệch về tình hình tôn giáo, bôi nhọ chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước nhằm cô lập, gây sức ép với Việt Nam trên trường quốc tế. Một số các nhân còn đưa ra những chuẩn về tự do tôn giáo theo cách của họ để áp đặt vào đánh giá tình hình tôn giáo tại Việt Nam.

- Lôi kéo, mua chuộc, nuôi dưỡng các phần cử cực đoan, ly khai trong các tôn giáo ở trong và ngoài nước, nhất là tìm cách tạo dựng "ngọn cờ" để dựng dậy và tập hợp số chống đối thành lực lượng đối lập; đồng thời, tuyên truyền, kích động tư tưởng ly khai, tự trị, chủ nghĩa biệt phái để chống phá, gây mất ổn định tình hình các tôn giáo ở Việt Nam.

- Tìm cách chính trị hóa một số vấn đề tôn giáo, nhất là vấn đề tôn giáo nhạy cảm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn vấn đề tôn giáo với vấn đề dân tộc; lợi dụng việc truyền đạo và theo đạo để tạo ra tâm lý nghi ngờ vào chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

- Lợi dụng các vấn đề "mang tính thời sự" ở trong nước để kích động số cực đoan, quá khích và lôi kéo một bộ phận nhân dân gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Do đó, công tác tuyên truyền, vận động đồng bào tôn giáo phải vừa góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Đảng, nhà nước ta về tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; vừa góp phần thực hiện tốt chính sách tôn giáo, tôn trọng và đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng tín đồ; đồng thời, giúp cho chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo nâng cao cảnh giác, không tin, không nghe theo các luận điệu tuyên truyền sai trái của các thế lực thù địch và các đối tượng xấu. Đồng thời, tích cực đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam; làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước ta.

2. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Đời sống tôn giáo ở Việt Nam ngày càng sôi động và có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực

2.1.1. Sinh hoạt tôn giáo của tín đồ ngày càng sôi động

Sinh hoạt tôn giáo của tín đồ là một trong những yếu tố quan trọng khi tiếp cận đời sống tôn giáo vì nó thể hiện niềm tin tôn giáo, đồng thời, cũng thể hiện sự tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhà nước. Thời gian gần đây, nhiều sinh hoạt tôn giáo diễn ra với quy mô lớn, kéo dài thời gian - điều mà trước đây hầu như không thực hiện được. Điển hình là tại Hội yến Diêu Trì Cung (Rằm tháng 8 ÂL hằng năm) của Hội thánh Cao Đài Tây Ninh; dịp lễ Khai đạo Phật giáo Hòa Hảo (ngày 18 tháng 5 Âl hằng năm); Lễ hội Hành hương Thánh địa La Vang của Công giáo hàng năm; Lễ khai mạc Năm Thánh 2010 của Giáo hội Công giáo Việt Nam tại Sở Kiện, Hà Nam đều thu hút hàng trăm nghìn lượt người tham gia; Lễ Kỷ niệm 100 năm đạo Tin lành truyền đến Việt Nam (2011) tại Đà Nẵng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thu hút hàng vài chục nghìn lượt tín đồ, chức sắc và khách quốc tế tới tham dự; Đại lễ Vesak năm 2008 tại Hà Nội; Đại lễ Vesak năm 2014 tại Bái Đính, Ninh Bình có hằng chục nghìn tăng, ni, phật tử và hằng nghìn khách quốc tế từ hằng trăm quốc gia và vũng lãnh thổ tham dự; Đại lễ Vesak năm 2019 tổ chức tại chùa Tam Chúc, Hà Nam (từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 5 năm 2019) với sự tham dự của khoảng 30 nghìn tăng, ni, phật tử cả nước, 250, 1.650 khách quốc tế đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 04 lãnh đạo quốc gia (Tổng thống Nepan; Thủ tướng Myanmar; Phó Tổng thống Ấn Độ; Chủ tịch Thượng viện Butan) và Phó Tổng Thư ký Liên hợp quốc, 28 vị đại sứ và đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam…

Sự sôi động của đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay còn thể hiện ở sự gia tăng số tín đồ tôn giáo. Có thể lấy một số mốc thời gian trước và sau đổi mới để so sánh: năm 1985, số lượng tín đồ là 14 triệu; năm 1990 là 14,50 triệu; năm 2000 là 20,0 triệu; năm 2005 là 22,0 triệu; năm 2010 là 23,0 triệu; năm 2017 là 25,2 triệu và năm 2020 là hơn 26,5 triệu.

2.1.2. Về công nhận tổ chức tôn giáo

Cùng với bình thường và mở rộng sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, một nội dung đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện chính sách tôn giáo ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay là việc công nhận các tổ chức tôn giáo. Trước đổi mới, ở Việt Nam chỉ có 03 tôn giáo được Nhà nước công nhận hoạt động về tổ chức của Phật giáo, Công giáo, Tin lành ở miền Bắc.

Trước khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004, Nhà nước Việt Nam công nhận 14 tổ chức tôn giáo, chủ yếu là những tôn giáo lớn, đông tín đồ và chức sắc, có phạm vi hoạt động rộng. Ngoài các tổ chức đã được công nhận từ trước, trong giai đoạn này, lần lượt theo thời gian có 11 tổ chức tôn giáo mới được Nhà nước công nhận[4]. Sau khi có Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và đặc biệt là Luật Tín

[4] Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh được công nhận năm 1992; Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được công nhận năm 1995; Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo được công nhận năm 1996; Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu được công nhận năm 1996; Hội thánh Truyền giáo Cao Đài được công nhận năm 1996; Hội thánh Cao Đài Tây Ninh được công nhận năm 1997; Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh đạo được công nhận năm

ngưỡng, tôn giáo năm 2016, tính đến hết ngày 31/12/2020, Nhà nước đã công nhận và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 29 tổ chức[5].

Như vậy, tính đến 31/12/2020, có tất cả 43 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau có địa vị pháp lý hoạt động ở Việt Nam, trong đó, có 38 tổ chức được công nhận, 04 tổ chức và 01 pháp môn tu học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Quần chúng tín đồ, chức sắc các tổ chức tôn giáo được công nhận rất phấn khởi, mối quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền được cải thiện rõ rệt theo hướng ngày càng tích cực; các hoạt động tôn giáo liên quan đến tổ chức tôn giáo đều được triển khai để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ và hoạt động của chức sắc.

2.1.3. Công tác mở trường đào tạo chức sắc tôn giáo được quan tâm

Tính đến tháng 02/2021, các tôn giáo ở Việt Nam có 65 cơ sở đào tạo chức sắc với trên dưới 10.000 học viên đang theo học.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 47 cơ sở đào tạo, trong đó có 04 Học viện Phật giáo (Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại Cần Thơ); 01 trường Trung, Cao đẳng Phật học; 34 trường Trung cấp Phật học; 08 lớp Cao đẳng Phật học.

- Giáo hội Công giáo Việt Nam có 12 cơ sở đào tạo, gồm: 01 Học viện Công giáo Việt Nam; 01 Học viện Thần học Thánh Phêrô Lê Tùy tại Tổng Giáo phận Hà Nội và 10 Đại Chủng viện (Đại Chủng viện Thánh Giuse Hà Nội; Đại Chủng viện Thánh tâm Thái Bình; Đại Chủng viện Đức Mẹ Vô nhiễm Bùi Chu (Nam Định); Đại Chủng viện Vinh Thanh (Nghệ An); Đại Chủng viện Huế (Thừa Thiên - Huế); Đại Chủng viện Sao Biển Nha Trang (Khánh Hòa); Đại Chủng viện Thánh Giuse thành phố Hồ Chí Minh; Đại Chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ); Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc và Cơ sở 2 Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Đà Lạt).

- Các Hội thánh Tin lành có 04 cơ sở: Viện Thánh kinh Thần học Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam); Trường Kinh thánh Hà Nội của Hội thánh Tin lành Việt Nam

---

1997; Hội thánh Cao Đài Bạch y được công nhận năm 1998; Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo được công nhận năm 1999 và Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được chính thức công nhận năm 2004; Hội thánh Cao Đài Chơn lý được công nhận năm 2000; Hội thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan được công nhận năm 2000; Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được công nhận năm 2001. Điều cần quan tâm là các lần công nhận tổ chức tôn giáo nói trên, các văn bản của Nhà nước đều nói rõ là "công nhận tư cách pháp nhân" như với các tổ chức Cao Đài, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam). Riêng trường hợp Phật giáo Hòa Hảo, việc thành lập Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo năm 1999 là quá độ để tiến tới thành lập Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo năm 2004.

[5] Ân điển Nam Phương (2008); Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam (2008); Hội thánh Báp-tít Việt Nam - Nam Phương (2008); Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam (2008); Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam (2008); Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (2008); Hội thánh Mennonite Việt Nam (2009); Bửu Sơn Kỳ Hương (2009); Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam thanh Vô vi (2010); Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam (2010); Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2010); Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Tây Ninh (2010); Hội thánh Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) được công nhận năm 2011; Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh Ninh Thuận (được công nhận năm 2012); Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bà - ni tỉnh Bình Thuận (được công nhận năm 2012); Ban Quản trị Thánh đường Al Noor Hà Nội (được công nhận năm 2013); Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn (2016); Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam (2018); Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam (2018); Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê - su Ky - tô Việt Nam, còn gọi là Mormon hay Mặc Môn (2019) được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo dựa trên Ban Đại diện Giáo hội các Thánh hữu ngày sau của Chúa Giê - su Ky - tô Việt Nam (Mormon hay Mặc Môn) được chấp thuận năm 2016. Riêng Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam được công nhận pháp nhân năm 2019 sau 10 năm được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (2009)

(miền Bắc); Trường Kinh thánh Đà Nẵng của Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam; Trường Kinh thánh của Hội thánh Cơ đốc Phục lâm Việt Nam.

- Các Hội thánh Cao Đài có 01 cơ sở đào tạo là Học viện Truyền giáo Cao Đài tại Đà Nẵng; hiện nay, các Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên đang xúc tiến việc thành lập Học viện Cao Đài Tiên Thiên tại Bến Tre.

- Phật giáo Hòa Hảo có 01 cơ sở là Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo tại An Giang.

Với sự quan tâm của Nhà nước và các cấp chính quyền, số lượng chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam ngày càng tăng: năm 1995, cả nước có trên 31,5 nghìn chức sắc; năm 2005 có trên 42 nghìn chức sắc; năm 2010 có 49,5 nghìn chức sắc; năm 2020 có 58,1 nghìn chức sắc. Riêng Phật giáo từ 12 nghìn chức sắc năm 1990 đã tăng lên trên 32 nghìn chức sắc năm 2020; Công giáo từ 2.700 chức sắc năm 1990 tăng lên trên 8,1 nghìn chức sắc năm 2020; Tin lành từ 506 chức sắc năm 1990 tăng lên trên 2,1 nghìn chức sắc năm 2020. Ngày 20 tháng 02 năm 2020, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ đã có Quyết định số 35/QĐ-TGCP về việc ban hành Chương trình hai môn học Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam trong các cơ sở đào tạo tôn giáo.

2.1.4. Về xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong cả nước có gần 29.800 cơ sở thờ tự của các tôn giáo, tăng khoảng 5.800 cơ sở so với năm 2008. Hầu hết các cơ sở thờ tự tôn giáo đã được sửa chữa, nhiều cơ sở thờ tự được xây mới (chỉ tính riêng trong năm 2020, cả nước có 192 cơ sở thờ tự được xây mới và 230 cơ sở thờ tự được sửa chữa). Nơi thờ tự là một trong những điều kiện đảm bảo sinh hoạt tôn giáo của tín đồ nên được chính quyền rất quan tâm. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, ngoài các cơ sở thờ tự theo truyền thống (chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường…), theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, còn có địa điểm hợp pháp phục vụ sinh hoạt tôn giáo là đất, nhà ở, công trình mà tổ chức hoặc cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất cơ sở tôn giáo đang sử dụng được thực hiện theo đúng pháp luật. Tính đến tháng 31/12/2020, số cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm 74,96% tổng số cơ sở. Bên cạnh đó, việc xem xét giao đất cấp đất cho các tôn giáo để mở rộng cơ sở thờ tự, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ cũng được quan tâm.

2.1.5. Việc in ấn, xuất bản ấn phẩm tôn giáo

Từ khi đổi mới, việc in ấn, xuất bản ấn phẩm tôn giáo được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi. Chỉ tính hơn 05 năm hoạt động đầu tiên của Nhà xuất bản Tôn giáo (1999 - 2004) đã xuất bản được trên 1.303 tựa sách với hơn 6.514.000 bản in, 205 văn hóa phẩm (lịch, băng, đĩa liên quan đến tôn giáo).

Tính đến năm 2020, ở Việt Nam cấp toàn đạo của các tổ chức tôn giáo có 15 tờ báo và tạp chí đang hoạt động, trong đó có những từ báo, tạp chí có uy tín. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động với rất nhiều trang Thông tin điện tử, các trang mạng xã hội, website của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động. Đặc biệt, ngày 12 tháng 01 năm 2020, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức khai trương Trung tâm điều hành điện tử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2.1.6. Về hoạt động quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, các hoạt động quốc tế của các tôn giáo được mở ra trên nhiều tuyến, nhất là các quan hệ về phương diện tổ chức giữa tổ chức tôn giáo ở Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới, như Công giáo, Tin lành, Hồi giáo Islam… Ngoài các hoạt

động quốc tế bình thường mang tính tổ chức hoặc giao lưu với các tổ chức tôn giáo quốc tế, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam tham gia rất tích cực các hội nghị, các diễn đàn tôn giáo khu vực và quốc tế như: Đối thoại liên tín ngưỡng Á - Âu (ASEM); hợp tác liên tín ngưỡng giữa các nước của Phong trào Không liên kết; đối thoại nhân quyền Việt Nam - Mỹ, Việt Nam - EU, Việt Nam - Úc…[6]

Từ năm 1990, Việt Nam đã có quan hệ không chính thức với Tòa thánh Vatican; hai bên đã thành lập Tổ Công tác hỗn hợp để bàn lộ trình quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Vatican. Đặc biệt, các vị lãnh đạo Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã gặp người đứng đầu Tòa thánh Vatican trao đổi những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. Từ những động thái ngoại giao nói trên, từ năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã chấp thuận "Đặc phái viên không thường trú của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam"[7]. Chính phủ Việt Nam và Tòa thánh Vatican đã đạt được thỏa thuận nâng cấp quan hệ từ "Đặc phái viên không thường trú" lên "Đặc phái viên thường trú" của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam (hiện hai bên đang thống nhất các nội dung trong Quy chế Đặc phái viên thường trú)…

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam một mặt đáp ứng nhu cầu của các mối quan hệ, hoặc về tổ chức, hoặc đồng đạo, hoặc chia sẻ trách nhiệm trước những vấn đề "thời sự" của thế giới như chiến tranh, xung đột tôn giáo, sắc tộc, môi trường, biến đổi khí hậu… Mặt khác, quan hệ quốc tế của các tôn giáo là kênh ngoại giao nhân dân góp phần làm cho thế giới hiểu biết thêm về Việt Nam, về chuyển biến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống tôn giáo ở Việt Nam.

2.2. Các tôn giáo ở Việt Nam hoạt động ngày càng ổn định, tuân thủ pháp luật với xu hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều tổ chức tôn giáo, có tôn giáo chỉ có một tổ chức giáo hội như: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, nhưng cũng có tôn giáo có nhiều tổ chức giáo hội độc lập như Cao Đài (trên 10 tổ chức), Tin lành (13 tổ chức được công nhận)… Hầu hết các tổ chức tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam đều xây dựng đường hướng hoạt động tiến bộ, tuân thủ pháp luật và gắn bó, đồng hành với dân tộc. Kế thừa truyền thống "hộ quốc, an dân", Giáo hội Phật giáo Việt Nam xác định đường hướng hoạt động "*Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội*". Công giáo Việt Nam xác định đường hướng mới ngay từ khi thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam qua **Thư chung năm 1980**: "*Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc*". Các Hội thánh Cao Đài đều xác định đường hướng "*Nước vinh, Đạo sáng*". Phật giáo Hòa Hảo xác định "*Vì Đạo pháp, vì Dân tộc*". Các Hội thánh Tin lành đều xác định "*Sống Phúc âm, Phụng sự Thiên chúa, Phục vụ Tổ quốc và Dân tộc*" hoặc "*Sống theo lời Chúa, phục vụ tha nhân, phục vụ Tổ quốc*", hoặc "*Trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời ba ngôi theo đúng mẫu mực Kinh Thánh và trung thành với Tổ quốc Việt Nam*"[8]. Các tổ chức tôn giáo khác khi được công nhận về tổ chức cũng đều xác định đường hướng hành đạo tiến bộ, như của Tứ Ân Hiếu Nghĩa "*Hành Tứ Ân - sống Hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết toàn dân tộc*"; Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam "*Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân*"; Ban đại diện Cộng đồng Hồi giáo thành phố Hồ Chí Minh "*Sống tốt đạo, đẹp đời, phát huy truyền thống Islam – đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*"…

Nét nổi bật của đường hướng hoạt động của các tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế được thể hiện trên ba khía cạnh: *Một là*, hoạt động tôn giáo thuần túy theo đúng giáo lý,

---

[6] Theo thống kê không chính thức của Ban Tôn giáo Chính phủ, trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2019, có tất cả 505 đoàn khách tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo; 1.538 đoàn thuộc tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam tham gia hoạt động quốc tế ở nước ngoài.

[7] Ngày 13 tháng 01 năm 2011, Tòa thánh đã bổ nhiệm Tổng Giám mục Leopoldo Girelli làm Đặc phái viên không thường trú của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam; từ năm 2018 đến nay là Tổng Giám mục Marek Jalewski thay thế.

[8] Ban Tôn giáo Chính phủ (2015) *Hiến chương các tổ chức Tin lành ở Việt Nam*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội, tr.32.

giáo luật, lễ nghi truyền thống; *Hai là,* hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng đất nước; *Ba là,* hoạt động tôn giáo tuân thủ quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Đường hướng hoạt động tiến bộ của các tôn giáo ở Việt Nam phản ánh sự hài hòa giữa tôn giáo và xã hội, sự tương đồng giữa tôn giáo và cách mạng. Đây chính là những nét đặc trưng nổi bật của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; thể hiện sự nỗ lực của chức sắc, tín đồ các tôn giáo, gạt bỏ những vướng mắc, thành kiến, thậm chí là những nghi kỵ do lịch sử để lại. Tất cả để hướng đến mục đích chung "*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, và văn minh*". Sau khi xác định đường hướng hoạt động, các tổ chức tôn giáo đều động viên chức sắc, tín đồ nỗ lực thực hiện tốt các mặt về tôn giáo và xã hội, đóng góp tích cực và hiệu quả vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

Không chỉ xác định đường hướng hoạt động, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam còn cử người trực tiếp tham gia vào các cơ quan dân cử và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội để góp phần đưa đường hướng đã được xác định vào đời sống tôn giáo và xã hội. Trong mỗi khóa Quốc hội từ khóa I đến khóa XV đều có đại biểu là chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tôn giáo (như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo) tham gia; nhiều vị đã giữ những trọng trách, chức vụ quan trọng của Quốc hội, góp phần thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Bên cạnh đó, các tôn giáo ở Việt Nam còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục dạy nghề, tự thiện nhân đạo, bảo trợ xã hội…, góp phần hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện mới hiện nay[9].

2.3. Một số tôn giáo có xu hướng phát triển nhanh trong vùng dân tộc thiểu số

Hầu hết các dân tộc thiểu số vẫn giữ tín ngưỡng nguyên thủy, thờ đa thần với quan niệm vạn vật hữu linh và thờ cũng theo phong tục tập quán truyền thống. Tuy nhiên, theo thời gian, các tôn giáo dần thâm nhập vào những vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hình thành các cộng đồng tôn giáo. Đặc biệt, thời gian gần đây, một số tôn giáo, nhất là Tin lành phát triển khá nhanh, nhất là ở khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên.

Một là, cộng đồng dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long theo Phật giáo Nam tông. Theo thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến năm 2020, cả nước gần 1,3 triệu tín đồ, hơn 7000 vị sư, sinh hoạt tại 462 ngôi chùa trên địa bàn 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó tập trung chủ yếu ở các địa phương khu vực Tây Nam bộ.

Hai là, cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo đạo Công giáo và đặc biệt là đạo Tin lành. Theo thống kê của Giáo hội Công giáo, năm 2017 ở khu vực Tây Nguyên có 49.581 người dân tộc thiểu số theo đạo Công giáo. Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2019, ở 5 tỉnh Tây Nguyên và vùng cao duyên hải miền Trung và Nam Trường Sơn có 639.990 người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành (chưa kể 20.100 tín đồ là người Kinh), sinh hoạt ở 331 chi hội và 1.742 điểm nhóm (gấp hơn 12 lần so với trước năm 1975) của hơn 30 tổ chức, hệ phái Tin lành. Việc tăng nhanh số người theo đạo Tin lành đặt ra những vấn đề liên quan đến vấn đề dân tộc, đến vấn đề văn hóa, đến công tác đối nội, công tác đối ngoại, và cả vấn đề an ninh trật tự ở khu vực Tây Nguyên.

---

[9] Đặc biệt, từ đầu năm 2020 đến nay, trước diễn biến phức tạp của tình hình Covid-19, Lãnh đạo các tổ chức tôn giáo đã chủ động, tích cực hưởng ứng và hướng dẫn chức sắc, chức việc, tín đồ thực hiện nghiêm các quy định của Chính phủ, khuyến cáo của Bộ Y tế, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và chính quyền các địa phương, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn trong tổ chức tôn giáo về việc dừng, hoãn, huỷ các hoạt động tôn giáo tập trung đông người, dừng các hoạt động tôn giáo quốc tế góp phần ngăn chặn, không để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng... Đồng thời, có nhiều hoạt động với ý nghĩa thiết thực như tham gia tình nguyện phục vụ tuyến đầu, hỗ trợ trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch, giúp đỡ về vật chất cho đồng bào gặp khó khăn do thiên tai, bão lũ, dịch bệnh với số tiền lên tới hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Ba là, cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Bắc (bao gồm các tỉnh miền núi phía Bắc) theo Công giáo, đạo Tin lành. Theo thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam năm 2005, ở các tỉnh Tây Bắc có 38 nghìn người dân tộc thiểu số theo Công giáo. Đặc biệt, chỉ hơn ba chục năm trở lại đây (1985-2019), từ hơn một nghìn người Dao theo Tin lành ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã có đến 233.619 người Mông và số ít người Dao, Sán Chỉ, Pà Thẻn… theo đạo Tin lành.

Ngoài ra, cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo và Bà-la-môn. Năm 2017, người Chăm theo Hồi giáo chính thống (Chăm Islam) là 30.000 người, người Chăm theo Hồi giáo không chính thống (Chăm Bà-ni) là 50.095 người, người Chăm theo đạo Bà-la-môn (Bà Chăm) là 66.515 người (tổng số người Chăm ở Việt Nam là 162.000 người ở 24 tỉnh, thành phố).

Cơ bản tình hình tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoạt động theo xu hướng ổn định, tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, tiềm ẩn những vấn đề phức tạp liên quan đến vấn đề lịch sử, quan hệ tộc người, vấn đề niềm tin tôn giáo và xung đột văn hóa… cần phải được hết sức quan tâm. Cùng một lúc phải thực hiện thật tốt hai chính sách đặc thù là chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo trong một đối tượng quần chúng, cùng một lúc phải thận trọng giải quyết cả hai vấn đề lớn vốn phức tạp và nhạy cảm là: dân tộc và tôn giáo.

2.4. Hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện đa dạng ở Việt Nam

Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, ở nước ta hiện nay có khoảng 71 hiện tượng tôn giáo mới, trong đó có 27 hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam và 44 hiện tượng tôn giáo mới hình thành từ trong nước; trong đó có một số tổ chức hội, nhóm trái pháp luật mang danh nghĩa tôn giáo với những hoạt động phức tạp, bất thường tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế, văn hóa, chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, dao động trong quần chúng nhân dân, làm phức tạp tình hình an ninh chính trị tại một số địa phương, trong đó đáng chú ý là hoạt động của: Thanh Hải Vô Thượng Sư, Pháp môn Diệu Âm, Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ, Ân Điển Cứu Rỗi, Tia Chớp Phương Đông, Hội thánh Tin lành đống Christ Tây Nguyên, Giê Sùa, Bà Cô Dợ, tổ chức bất hợp pháp "Dương Văn Mình"… Mặc dù hoạt động với giáo lý vay mượn, không có hệ thống; nghi lễ thì chắp vá, đơn giản nhưng các hiện tượng tôn giáo mới, "tà đạo" thu hút hàng ngàn người tham gia.

Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới thời gian qua đã có tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống chính trị, xã hội. Nổi lên là:

- Một số hiện tượng tôn giáo mới lợi dụng việc tuyên truyền, phát triển tổ chức đã liên hệ với các mặt trái, tiêu cực trong đời sống xã hội, đặc biệt là các vấn đề tham nhũng, tiêu cực và những sai sót trong quá trình lãnh đạo, điều hành của chính quyền để gián tiếp phê bình thể chế chính trị ở nước ta. Các hoạt động đó làm sai lệch nhận thức của những người tin theo đối với Đảng, Nhà nước nên dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng vào các hoạt động chống đối; gây phương hại đến sự ổn định chính trị, xã hội, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Một số hiện tượng tôn giáo mới tuyên truyền cách thức thực hành tín ngưỡng mang màu sắc mê tín dị đoan, phi đạo đức, phản văn hóa; lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh để trục lợi thông qua việc thu tiền chữa bệnh, thu phí các loại… Một số người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới đã bỏ bê việc làm ăn kinh tế, gây ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập của gia đình; một số còn chối bỏ các truyền thống văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của người Việt… dẫn đến mâu thuẫn, mất đoàn kết trong gia đình, cộng đồng.

- Một số hiện tượng tôn giáo mới thông qua việc tán phát "thư ngỏ" có nội dung tuyên truyền về "ngày tận thế", "thời mạt pháp"…, đe dọa nếu nhận được thư mà không viết thư hoặc tuyên truyền cho người khác thì sẽ bị rủi ro, tai nạn, có khi thiệt mạng. Đáng chú ý, các tổ chức này đã tập trung tuyên

truyền vào các đối tượng là học sinh, gây tâm lý lo lắng, bất an cho cả học sinh và phụ huynh, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn.

3. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO TÔN GIÁO HIỆN NAY

3.1. Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Cương lĩnh của Đảng đã khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo nguồn sức mạnh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp dựng nước, giữ nước và xây dựng phát triển đất nước. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*".

Để thực hiện đại đoàn kết, đồng bào các tôn giáo có ý nghĩa hết sức quan trọng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, trên cơ sở lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm mục tiêu chung.

Đồng bào các tôn giáo có quyền và nghĩa vụ công dân như mọi công dân Việt Nam khác trong làm ăn, sinh sống, học tập, tham gia cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng hợp pháp, công tác xã hội và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, xuất phát từ mục tiêu quan trọng của cách mạng nước ta hiện nay là không ngừng củng cố, tăng cường sức mạnh qua khối đại đoàn kết toàn dân tộc; mặt khác, quan điểm trên còn xuất phát từ thực tiễn, các thế lực thù địch đã và đang thường xuyên lợi dụng vấn đề tôn giáo, gắn tôn giáo với vấn đề dân tộc, nhân quyền, dân chủ để chống phá cách mạng Việt Nam. Do đó, đại đoàn kết toàn dân, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng; không phân biệt giữa người không theo tôn giáo với những người theo các tôn giáo khác nhau; đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được coi là một nguyên tắc trong công tác tôn giáo.

3.2. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX "*Về công tác tôn giáo*" đã chỉ rõ: "*Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng", "Công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng".*

Quan điểm trên của Đảng xuất phát từ vai trò của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng, trong đó quần chúng tín đồ tôn giáo là một bộ phận lớn, là đối tượng của công tác tôn giáo - một lĩnh vực mang tính đặc thù, nhạy cảm, được thể hiện trên một số mặt sau:

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo là công dân có niềm tin tôn giáo, họ phải chịu sự điều chỉnh, tác động của tổ chức tôn giáo qua hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo. Tôn giáo ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn đã cho thấy hoạt động tôn giáo luôn có mặt tích cực và hạn chế. Công tác tôn giáo thực hiện có kết quả khi vận động người có tôn giáo nhận thức và tự giác thực hiện hoạt động sao cho phát huy tích cực và hạn chế tiêu cực.

Tôn giáo có tính quần chúng, nhưng là "*quần chúng đặc biệt*" - quần chúng có niềm tin tôn giáo, có sự khác biệt nhất định trong quan niệm về thế giới và con người so với quần chúng không có tôn giáo. Niềm tin tôn giáo có nhiều nội dung khác quan điểm duy vật, nhưng mang tính bền vững.

Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng, sinh hoạt tôn giáo là nhu cầu không thể thiếu vắng trong đời sống của người tín đồ. Nhu cầu đó, được thể hiện trên những nội dung cụ thể (nhu

cầu về chức sắc, chức việc, nơi thờ tự, kinh sách, thực hiện các lễ nghi tôn giáo…) và liên quan trực tiếp tới công tác quản lý nhà nước.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, tôn giáo vẫn luôn bị các đối tượng xấu lợi dụng phục vụ cho các mục đích phi tôn giáo của họ, các thế lực thù địch lợi dụng, sử dụng vào mục đích chính trị chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Nhưng, ở đâu làm tốt công tác vận động tín đồ, chức sắc tôn giáo, thì ở đó các thế lực xấu sẽ khó lợi dụng được và ngược lại, những nơi không làm tốt công tác vận động quần chúng tôn giáo, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, sẽ là điều kiện, thậm chí tạo cớ cho các thế lực xấu lợi dụng, kích động gây phức tạp về an ninh trật tự.

Mỗi tôn giáo đều bao gồm các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và đông đảo tín đồ; sinh hoạt tôn giáo là sinh hoạt của một cộng đồng người có chung niềm tin, tín ngưỡng. Do đó, tính quần chúng trong sinh hoạt tôn giáo rất cao. Quần chúng tôn giáo có nét đặc thù riêng, họ có niềm tin tôn giáo, có đời sống tâm linh. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo thuộc lĩnh vực quản lý chuyên về một lĩnh vực nhạy cảm (liên quan đến niềm tin của con người) bởi nhiều đối tượng khác nhau với nhiều nét đặc thù. Vận động để chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, thì việc quản lý của nhà nước mới đạt kết quả tốt. Vì vậy, công tác vận động quần chúng tôn giáo luôn là giải pháp phải được ưu tiên, coi trọng trong xử lý các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam có tinh thần yêu nước, đoàn kết, gắn bó với dân tộc, có nhiều đóng góp qua các thời kỳ của cách mạng. Làm tốt công tác vận động quần chúng tín đồ tôn giáo là để tập hợp đồng bào các tôn giáo thành lực lượng của cách mạng nhằm thực hiện các mục tiêu do Đảng đề ra, hạn chế sự lôi kéo, kích động của các thế lực thù địch và các phần tử xấu. Có thể xem vận động đoàn kết là gốc của mọi mặt công tác đối với tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

3.3. Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo, chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần, đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Công tác vận động quần chúng cần được thực hiện bằng nhiều hình thức, phương pháp, nhằm phát huy được thế mạnh riêng biệt của từng tôn giáo và truyền thống yêu nước của đồng bào có đạo, thông qua các phong trào "*phụng đạo, yêu nước", "tốt đời, đẹp đạo"...*

Công tác vận động quần chúng tôn giáo cần phát huy những yếu tố tích cực trong tôn giáo, phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, phát huy các giá trị văn hoá, đạo đức tôn giáo... làm lành mạnh đời sống tôn giáo và đời sống xã hội, đồng thời còn tạo thêm yếu tố đồng thuận củng cố khối đại đoàn kết, hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra.

Công tác vận động quần chúng tôn giáo muốn đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực cần phải giúp đồng bào có tôn giáo không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện cho các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng về tôn giáo của quần chúng có đạo ngày càng được đáp ứng đầy đủ hơn.

Vận động quần chúng tôn giáo, phòng chống và đấu tranh với âm mưu lợi dụng tôn giáo, gây mất ổn định xã hội. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo là hai mặt có tác dụng tương hỗ, đòi hỏi phải nhận thức được đâu là nhu cầu, nguyện vọng tôn giáo chính đáng của quần chúng cần phải quan tâm, đáp ứng và đâu là yếu tố lợi dụng tôn giáo vì những mục đích xấu cần phải lên án, xử lý theo pháp luật.

3.4. Phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021) ghi rõ: "*Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước*".

Nguồn lực tôn giáo thường được thể hiện ở hai phương diện:

- Nguồn lực tinh thần đó là những giá trị văn hóa, đạo đức do hoạt động tôn giáo mà hình thành.

- Nguồn lực vật chất, là trí lực, lực lượng lao động, kiến trúc, hội họa, nguồn vốn xã hội do lao động, sáng tạo từ cộng đồng tôn giáo làm ra, do tích lũy và huy động từ khả năng của cộng đồng tôn giáo.

Hai loại nguồn lực này được thể hiện ở sự kết hợp hai dạng hoạt động: hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội, thúc đẩy lẫn nhau trong cùng một chủ thể là tổ chức tôn giáo. Ở bất cứ thời kỳ nào từ khi có tôn giáo, các tổ chức tôn giáo luôn duy trì và phát triển song song hai loại hình hoạt động này. Nếu hoạt động tôn giáo tách biệt khỏi hoạt động xã hội thì tôn giáo chỉ là hoạt động thuần túy "đạo". Trong khi tất cả các tôn giáo đều hướng tới hoạt động nhập thế, vì "đời" và không tách rời con người và xã hội.

Công tác tôn giáo phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người nhằm mục tiêu đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển. Nhìn nhận và phát huy những giá trị tích cực về đạo đức và văn hóa của tôn giáo, những đóng góp của tôn giáo đối với xã hội - đó chính là phát huy nguồn lực tôn giáo trong sự nghiệp phát triển đất nước.

4. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO TÔN GIÁO

4.1. Nội dung công tác vận động đồng bào tôn giáo

Vận động đồng bào tôn giáo nhằm thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng với nhiều nội dung khác nhau. Trong khuôn khổ chuyên đề, chúng ta tìm hiểu một số nội dung chính của công tác vận động đông bào tôn giáo ở Việt Nam.

4.1.1. Vận động để đồng bào các tôn giáo hiểu và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao lòng yêu nước, ý thức công dân

Nắm được chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện lòng yêu nước, ý thức, trách nhiệm công dân với Tổ quốc là trách nhiệm, nghĩa vụ đồng thời là quyền lợi của mỗi công dân Việt Nam trong đó có chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo.

Để chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các thông tin liên quan tới kinh tế xã hội đến được với nhân dân, chính quyền các cấp phải thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước, địa phương và cơ sở cho nhân dân.

Đối với đồng bào các tôn giáo việc tuyên truyền, thông tin những nội dung trên càng có ý nghĩa, nhất là các chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động tôn giáo. Vừa thể hiện trách nhiệm trước nhân dân, vừa để đồng bào có tôn giáo biết về chủ trương và những quy định đối với hoạt động tôn giáo để chủ động tham gia thực hiện, vừa thể hiện sự quan tâm tới đối tượng đồng bào có tôn giáo.

Tuyên truyền, vận động khơi dậy truyền thống yêu nước, ý thức trách nhiệm đồng hành cùng dân tộc. Giáo dục để đồng bào các tôn giáo nhận thức rõ công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa ở nước ta phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người. Mục tiêu: "*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*", phù hợp với đạo lý của tôn giáo. Từ đó tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia tích cực của đồng bào tôn giáo vào các hoạt động vì lợi ích chung, vì sự phát triển của đất nước.

Phát huy dân chủ, nắm bắt nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của chức sắc, tín đồ tôn giáo để xem xét, điều chỉnh chủ trương, chính sách, pháp luật cho phù hợp. Tuyên truyền, vận động giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân. Tôn trọng tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc, đồng bào theo các tôn

giáo khác nhau; tạo sự đồng thuận, đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo.

Thông tin, tuyên truyền để tín đồ, chức sắc tôn giáo nhận rõ những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, gắn vấn đề tôn giáo với vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng Việt Nam; những hoạt động vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tôn giáo mưu lợi ích cá nhân của những đối tượng xấu, trên cơ sở đó xây dựng ý thức tự giác đấu tranh, góp phần giữ vững sự ổn định xã hội.

4.1.2. Vận động đồng bào tôn giáo chủ động và tích cực thực hiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế - xã hội

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo. Thông qua triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm giúp cho đồng bào hiểu và chủ động thực hiện các chương trình, dự án, mô hình... phát triển kinh tế - xã hội cụ thể như xóa đói giảm nghèo; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, các mô hình sản xuất, kinh doanh... để áp dụng vào phát triển kinh tế gia đình, địa phương, nhằm góp phần nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân. Đặc biệt quan tâm tới khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi đồng bào có nhiều thiệt thòi vì khoảng cách địa lý, địa hình…

Cùng với phát triển kinh tế, quan tâm phát triển văn hoá, giáo dục, y tế... giúp cho nhân dân, từng bước cải thiện cuộc sống, nâng cao dân trí, củng cố niềm tin của quần chúng tôn giáo với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Động viên, khuyết khích đồng bào tôn giáo tham gia tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự ở từng địa phương, cơ sở.

Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, quan tâm tới vùng có đông tín đồ tôn giáo. Các cấp cử cán bộ thường xuyên tổ chức tiếp xúc, trao đổi với tín đồ, chức sắc tôn giáo, qua đó nắm tâm tư, nguyện vọng của quần chúng tôn giáo. Đồng thời, thông tin những chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương để chức sắc, tín đồ tôn giáo hiểu, đồng tình và ủng hộ.

Kịp thời nắm bắt những vấn đề bức xúc nảy sinh trong cộng đồng tôn giáo để có biện pháp giải quyết phù hợp, quan tâm giải quyết những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp, nhất là trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của chức sắc, tín đồ theo quy định của pháp luật.

4.1.3. Vận động đồng bào các tôn giáo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Vận động chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia các phong trào trào thi đua yêu nước của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội như: phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, sống tốt đạo, đẹp đời", "Xây dựng xứ, họ đạo tiên tiến", "Phong trào giữ gìn an ninh, trật tự*"; *"Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; "Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu"; xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước làng xã, thôn xóm văn hoá và gia đình văn hoá*...

Vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo; phát huy truyền thống "*lá lành đùm lá rách*", giúp đỡ người tàn tật, trẻ mồ côi, cơ nhỡ, các gia đình khó khăn, gặp thiên tai, hoạn nạn, người già cô đơn không nơi nương tựa; tham gia tích cực các phong trào "*đền ơn, đáp nghĩa", "vì người nghèo"*... thực hiện tốt chính sách của Đảng, Nhà nước, đề cao đạo lý của dân tộc đối với những người có công với Tổ quốc, với nhân dân.

Phát huy nguồn lực tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục mầm non, dạy nghề, bảo trợ xã hội, qua các hoạt động thiết thực như: thành lập các trung tâm bảo trợ xã hội, giúp người khó khăn, chăm sóc người bệnh, người già cô đơn, nuôi trẻ mồ côi, các lớp dạy nghề, trông trẻ, lớp mẫu giáo... tham gia tích cực vào công tác phòng, chống các tai, tệ nạn xã hội theo đúng quy định của pháp luật, giúp cho, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo "*gắn bó đạo với đời*" thực hiện "*tốt đời, đẹp đạo".*

4.1.4. Vận động để đồng bào các tôn giáo chủ động và tích cực tham gia có hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo

Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, để đồng bào các tôn giáo chủ động hoạt động và hoạt động có hiệu quả trong khuôn khổ của pháp luật. Từng bước hoàn thiện cơ chế nhà nước pháp quyền, quản lý nhà nước về tôn giáo được luật hóa qua những quy định, công khai, rõ ràng, cụ thể. Theo quy định của pháp luật, nhiều hoạt động tôn giáo do chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo thực hiện là đối tượng của quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Thế nhưng chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo cũng là chủ thể trong quản lý đó khi tham gia vào quá trình quản lý, giám sát hoạt động quản lý, hoạt động xã hội với vai trò công dân, thực hiện "dân làm chủ".

Trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, cần chú ý quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho cho đồng bào các tôn giáo nắm vững pháp luật, nhất là Luật tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo hoạt động, sinh hoạt tôn giáo theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng pháp luật. Quan tâm cải cách thủ tục hành chính, giáo dục đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm với công việc cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp.

Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để quan tâm giải quyết, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của chức sắc, tín đồ; kịp thời giải quyết, xử lý những vấn đề phát sinh, các vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thông qua vận động, thuyết phục để quần chúng tín đồ hiểu và thấy được đúng, sai, tự sửa chữa, khắc phục.

Biểu dương, khen thưởng kịp thời những nhân tố tích cực, gương người tốt, việc tốt; đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Vận động quần chúng tham gia đấu tranh, giáo dục với những người có hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; lợi dụng tôn giáo để lôi kéo quần chúng tín đồ gây rối trật tự trị an, đòi hỏi những điều mà luật pháp không cho phép; lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ.

4.1.5. Vận động phát huy những người có uy tín, tích cực trong tôn giáo

Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tôn giáo để vận động đồng bào các tôn giáo thực hiện hoạt động tôn giáo theo tinh thần nhập thế, kết hợp thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội... các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động theo phương châm "*lợi đạo ích đời*".

Thông qua hoạt động tôn giáo kết hợp với các phong trào hoạt động xã hội, phát hiện những điển hình tiêu biểu trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo. Những tấm gương tiêu biểu đó là đại diện điển hình của hoạt động tôn giáo nhập thế, đồng thời là nhân tố tích cực giúp cho công tác vận động đồng bào tôn giáo thuận lợi hơn. Mặt khác từ những nhân tố tích cực đó mà bồi dưỡng, đào tạo, giới thiệu những người có uy tín tham gia các cơ quan dân cử: Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành đoàn thể các cấp để tăng thêm sức thu hút của các tổ chức chính trị - xã hội với đồng bào tôn giáo.

Chú trọng công tác xây dựng cốt cán trong tôn giáo; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là người có đạo thực sự gương mẫu, có uy tín, hết lòng vì nhiệm vụ được giao, vì sự tiến bộ của đồng bào có tôn giáo.

Thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, động viên chức sắc, tín đồ, tổ chức tôn giáo, nhân các ngày lễ trọng của các tôn giáo; xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa chính quyền với chức sắc và các tổ chức giáo hội. Thực hiện ứng xử bình đẳng giữa các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận.

Quan tâm động viên phong trào và tổ chức yêu nước trong đồng bào tôn giáo như: Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, Hội đoàn kết sư sãi yêu nước...

4.2. Hình thức vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo

Từ thực tiễn và kinh nghiệm công tác tôn giáo, trong quá trình cách mạng, do đặc điểm, phong tục, truyền thống văn hóa và sự khác biệt của mỗi một tôn giáo, nên hình thức vận động tôn giáo khác nhau, không dập khuân, khô cứng, máy móc thiếu hiệu quả trong công tác vận động. Trong khuôn khổ của chuyên đề chúng ta tìm hiểu một số hình thức vận động sau:

4.2.1. Hình thức vận động qua tuyên truyền giáo dục

Tuyên truyền cung cấp thông tin, truyền đạt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, kế hoạch của chính quyền địa phương, cơ sở để các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo hiểu rõ và đồng tình, ủng hộ. Thông qua các buổi thuyết giảng tại các cơ sở thờ tự, nhà thờ, thánh đường....họ sẽ để tuyên truyền, vận động đông đảo tín đồ tôn giáo cùng thực hiện. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức Giáo hội nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ, lễ trọng, lễ buộc của tôn giáo như: (bảo đảm an ninh, trật tự, cháy nổ, giao thông, an toàn thực phẩm, tuyên truyền), khuyến khích đồng bào tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo, xoá đói, giảm nghèo,…để các tôn giáo tích cực đóng góp cho xã hội.

Thông qua tuyên truyền, đồng bào có tôn giáo được nâng cao hiểu hiết về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, qua tuyên truyền họ biết về vai trò, nghĩa vụ của họ trong xã hội, tinh thần trách nhiệm của công dân, lòng tự trọng của con người được phát huy, ý thức tích cực trong họ được điều chỉnh. Mỗi chức sắc, tín đồ tôn giáo sẽ chủ động, tự giác thực hiện theo sự hiểu biết và nhận thức họ tiếp thu qua tuyên truyền.

Đòi hỏi công tác tuyên truyền phải kịp thời, đầy đủ và trung thực. Không thể để phản tuyên truyền xảy ra do thiếu trung thực, nhất là đồng bào các tôn giáo có niềm tin tâm linh và đạo đức tôn giáo.

4.2.2. Hình thức vận động qua đấu tranh

Đối với đồng bào có tôn giáo, tuyệt đại đa số là những người thuần túy tôn giáo, chân chất trong niềm tin tâm linh với ước nguyện cuộc sống an lành theo tinh thần của đấng tối cao trong tôn giáo họ theo, đồng bào các tôn giáo vẫn sống hòa đồng, đoàn kết tôn trọng nhau vì một mẫu số chung là Tổ quốc, đồng bào và hạnh phúc con người.

Tuy nhiên trong thực tiễn, một số thời điểm có hiện tượng lấy danh nghĩa đòi quyền lợi của Giáo hội, đã có những cá nhân triệt để khai thác sơ hở của chính sách, pháp luật việc chưa hoàn thiện của chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội; lợi dụng người có niềm tin tôn giáo, lợi dụng đoàn kết trong cộng đồng tôn giáo, để lôi kéo, tập hợp chức sắc, tín đồ tôn giáo. Nâng quan điểm, xuyên tạc, kích động, lôi kéo đồng bào có tôn giáo đấu tranh đòi "*quyền lợi*", đòi công bằng, dân chủ,…gây phức tạp về an ninh trật tự; ảnh hưởng đến đời sống đức tin của đông đảo tín đồ tôn giáo.

Trước thực tế đó, thực hiện công tác vận động chức sắc tôn giáo; đặc biệt là những vị chức sắc giữ vị trí chủ chốt trong bộ máy hành chính đạo, chỉ rõ những âm mưu, thủ đoạn đang lợi dụng tôn

giáo để lôi kéo quần chúng tham gia gây rối; đề nghị họ phê phán, cái sai của những người lợi dụng tôn giáo, giả danh tôn giáo, không vì mục đích tốt đẹp của Giáo hội mà vì quyền lợi bản vị, hẹp hòi của cá nhân, nhằm tạo sự đồng thuận trong tôn giáo; đồng thời có định hướng tuyên truyền tác động để đồng bào có tôn giáo hiểu rõ bản chất sự việc, tự họ tránh xa luận điệu của kẻ xấu. Tổng kết kinh nghiệm cho thấy, trong vận động đấu tranh với những người xấu lợi dụng tôn giáo, hiệu quả cao là việc để chính người mắc sai lầm công khai nói về sai lầm trước cộng đồng tôn giáo và xã hội.

4.2.3. Hình thức vận động qua động viên, khen thưởng

Thực hiện đúng pháp luật là trách nghiệm, nghĩa vụ của công dân trong xã hội. Thực hiện tốt và hiệu quả hơn quy định của pháp luật là đạo đức văn hóa tốt đẹp trong con người. Pháp luật đưa ra các quy định chung cho xã hội mà mỗi người biết những gì được làm và những gì không được làm để tự giác thực hiện, không làm ảnh hưởng tới lợi ích xã hội và cá nhân khác.

Trong thực tế, có người vì mưu lợi cá nhân đã lách luật hoặc lợi dụng chưa hoàn thiện của pháp luật để vượt hàng rào của luật. Cũng có một số người biết sai nhưng vì "*lợi mình kệ người*" vẫn cố làm sai với quy định của pháp luật. Ngược lại, không ít người vì tình thương con người "*thương người như thể thương thân"*, vì đạo đức "*đói cho sạch, rách cho thơm", "Giấy rách giữ lấy lề",* họ đã không làm sai luật mà còn làm tốt hơn cả quy định của luật thông qua các hoạt động từ thiện, tương trợ,... Những tấm gương đó rất nhiều trong đời sống xã hội, đặc biệt trong đồng bào các tôn giáo, những người có niềm tin ở "*nhân quả*", tin ở "*soi xét của Đấng tối cao*".

Công tác vận động thông qua khen thưởng có vai trò ý nghĩa quan trọng công tác tôn giáo. Nhiều giáo sỹ chức sắc, tôn giáo có công lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tấm gương mẫu mực, tận tụy tham gia các hoạt động thiện nguyện về Y tế, giáo dục, dạy nghề, nuôi dưỡng trẻ em nghèo…đã được Chính quyền tôn vinh, khen thưởng với nhiều danh hiệu cao quý, tạo sự lan tỏa về tinh thần bác ái, nhân văn trong xã hội. Do vậy, người làm công tác tôn giáo cần nhận biết, đề xuất khen thưởng một người để tạo được sự ủng hộ hàng vạn người.

4.2.4. Hình thức vận động tranh thủ cảm hóa cá biệt

Trong đời sống xã hội nói chung và đời sống tôn giáo nói riêng, hình thức vận động qua cảm hóa cá biệt có vai trò quan trọng. Đặc biệt trong những lĩnh vực nhạy cảm, khó khăn như tôn giáo. Tranh thủ cá biệt, vận động cá biệt là một phương pháp trong công tác tôn giáo, là việc làm khó khăn, thông qua uy tín, vị trí, vai trò của cá nhân để tuyên truyền vận động.

Trong đồng bào các tôn giáo, do đức tin tôn giáo, do đời sống tôn giáo ít nhiều có khoảng cách với đời sống thế tục, nhiều chức sắc, cá nhân tôn giáo có lối sống không thích gần cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước,… Trong số này có nhiều biểu hiện, tựu chung có hai dạng:1) Những người có niềm tin và thực hành tôn giáo sâu, thường có uy tín cao trong tổ chức và cộng đồng tôn giáo của họ, nhưng họ không gần gũi với chính quyền (những người ôn hòa thì họ không thể hiện qua lời nói hoặc hành động cực đoan công khai); 2) những người giữ khoảng cách tôn giáo, không tiếp cận, làm việc với chính quyền (họ có tính cực đoan) thì lên tiếng chỉ trích, lôi kéo người có đạo xa lánh thế tục,.. hai đối tượng này là những cá biệt, có tác động khá lớn trong cộng đồng tôn giáo vì họ giữ giới và sống đời sống tôn giáo chuẩn chỉ.

Tranh thủ vận động được đối tượng cá biệt này cần tâm huyết, cần kiên trì và sự chuẩn mực để thuyết phục, cảm hóa họ.

Tóm lại: trong thực tiễn công tác vận đông tôn giáo, khó có một hình thức riêng biệt nào cho kết quả cao. Cần kết hợp các hình thức vận động, vừa tuyên truyền, giáo dục thuyết phục, tranh thủ cá nhân. Xây dựng điển hình tập hợp quần chúng tín đồ trong các phong trào thi đua yêu nước, vận động

trực tiếp qua thăm hỏi, gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, trao đổi. Vận động tập trung và vận động cá biệt; vận động bằng phương pháp kinh tế, hành chính, quản lý...

4.3. Phương pháp vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo

Quần chúng tôn giáo có đặc thù là niềm tin tâm linh đối với họ rất thiêng liêng. Bề trên của họ là người rất đáng kinh trọng, môi trường tôn giáo tâm linh của họ là môi trường thiêng liêng,.. Dưới con mắt của những người có tôn giáo, người không có tôn giáo là người không có đức tin, người làm công tác chính quyền số đông là người không có tôn giáo, nên họ luôn giữ khoảng cách nhất định. Như vậy, trong công tác vận động quần chúng tôn giáo cần phải hiểu sự khác biệt và khoảng cách đó để có phương pháp phù hợp trong tiếp xúc và vận động đồng bào có tôn giáo; đồng thời vạch rõ âm mưu lợi dụng tôn giáo. Chính những phương pháp, kinh nghiệm vận động hiệu quả, đã xử lý hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội, phát huy nguồn lực của tôn giáo để xây dựng và phát triển đất nước.

4.3.1. Không lạm dụng "Chủ nghĩa vô thần khoa học"

Người cán bộ làm công tác vận động tôn giáo có lập trường và tư tưởng cách mạng. Tuy nhiên, trước các đối tượng tôn giáo và đồng bào tôn giáo, không nên hoặc rất khéo léo khi nói về "*Chủ nghĩa vô thần khoa học"*. Đây là vấn đề cần xác định rõ để tránh ngộ nhận về phân biệt, xúc phạm hoặc phủ nhận tôn giáo.

Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Không chống tôn giáo, nhưng kiên quyết chống sự lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phi tôn giáo, đi ngược với truyền thống văn hóa dân tộc.

4.3.2. Tôn trọng niềm tin tôn giáo

Tôn trọng đức tin tôn giáo của người có đạo, tránh xúc phạm tới tình cảm tôn giáo của họ; cần có sự hiểu biết nhất định về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của từng tôn giáo trong công tác vận động, tuyên truyền đối với đồng bào có tôn giáo.

Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo để có ứng xử hài hòa, có phương pháp vận động phù hợp.

Bài học về phương pháp ứng xử, vận động tôn giáo của Hồ Chủ tịch hết sức sâu sắc: Hồ Chủ tịch lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho tư tưởng cách mạng, nhưng Người luôn quan tâm tới niềm tin tâm linh của đồng bào các tôn giáo. Tiếp xúc với từng tôn giáo, Người đều thể hiện sự thành kính, đúng mực qua ngôn ngữ, cử chỉ phù hợp với mỗi tôn giáo. Tôn trọng niềm tin và ứng xử đúng mực với tôn giáo là nền tảng cho phương pháp vận động tôn giáo hiệu quả.

4.3.3. Vận động tôn giáo là một phần trong vận động toàn dân

Vì mục tiêu chung xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong phong trào chung của toàn dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các tổ chức, giới, đoàn thể, tôn giáo… phát huy thế mạnh riêng, khơi dậy những tiềm năng riêng để thể hiện sự cống hiến tích cực và hiệu quả nhất. Với sự nghiệp chung đó, với phương pháp khéo léo đó, đồng bào các tôn giáo sẽ cùng nhau đoàn kết để thể hiện rõ nguồn lực tôn giáo của mình cống hiến cho công cuộc bảo vệ, xây dựng phát triển đất nước.

Phương pháp này thực hiện được khi trở thành phong trào chung, thống nhất nói và làm. Công tác vận động quần chúng tôn giáo hiệu quả phải đồng bộ thông qua việc thực hiện tốt chính sách kinh tế - xã

hội, an ninh - quốc phòng và hệ thống pháp luật; bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân.

4.4. Một số kinh nghiệm trong công tác vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo

Trong thực tiễn công tác tôn giáo, mỗi người bằng năng lực, phẩm chất và những nét riêng được thể hiện và đạt kết quả trong công tác vận động tôn giáo.

Thành công có ở rất nhiều người, nhưng kinh nghiệm trong công tác vận động tôn giáo thì thật không dễ học và thực hiện. Tuy nhiên qua quá trình công tác, qua đúc rút kinh nghiệm từ một số người có bề dày trong công tác tôn giáo, xin chắt lọc một số kinh nghiệm trong vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo như sau:

4.4.1. Khiêm tốn, chân thành, đúng mực

Người có đức tin tôn giáo thường sâu sắc, khi mới tiếp xúc với người lạ, với chính quyền, họ thường ít nói, sống khép mình và quan sát người tiếp xúc qua cử chỉ, lời nói, thái độ,… Trong khi người làm công tác tôn giáo có ba trạng thái:

(1) Người ít tiếp xúc, chưa hiểu về tôn giáo, chưa có kinh nghiệm giao tiếp, trước mặt các chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo thường e dè thiếu tự tin, nói không rõ, cử chỉ, hành động luống cuống.

(2) Người có đào tạo, có tìm hiểu về tôn giáo, có địa vị xã hội trong quan hệ với tôn giáo, nhưng không có thực tiễn về tôn giáo. Trước đối tượng tôn giáo tỏ ra tự tin, nói hơi quá so với hiểu biết thật, ứng xử tỏ ra có quyền uy, bề trên;

(3) Người hiểu về tôn giáo, có thực tiễn về tôn giáo, nắm vững những vấn đề cần trao đổi, vận động. Luôn điềm tĩnh, chủ động và làm chủ trong giao tiếp với đối tượng tôn giáo; giữ nguyên tắc, không hứa với chức sắc, giáo sỹ tôn giáo.

Để công tác vận động có hiệu quả, người cán bộ phải có kiến thức, có thái độ chân thành thân thiện, đúng mực gần gũi với đối tượng tôn giáo. Đối tượng tôn giáo nhìn vào người mà họ giao tiếp để họ cân nhắc có nên tin hay không nên tin.

- Tin và phục thì nghe và làm theo.

- Không tin, không phục thì "*dạ vâng*" và "*thuần phục giả vờ, tự do thật sự*".

Người làm công tác tôn giáo, khi tiếp xúc, làm việc với các đối tượng tôn giáo, có thể chưa hiểu nhiều về tôn giáo, có thể không có vị trí cao trong xã hội. Nhưng khiêm tốn, chân thành, đúng mực, sẽ tạo được niềm tin cho người có tôn giáo. Khi đã tin họ sẵn sàng nghe và theo, nếu không thì ngược lại. Đó là kinh nghiệm rất quý của nhiều thế hệ đã đúc kết.

Để công tác vận động có hiệu quả, người cán bộ phải có thái độ chân thành, thân thiện, đúng mực, gần gũi với đối tượng tôn giáo. Đối tượng tôn giáo nhìn vào người mà họ giao tiếp để họ cân nhắc có nên tin hay không nên tin.

4.4.2. Hiểu biết về tôn giáo, nắm vững chủ trương, pháp luật

Nội dung này vừa là yêu cầu vừa là kinh nghiệm, trước đối tượng tôn giáo không thể xuề xòa, nói sai, nói nửa vời.

Người làm công tác tôn giáo phải hiểu biết về đặc điểm tổ chức, lịch sử hình thành, giáo lý, lễ nghi của từng tôn giáo cụ thể; nắm vững đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

4.4.3. Có đạo đức, có nhân cách tốt

Tôn giáo có chuẩn mực đạo đức riêng, họ rất tôn trọng đạo đức và nhân cách con người. Người làm công tác tôn giáo phải có đạo đức trung thực, có nhân cách tốt, tác phong chuẩn mực gương mẫu, có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng. Nếu không trước tôn giáo chỉ là "*màn kịch đạo đức của hai bên*". Người có tôn giáo họ biết vị thế và đời sống của họ và của người họ phải nghe. Gặp người tốt, nhân cách tốt họ vui vẻ nghe và làm theo, gặp người không như ý họ cho "*Ngưu tầm ngưu*", " *lâu dài tôn giáo vẫn là tôn giáo*".

4.4.4. Hiểu rõ từng tôn giáo, đặc điểm riêng của từng vùng miền, nhất là đồng bào dân tộc

Trong công tác vận động tôn giáo, nắm chắc đặc điểm từng tôn giáo là một lợi thế tốt. Tuy nhiên cần nắm vững đặc điểm phong tục tập quán, nếp sống của đồng bào tôn giáo ở các vùng miền. Người miền núi nhất là người dân tộc thiểu số thường ít nói, nhưng khi tin họ luôn nghe theo hết sức chân thành. Đến với người miền núi và đặc biệt là dân tộc thiểu số không cần nói nhiều. Nói ngắn gọn, rõ, dễ hiểu và quan trọng nhất là nói phải đi đôi với làm, không được để mắc sai lầm, một lần sai lầm trước họ là rất khó lấy lại niềm tin.

4.4.5. Một số trao đổi trong vận động, xử lý "điểm nóng" liên quan đến tôn giáo

Thứ nhất, để xử lý "*điểm nóng*" có liên quan đến tôn giáo, việc đầu tiên là phải xác định vụ việc có phải là "*điểm nóng*". Khi có dấu hiệu "điểm nóng" phải tìm hiểu kỹ và phân tích rõ nguyên nhân. Tìm ra đúng nguyên nhân, bản chất vụ việc mới có thể xác định được phương pháp xử lý phù hợp.

Thứ hai, xử lý "*điểm nóng*" tôn giáo, bảo đảm phải đúng lý, đúng pháp luật. Đối chiếu với những quy định của tôn giáo (Hiến chương, Điều lệ, Quy chế… của tổ chức giáo hội đã được Nhà nước chấp thuận). Kết hợp "*luật Nhà nước*", "*luật tôn giáo*" xem vụ việc có vi phạm "*luật*" không. Nếu có vi phạm "*luật*" chỉ cụ thể đối tượng đã vi phạm theo quy định cụ thể ở "*luật*" nào. Chỉ được vi phạm quy định của "*luật*" sẽ thuận lợi cho việc xử lý.

Thứ ba, tạo dư luận, vận động quần chúng đồng tình ủng hộ việc xử lý, vận dụng khéo léo nguyên tắc "*dùng đạo để giải quyết việc đạo*", phát huy vai trò của cốt cán, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo. Thực hiện phương châm: không đẩy vụ việc bé thành to; bình thường thành phức tạp; Không để sơ hở tạo cớ cho kẻ xấu lợi dụng, kích động, gây rối.

Thứ tư, tiến hành xử lý "*điểm nóng tôn giáo*" phải có sự phối hợp, tham gia của các ban ngành, đoàn thể, đảm bảo thống nhất đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều tiết của chính quyền.

Tóm lại, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động đồng bào có đạo. Công tác vận động quần chúng tôn giáo là nền tảng, là chỗ dựa cho quản lý nhà nước về tôn giáo và đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo. Đó chính là việc khơi dậy tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, phát huy ý chí, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng cơ sở chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội ở mỗi địa phương và trong phạm vi cả nước, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Chuyên đề 4

KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN GẮN VỚI PHONG TRÀO THI ĐUA "DÂN VẬN KHÉO"

TS. Lý Hoàng Nam

1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ "DÂN VẬN KHÉO"

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1.1. Dân vận

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ, thì *"dân vận là sự vận động trong dân chúng để lôi cuốn họ theo một đường lối nào đó"*.

Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý (chủ biên): *"Dân vận là tuyên truyền vận động Nhân dân"*.

Theo Hồ Chí Minh: *"Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể giao cho"*

1.1.2- Công tác Dân vận

Là công việc của toàn bộ HTCT dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành tập hợp, vận động, đoàn kết Nhân dân, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình KT,VH,XH, QPAN vào cuộc sống, góp phần tạo ra sự đồng thuận, thống nhất trong xã hội nhằm thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng.

1.1.3- "Dân vận khéo"

Là sự *đổi mới về phương thức, nội dung hoạt động CTDV của Đảng nhằm khắc phục bệnh thành tích, hình thức*, thay vào đó là mô hình có địa chỉ và cách làm cụ thể, mang lại hiệu quả thiết thực ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia phát triển KT-XH; giữ gìn ANCT TTATXH; thúc đẩy thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị và địa phương; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1.2- NHẬN THỨC VỀ "DÂN VẬN KHÉO"

1.2.1- Nhận thức chung

Trong bài viết về Dân vận đăng trên báo Sự Thật ngày 15/10/1949 Bác Hồ đã chỉ rõ: "... Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công". Khái niệm "khéo" đi đôi với "thành công". Việc gì "thành công" cũng hàm chứa yếu tố "dân vận khéo". Việc càng khó, vận động thành công thì mức độ "khéo" trong công tác vận động càng nỗi bật; hiệu quả, tác dụng càng cao.

Xây dựng mô hình "Dân vận khéo" trên từng địa bàn, từng cơ sở, từng cơ quan, đơn vị cần chú ý mức độ khó của từng phần việc, công việc để nâng cao giá trị điển hình và tác dụng nhân rộng.

1.2.2- Khái quát về mô hình "Dân vận khéo".

+ **"Mô hình Dân vận khéo"** là phương thức, hình thức tập hợp mới trong công tác vận động quần chúng, phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội hiện đại; xây dựng **"Mô hình Dân vận khéo"** là một nghiệp vụ dân vận *(sáng tạo điển hình và nhân điển hình)* rất quan trọng có tính chất quyết định trong quá trình xây dựng và phát triển phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

+ **Mô hình "Dân vận khéo"** là mô hình ở cơ sở[1], hiện chưa định hình rõ nét hoặc mô hình đã có, được cá nhân, tổ chức thực hiện có kết quả; hoặc mô hình có nhiều khó khăn, phức tạp nhiều người cho rằng không thực hiện được, nhưng có cá nhân, tổ chức quyết tâm tìm tòi, sáng tạo, kiên trì thực hiện thành công, được xã hội công nhận, có tác dụng nhân rộng, nhưng hiện chưa được tổng kết đánh giá.

+ Mô hình được đánh giá là **"Khéo"** phải có tác dụng cổ vũ, động viên một nhóm người, tổ chức, địa phương, đơn vị khác học tập và làm theo.

1.2.3- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nội dung mô hình "Dân vận khéo"

- "Mô hình Dân vận khéo" thực chất là khéo tổ chức, thực hiện đồng bộ các hoạt động dân vận của cả hệ thống chính trị nhằm mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội; tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân, góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, thể hiện "ý Đảng hợp lòng dân".

- Dân vận khéo là nắm chặt diễn biến tâm trạng, tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân, đặc biệt là những vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội.

- Dân vận khéo là nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện những sáng kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để đề ra các giải pháp xử lý thích hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị và khéo kết hợp 3 lợi ích: cá nhân, tập thể, Nhà nước.

- Dân vận khéo là khéo tuyên truyền, vận động, thuyết phục, khơi dậy được trách nhiệm công dân, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần sáng tạo trong quần chúng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận để nhân dân tự giác chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước hoặc tự tổ chức thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và giúp đỡ của Nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ thiết thực, lợi nhà, ích nước của từng địa phương đơn vị.

- Dân vận khéo trở thành mô hình khi cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội quần chúng có chủ trương chỉ đạo và thực hiện, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; được đánh giá, rút kinh nghiệm nhân rộng.

1.3- HỆ THỐNG, LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ "DÂN VẬN KHÉO"

1.3.1- Xây dựng mô hình "Dân vận khéo" theo hệ thống

- Mô hình "Dân vận khéo" xây dựng theo hệ thống chính trị bao gồm:

Khối đảng; khối chính quyền; khối đoàn thể; khối lực lượng vũ trang

- Mô hình "Dân vận khéo" xây dựng theo hệ thống ngành, bao gồm:

Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Công đoàn, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh.

1.3.2- Các loại hình "Dân vận khéo" trên các lĩnh vực

- Khéo - trên lĩnh vực vận động nhân dân xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm...), xây dựng nông thôn mới; xây dựng đô thị "xanh-sạch-đẹp".

- Khéo - trong vận động xã hội hoá giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm; xây dựng tinh thần thi đua trong học tập, rèn luyện; trong xây dựng "gia đình hiếu học", xây dựng xã hội học tập.

- Khéo - trong việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động chăm sóc gia đình chính sách, người nghèo, người neo đơn, cơ nhỡ, người cao tuổi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam...; trong vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo, các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong tôn giáo dân tộc và các nhà hảo tâm tham gia hoạt động xã hội, từ thiện.

- Khéo - trong phong trào xây dựng khu dân cư tiên tiến, phong trào xây dựng đời sống văn hoá, vận động tổ chức lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ

quốc phòng - an ninh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. (Thành phố Hồ Chí Minh có hướng dẫn 5 không)

- Khéo - trong xây dựng các loại hình hợp tác phát triển sản xuất, cải tạo điều kiện ăn ở sinh hoạt, nâng cao mức hưởng thụ...; trong đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, thi đua làm giàu chính đáng, xoá đói giảm nghèo.

- Khéo - trong việc tham gia thực hiện các khâu vận động tái định cư, đền bù, giải toả khi thực hiện các dự án gặp phải khó khăn, vướng mắc; trong hoà giải các mối quan hệ trong cộng đồng dân cư (tranh chấp, xích mích, bất hoà trong xóm giềng, gia đình, thân tộc)...

- Khéo - trong xây dựng lực lượng cốt cán trong dân tộc, tôn giáo.

- Khéo - trong xây dựng tổ chức Mặt trận, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng, đoàn viên, hội viên.

- Khéo - trong vận động thực hiện tốt cải cách hành chính, thực hiện phương châm **"trọng dân, gần dân, học dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân"**; trong xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

- Khéo- trong vận động nhân dân đóng góp xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh...

1.3.3- Tiêu chí chung

- Mô hình Dân vận khéo được xây dựng và thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; trên tất cả các địa bàn: nông thôn, đô thị, hải đảo, cơ quan, đơn vị...

- Mô hình Dân vận khéo được hình thành từ các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ở những nơi bức xúc, những việc khó khăn, cấp bách, do làm tốt công tác dân vận đã tạo ra sự đồng thuận xã hội cao, cách làm sáng tạo, hiệu quả, trở thành một hình mẫu có thể áp dụng ở nhiều địa phương, đơn vị.

- Mô hình Dân vận khéo mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, kết hợp hài hoà 3 lợi ích: cá nhân, tập thể, Nhà nước.

- Mô hình Dân vận khéo phải có tính bền vững và sức lan tỏa ở cơ sở, địa phương, đơn vị.

- Mô hình Dân vận khéo mang tính xã hội hoá cao, do những tổ chức và cá nhân làm chủ thể, nhưng phải được sự lãnh đạo, chỉ đạo, vận động trực tiếp của

một tổ chức trong hệ thống chính trị của Đảng (hiến đất mở đường, nhà trọ không tăng giá).

1.4- PHƯƠNG CHÂM, PHƯƠNG PHÁP

1.4.1- Phương châm.

Muốn xây dựng và thực hiện thành công mô hình **"Dân vận khéo"** cần:

- Ý thức **luôn dựa vào dân** theo phương châm "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong" để thực hiện. Khi nảy sinh khó khăn, mâu thuẫn trong quá trình thực hiện cũng **phải dựa vào dân, dựa vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để giải quyết**.

- Bám và kiên trì thực hiện phương châm **"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"**. Tìm mọi cách để **làm cho dân hiểu** đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chủ trương của đảng bộ và chính quyền. **Chỉ cho dân thấy** những lợi ích chung của xã hội, của cộng đồng và lợi ích của cá nhân họ. Thường xuyên tiếp cận, **nắm bắt tình hình cơ sở, hỏi ý kiến, bàn bạc trao đổi với dân để cùng xây dựng kế hoạch thực hiện** sao cho phù hợp pháp luật hiện hành với điều kiện, khả năng của dân, của cơ sở.

- Trong quá trình thực hiện có **chú trọng quan tâm, động viên nhau làm**, biết phát huy **vai trò gương mẫu, nòng cốt của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên** tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong thực hiện.

1.4.2- Phương pháp.

- Nắm vững chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kiên quyết đấu tranh bảo vệ và biến chủ trương, chính sách, pháp luật thành hiện thực.

- Thông hiểu các nguyên tắc sáng tạo điển hình và nhân điển hình, công tác tập hợp quần chúng đa dạng.

- Người chỉ đạo và trực tiếp làm công tác xây dựng "mô hình Dân vận khéo" phải kiên trì, sáng tạo, có tác phong sâu sát, gần gũi quần chúng; động viên, giúp đỡ tháo gở khó khăn vướng mắc để mô hình đạt hiệu quả. Bản thân phải gương mẫu đi đầu trong thực hiện.

1.5- QUY TRÌNH XÂY DỰNG MÔ HÌNH DÂN VẬN KHÉO

Bước 1: **Có chủ trương đúng**:

Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ sở, đơn vị; nắm bắt tâm trạng, tư tưởng, nguyện vọng của quần chúng; chọn một

số nhiệm vụ về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh để tập trung giải quyết (chú ý những vấn đề bức xúc, cấp bách).

Bước 2: **Hướng dẫn chọn mô hình**:

Căn cứ nhu cầu thực tiễn của quần chúng ở địa bàn dân cư như: tăng gia sản xuất, xây dựng hạnh phúc gia đình, vui chơi giải trí, nguyện vọng làm việc thiện của cá nhân... ở mỗi cơ sở mà chọn nội dung sao cho phù hợp, mỗi nội dung cần có cách chọn khác nhau như:

- Đối với mô hình có nội dung giảm nghèo nên chọn những khu phố/ấp, tổ có thuận lợi, nhiều hộ trung bình, khá giả, số hộ có khả năng thoát nghèo nhiều, thực hiện trước;

- Đối với nội dung xây dựng khu phố/ấp, tổ văn hoá thì chọn những địa điểm thuận lợi, có khả năng thực hiện đạt kết quả trong 1 đến 2 năm;

- Đối với nội dung xây dựng mô hình giảm tệ nạn xã hội thì chọn một, hai loại tệ nạn bức xúc nhất, tập trung xây dựng phương pháp vận động, thuyết phục đấu tranh khắc phục trước; sau khi thành công, tiếp tục xây dựng hướng phấn đấu khắc phục tiếp các tệ nạn xã hội còn lại, đến khi không còn tệ nạn xã hội trong địa bàn của mô hình. Tổng kết nhân rộng ra toàn xóm, ấp/kp...

- Đối với những nơi có nhiều mặt yếu kém, khó khăn thì chọn 1-2 tiêu chí để tập trung thực hiện trước, các tiêu chi khác thì xây dựng lộ trình thực hiện ở những năm tiếp theo, không cầu toàn, nóng vội...

Bước 3: **Xây dựng mô hình**

a) Hướng dẫn cách tiến hành thực hiện mô hình:

- Khảo sát địa điểm nơi thực hiện mô hình, xác định những thuận lợi, khó khăn (nguồn lực: nguồn nhân lực, nguồn tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật).

- Tiến hành bàn bạc (thảo luận tập trung), thống nhất xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định các tiêu chí cần đạt được, cách thức, biện pháp thực hiện;

- Chọn cán bộ, đoàn viên, hội viên cốt cán ở tại địa bàn, phân công tham gia nòng cốt xây dựng mô hình *(giới thiệu vào các chức danh chủ chốt như chủ nhiệm câu lạc bộ, tổ trưởng...);*

- Phân công cán bộ chịu trách nhiệm phụ trách theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ quá trình xây dựng mô hình;

- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động, thuyết phục. Có cơ chế để quần chúng tham gia bàn bạc một cách rộng rãi, chủ động trong thực hiện.

b) Hướng dẫn cách phối hợp:

- Tranh thủ được sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, đưa kế hoạch thực hiện mô hình của khối Dân vận thành Nghị quyết của Đảng;

- Làm tốt công tác phối kết hợp với các cơ quan chuyên môn của chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể cấp trên; phối hợp tuyên truyền giáo dục đoàn viên, hội viên nhận thức đúng đắn về yêu cầu xây dựng mô hình nhằm tạo sự đồng thuận cao trong xã hội;

- Tranh thủ nguồn kinh phí từ các chương trình dự án từ nhiều kênh khác nhau; tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi từ ngân hàng, các tổ chức phi chính phủ..;

- Tranh thủ sự hỗ trợ tập huấn chuyển giao các tiến bộ kỷ thuật, dạy nghề; kiến thức về khoa học công nghệ, về phát triển, hội nhập...

Bước 4: **Theo dõi kết quả quá trình thực hiện và kiểm tra công nhận mô hình Dân vận khéo:**

- Thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động của mô hình, trên cơ sở các tiêu chí đã đăng ký bằng cách tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng hiệu quả hoạt động của mô hình từng thời gian, kịp thời biểu dương mặt tích cực, đồng thời có biện pháp giúp đỡ khắc phục các khuyết nhược điểm của mô hình.

- Trước đợt tổng kết, căn cứ tiêu chí đã đăng ký và hướng dẫn tiêu chuẩn đánh giá của Ban Dân vận Tỉnh/thành uỷ để tiến hành công tác đánh giá, xét công nhận mô hình Dân vận khéo. Trong việc công nhận mô hình đạt chuẩn Dân Vận khéo cần xem xét kết quả đạt được các tiêu chí và chỉ tiêu (đã đăng ký) một cách dân chủ, khách quan và công bằng.

Bước 5: **Tổng kết, nhân rộng mô hình:**

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, làm rõ những thành tích cũng như hạn chế, yếu kém về cơ chế, chính sách cũng như trong lãnh đạo, chỉ đạo để tăng cường chỉ đạo thời gian sau.

- Về hình thức nhân rộng điển hình mô hình Dân vận khéo:

+ Tổ chức nghe giới thiệu trực tiếp sự hình thành và phát triển của mô hình (tại điểm xây dựng mô hình) kết hợp với tham quan thực tế;

+ Mở hội nghị tổng kết, biểu dương, khen thưởng, nhân điển hình.

2- KẾT QUẢ, KINH NGHIỆM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA "DÂN VẬN KHÉO"

2.1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Mười năm qua, Thành phố bình chọn và biểu dương 797 cá nhân và 174 tập thể điển hình "Dân vận khéo" cấp thành phố; 11.672 cá nhân và 6.369 tập thể điển hình "Dân vận khéo" cấp quận - huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy; 74.180 cá nhân và 28.522 tập thể điển hình "Dân vận khéo" tại phường, xã - thị trấn và cơ sở đảng trên các lĩnh vực đời sống xã hội, cụ thể như sau:

2.1.1- Lĩnh vực phát triển kinh tế

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu (2008 – 2011), lãnh đạo các ngành, các cấp thành phố đã suy nghĩ, tìm biện pháp thích hợp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp như gặp gỡ doanh nghiệp, đi cơ sở khảo sát tình hình hoạt động, lắng nghe ý kiến người nộp thuế, tổ chức kết nối ngân hàng với doanh nghiệp; kiến nghị với Chính phủ giảm thuế, hỗ trợ lãi suất vay, tháo gỡ phần nào khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; tuyên truyền, vận động doanh nghiệp cùng chung tay thực hiện có hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu, cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng theo giá bình ổn, giúp công nhân, người lao động nghèo với khoảng 3.000 điểm bán hàng và 1.500 chuyến bán hàng lưu động dưới nhiều hình thức, được nhân dân đồng tình và đánh giá cao [10].

Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế và vượt qua giai đoạn khủng hoảng, chính quyền đã phối hợp với đoàn thể các cấp trong việc vận động nhân dân thực hiện chương trình "Thi đua gia đình tiết kiệm điện tiêu biểu", bình quân mỗi năm có trên 900.000 hộ gia đình đăng ký tham gia, tiết kiệm khoảng 90 triệu kwh. Thành phố phát động phong trào "Thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới" với sự tham gia của các quận, các tổng công ty, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, mặt trận, đoàn thể,... Kết quả, đã huy động được hơn 26.000 hộ dân hiến hơn 2.972.300 m^2 đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với giá trị trên 2.243 tỷ đồng. Qua phong trào, xuất hiện nhiều cách làm hay, mô hình tốt trong phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với nhu cầu đa dạng, phong phú của thị trường thành phố, khu vực được phổ biến và nhân rộng như mô hình vận động chuyển đổi đất sản xuất lúa, cây trồng không hiệu quả, giá trị kinh tế thấp sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; mô hình quản lý, sản xuất nông nghiệp đô thị. Các hợp tác xã kiểu mới ra đời trong lĩnh vực sản xuất: Hoa lan, cây kiểng, rau an toàn, cá kiểng, bò sữa, heo thịt, heo giống,…

[10] Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm: mặt hàng sữa bột dành cho trẻ em dưới 12 tuổi và người cao tuổi; các mặt hàng dược phẩm thiết yếu; các mặt hàng phục vụ mùa khai giảng,... Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp: hỗ trợ lãi vay kích cầu cho các dự án. Chính sách hỗ trợ về thuế; giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.

Kết quả, trong 10 năm qua, trên lĩnh vực kinh tế có 42 tập thể và 200 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp thành phố; 1.982 tập thể và 2.527 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp quận - huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy; 6.610 tập thể và 18.269 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" tại phường, xã - thị trấn và cơ sở đảng.

2.1.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Thành phố phát động nhiều chương trình, chiến dịch tình nguyện thu hút đông đảo thanh niên tham gia như "Mùa hè xanh", "Hoa phượng đỏ", "Hành quân xanh"..; tích cực tham gia các phong trào xây dựng giao thông nông thôn, bảo vệ môi trường, học chữ, học nghề, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo tồn di sản văn hóa lịch sử. Ngoài ngân sách nhà nước, nhiều địa phương đã vận động nhân dân lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở các công viên, khu dân cư, hành lang trên kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Tân Hóa - Lò Gốm, chuyển hóa điểm tồn đọng rác thải thành mảng xanh, khu sinh hoạt cộng đồng. Phong trào chăm lo an sinh xã hội cho người nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, ủng hộ nạn nhân bị nhiễm chất độc hóa học, đưa nước sạch về với người dân nông thôn. Chương trình "Tết làm điều hay vì nông dân nghèo" đã vận động các đơn vị, cá nhân ủng hộ hơn 100 tỷ đồng. Mô hình "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", "Chia sẻ yêu thương" phát huy hiệu quả, thu hút đông đảo phụ nữ tham gia. Ngành điện lực thành phố đã đưa điện lưới quốc gia về xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ. Chương trình "Vì người nghèo" của thành phố là phong trào được duy trì bền vững nhất, cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, từ "Xóa đói - Giảm nghèo", "Giảm hộ nghèo - Tăng hộ khá" đến "Giảm nghèo bền vững" được nhân dân đồng tình và hưởng ứng. Qua 10 năm, đã vận động 1.564 tỷ đồng quỹ "Vì người nghèo" và chăm lo 1.435 tỷ đồng ở 3 cấp Mặt trận thành phố.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng gia đình văn hóa được nâng lên; nhiều gương điển hình được phát hiện và tuyên dương, nhân rộng từ cơ sở; vận động mạnh thường quân đóng góp các quỹ học bổng giúp đỡ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó, vươn lên trong học tập như học bổng Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Thị Minh Khai,…. Nhằm quan tâm, chăm lo đời sống công nhân lao động, thành phố xây dựng Chương trình "Tấm vé nghĩa tình" hỗ trợ vé xe cho công nhân; Chương trình "Tết sum vầy" họp mặt công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện về quê đón Tết. Từ chủ trương "Chung tay chia sẻ khó khăn" của Thành ủy, hệ thống dân vận đã vận động bình quân mỗi năm trên 60.000 chủ nhà trọ, cơ sở giữ trẻ không tăng giá hoặc có tăng ở

mức hợp lý để hỗ trợ, chăm lo cho gần 1.200.000 công nhân, người lao động có thu nhập thấp, sinh viên nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng các khu lưu trú, ký túc xá văn hóa, văn minh, sạch đẹp, an toàn.

Kết quả, trong 10 năm qua, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội có 69 tập thể và 398 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp thành phố; 2.444 tập thể và 4.018 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp quận - huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy; 11.224 tập thể và 27.391 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" tại phường, xã - thị trấn và cơ sở đảng.

2.1.3. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Lực lượng vũ trang thành phố gắn phong trào thi đua "Dân vận khéo" với thực hiện phong trào "Xứng danh anh Bộ đội Cụ Hồ", "Giành 3 đỉnh cao quyết thắng", "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ". Phối hợp với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, dựa vào nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, sâu sát địa bàn, tổ chức phát động "Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc"; xây dựng các mô hình tổ tự quản, nhà trọ tự quản về an ninh trật tự, khu phố, mô hình 5+1 giáo dục thanh thiếu niên hư hỏng, chậm tiến [11]; vận động cai nghiện ma túy tại cộng đồng dân cư, giúp người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng; vận động đóng góp gắn máy ghi hình tại các khu vực trọng điểm; thực hiện tốt phong trào "3 giảm"; thực hiện "Ký kết với các tổ chức trong hệ thống chính trị chuyển hóa địa bàn trọng điểm"; xây dựng các "Tuyến đường Cựu chiến binh tự quản", "Câu lạc bộ Cựu chiến binh phòng chống tội phạm", "Hậu phương quân đội", "Hội trại tòng quân" và nhiều mô hình tiêu biểu ở cơ sở có sức lan tỏa khác [12].

Kết quả, trong 10 năm qua, trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh có 30 tập thể và 99 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp thành phố; 789 tập thể và 1.443 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp quận - huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy; 4.822 tập thể và 11.849 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" tại phường, xã - thị trấn và cơ sở đảng.

2.14. Lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị

[11] Mỗi đoàn thể phối hợp lực lượng công an để quản lý đối tượng. Tiêu biểu quận 4, 10, Tân Bình, Gò Vấp, huyện Củ Chi…

[12] Một số mô hình tiêu biểu ở cơ sở như: "Tổ thanh niên xung kích tình nguyện vì xã hội" (quận Bình Thạnh); "Vệ sỹ tuần tra phòng, chống tội phạm" (Quận 6, 8); "Tiếng kẻng an ninh" (huyện Củ Chi), Câu lạc bộ "Dân phòng- Cựu chiến binh"; tổ, đội "Cựu chiến binh xung kích" (Quận 3, Tân Bình, Củ Chi); Tổ công nhân tự quản về an ninh trật tự ở khu vực nhà trọ (quận Bình Tân,..); mô hình phòng, chống "đinh tặc" ở các tuyến đường cửa ngõ thành phố (quận Thủ Đức);…

Quy định số 1043-QĐ/TU ngày 21 tháng 9 năm 2004 của Thành ủy về phân công đảng viên trực tiếp làm công tác vận động quần chúng ở cơ sở; là một hình thức để đảng viên đương chức công tác tại phường, xã - thị trấn tăng cường công tác nắm bắt tình hình nhân dân tại địa bàn dân cư, qua đó kịp thời biểu dương đảng viên làm tốt, góp phần nâng tỷ lệ đảng viên trực tiếp làm công tác vận động nhân dân. Quy định 1374-QĐ/TU ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về Quy trình giải quyết thông tin phản ánh liên quan các tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Quy trình này tạo sự chuyển biến tốt trong phương thức triển khai và vận hành trong cấp ủy của một số đơn vị như Ban Thường vụ Quận ủy Quận 1, 6, 9, Bình Tân, huyện Bình Chánh,… Mô hình người đứng đầu cấp ủy các cấp thường xuyên gặp gỡ, lắng nghe, trao đổi với nhân dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, sáng kiến, kiến nghị của nhân dân về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng; lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

Trong xây dựng chính quyền, hơn 10 năm qua vấn đề cải cách hành chính luôn là trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy. Từ các mô hình "Một cửa một dấu", "Một cửa liên thông", "Dịch vụ hành chính công" cho đến nay thực hiện thủ tục hành chính qua mạng các cấp độ 1, 2, 3, 4 cho từng nhóm; gắn liền với quá trình đó là đã xóa thủ tục hành chính rườm rà; sự gặp gỡ trực tiếp, trao đổi, thăm hỏi, hướng dẫn tận tình các thủ tục hành chính của cán bộ, công chức đối với người dân; giảm thất hứa, trễ hẹn với nhân dân; công khai minh bạch các khoản thu trong nhân dân. Thành phố luôn quan tâm thực hiện tiếp xúc trực tiếp, gặp gỡ, đối thoại để giải quyết những tồn đọng, bức xúc của nhân dân. Các chương trình "Nói và làm", "Lắng nghe và trao đổi" của Hội đồng Nhân dân thành phố; chương trình "Ngày thứ sáu nghe dân nói" của cấp ủy, chính quyền các cấp; chính quyền các cấp tiếp xúc, đối thoại với nhân dân định kỳ hàng quý trên khắp 322 phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố thể hiện sự trọng dân, quan tâm dân, lắng nghe ý kiến nhân dân. Các mô hình tiêu biểu như: Mô hình 3 không "không để dân chờ, không để dân phiền hà, không để dân lo" của Công an thành phố; Biên phòng cửa khẩu Cảng thành phố Hồ Chí Minh với sáng kiến Quy trình "Khai báo thủ tục biên phòng qua thư điện tử"; mô hình liên thông điện tử giữa lĩnh vực tài nguyên - môi trường và thuế trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đăng ký

đất đai nhằm rút ngắn thời gian và quy trình giải quyết (quy trình 9 bước còn 3 bước) và nhiều mô hình tiêu biểu ở cơ sở có sức lan tỏa khác [13].

Kết quả, trong 10 năm qua, trên lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị có 33 tập thể và 100 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp thành phố; 1.154 tập thể và 3.684 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" cấp quận - huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy; 5.866 tập thể và 16.671 cá nhân điển hình "Dân vận khéo" tại phường, xã - thị trấn và cơ sở đảng.

2.1.5. Lĩnh vực tôn giáo

Các chức sắc, chức việc, tu sĩ các tôn giáo tích cực tuyên truyền, vận động các tín đồ chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo trên tinh thần "tốt đời, đẹp đạo", sống hòa thuận, yêu thương con người; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương. Các cơ sở tôn giáo vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm đóng góp vật chất gây dựng các nguồn quỹ trong nhân dân [14]; trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo, học giỏi; xây dựng nhà tình thương; cứu trợ đồng bào bị thiên tai, hoạn nạn; vận động chăm lo Tết cho người nghèo; tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường [15]; tiếp nhận, nuôi dạy trẻ mồ côi, cơ nhỡ, khuyết tật, người già neo đơn [16]; tổ chức dạy nghề [17]; ký kết phối hợp giữa Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố với các tổ chức tôn giáo thành phố về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016 - 2020. Phật giáo có nhiều nỗ lực vận động tín đồ thực hiện tốt Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang, lễ hội [18]; đóng góp kinh phí tổ chức các buổi phát cơm từ thiện

[13] Các mô hình ở cơ sở như: Đội "xe ôm tự quản" (quận Thủ Đức, Gò Vấp,..); "Cấp giấy khai sinh - hộ khẩu - thẻ bảo hiểm y tế tại nhà cho trẻ em dưới 6 tuổi" (huyện Củ Chi); "Giải quyết cấp đổi thẻ căn cước công dân tại nhà dành cho người già, khuyết tật, neo đơn" (Quận 12); "Cổng thông tin dịch vụ trực tuyến" (quận Bình Thạnh); "Tổ tình nguyện tư vấn về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4" (Quận 4);…

[14] Gồm quỹ "Vì người nghèo", "Vì biển đảo quê hương, vì tuyến đầu Tổ quốc", "Qũy khuyến học",…

[15] Nhiều mô hình hay, hiệu quả như "Khu phố thân thiện môi trường - Khu phố không rác", "Tuyến đường, tuyến phố, tuyến hẻm văn minh", "Điểm sáng văn hóa", "Biến bãi rác thành vườn hoa",…

[16] Hiện nay, trên địa bàn thành phố có trên dưới 60 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, trong đó có 30 cơ sở thuộc các tổ chức tôn giáo nuôi dưỡng trên 3000 người già neo đơn và trẻ em cơ nhỡ.

[17] Trung tâm dạy nghề dân lập Đức Minh do Tỉnh dòng La San Việt Nam thành lập, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

[18] Như: Thượng tọa Thích Trực Giáo (Quận 4) vận động, tuyên truyền về việc không rãi vàng mã khi đưa tang; Thượng tọa Thích Duy Trấn (Quận 11) vận động không thắp hương, đốt vàng mã trong các cơ sở tự viện để dành tiền giúp đỡ các hộ dân nghèo, vận động đồng bào các khu phố xung quanh tự viện thực hiện bảo vệ môi trường thông qua 30 phút vì cộng đồng vào mỗi sáng chủ nhật hàng tuần; Hòa thượng Thích Chơn Không (Quận 5) vận

cho người nghèo tại các bệnh viện. Tịnh độ cư sĩ tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho người nghèo. Phong trào "Tự rèn luyện" trong nữ tu nhằm nâng cao kiến thức xã hội và đạo hạnh;…Từ các phong trào, các hoạt động trên, trong tôn giáo xuất hiện nhiều gương điển hình "Dân vận khéo" trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, tạo sự lan tỏa trong nhân dân; toàn thành phố có khoảng 900 điển hình các nhà tu hành của các tôn giáo được tuyên dương trong 10 năm qua.

2.2- ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.2.1- Mặt được

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố rất quan tâm đến phong trào thi đua "Dân vận khéo" và phát triển phong trào trở thành mô hình tiêu biểu được nhân rộng trong cả nước. Số lượng gương điển hình được tuyên dương tăng lên từng năm [19]; nội dung, phương thức thực hiện, chất lượng phong trào thi đua "Dân vận khéo" ngày càng toàn diện, hiệu quả, luôn đổi mới trong chỉ đạo hàng năm [20]; bám sát vào chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cơ quan, đơn vị; chú trọng đến các gương trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, có cách làm hay, sáng tạo. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên dương phát huy hiệu quả; duy trì thường xuyên việc tuyên dương tại cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện định kỳ hàng năm và gắn với các chương trình kiểm tra, giám sát thực hiện công tác dân vận và quy chế dân chủ ở cơ sở; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở. Các mô hình xuất hiện ngày càng nhiều trên các lĩnh vực đời sống xã hội và được lan tỏa sâu rộng [21], góp phần phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào.

2.2.2- Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt đạt được, phong trào thi đua "Dân vận khéo" vẫn còn một số hạn chế như một số cấp ủy đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua "Dân vận khéo". Cán bộ tham mưu công tác dân vận một vài nơi chưa nhận thức

---

động đồng bào Phật tử tổ chức các lễ hàng tuần đơn giản nhưng mang tính truyền thống, định hướng con dâu, con rể và nghĩa vợ chồng;…

[19] Năm 2007 tuyên dương 77 gương, năm 2019 tuyên dương 186 gương.

[20] Từ năm 2007 đến năm 2014, thành phố chỉ tuyên dương các cá nhân điển hình "Dân vận khéo"; từ năm 2015 đến nay tuyên dương tập thể điển hình "Dân vận khéo" và năm 2019 tuyên dương "Gia đình Dân vận khéo" giai đoạn 2009 – 2019.

[21] Như mô hình gắn máy ghi hình (camera) quan sát về an ninh trật tự; mô hình hiến đất mở rộng hẻm, đường; mô hình 5^{+1}; mô hình liên thông thủ tục hành chính,…

đầy đủ về phong trào thi đua "Dân vận khéo", do đó trong công tác tham mưu còn lúng túng. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc có lúc, có nơi chưa thường xuyên; việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình "Dân vận khéo" chưa kịp thời; có nơi, sau khi sơ kết, tổng kết không có giải pháp hoặc kế hoạch tiếp tục triển khai, theo dõi, động viên, giúp đỡ để phát triển phong trào sâu rộng hơn.

Nguyên nhân hạn chế do một số cấp ủy, cán bộ chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng việc thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo". Một số ban dân vận, đồng chí cấp ủy phụ trách công tác dân vận, khối dân vận phường, xã - thị trấn chưa tham mưu tốt cho cấp ủy công tác phát động phong trào, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, nhân rộng điển hình, mô hình "Dân vận khéo" tại địa phương, cơ quan và đơn vị.

3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn kết quả đạt được trong phong trào thi đua "Dân vận khéo" trên địa bàn thành phố trong thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của hệ thống chính trị, xem phong trào thi đua "Dân vận khéo" vừa là phương thức, đồng thời là động lực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; phải chỉ đạo thực hiện theo tinh thần Kết luận số 43-KL/TW ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư [22].

Hai là, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang về phong trào thi đua "Dân vận khéo"; nên xem công tác dân vận và phong trào thi đua "Dân vận khéo" là trách nhiệm "công vụ", "nhiệm vụ" của từng người.

Ba là, gắn chặt với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh để biến thành những hành động cụ thể, thiết thực "Dân vận khéo" gần dân, sát dân, trọng dân, tin dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Bốn là, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo" tại cơ sở; việc đăng ký các mô hình và tiến hành đánh giá, sơ kết các mô hình đã đăng ký hàng năm và nhân rộng các mô hình.

[22] Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết quả phong trào thi đua "Dân vận khéo" trên các phương tiện truyền thông đại chúng; thường xuyên tổ chức tuyên dương điển hình "Dân vận khéo" hàng năm ở các cấp để tạo sự lan tỏa trong xã hội. /.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Phân tích quy trình xây dựng mô hình "dân vận khéo" ?

Câu 2. Phân tích các nội dung xây dựng mô hình "dân vận khéo" ?

Câu 3. Phân tích mô hình "dân vận khéo" nổi bật tại cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác phòng chống dịch bệnh covid-19 ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dân vận Trung ương (2014), *Cẩm nang công tác dân vận,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Báo cáo 10 năm về thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo"*.
3. La Hồng Diệp (2018), *Mấy khía cạnh lý luận về dân vận, công tác dân vận,* Tạp chí Cộng sản.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (2013), *Lý luận và kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

Chuyên đề 5.1

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

ThS. Vũ Anh Tuấn

Vụ trưởng, Trưởng CQTT tại TPHCM

Ban Dân vận Trung ương

I. Vì sao cơ quan Nhà nước phải làm công tác dân vận?

1. Cơ quan nhà nước

Các cơ quan nhà nước ở Trung ương: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp.

Các cơ quan nhà nước ở địa phương: Cơ quan đại diện (HĐND các cấp), cơ quan hành chính (UBND các cấp), Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

Bản chất Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Dân là chủ và dân làm chủ. Xây dựng và phát triển đất nước trên nền tảng dân chủ.

Mọi hoạt động của Nhà nước đều liên quan đến dân. Mọi quan hệ, thủ tục hành chính của Nhân dân đều gắn với nhà nước như khai sinh, hộ tịch, hộ khẩu, cấp đất, bán đất, làm nhà, bán nhà, học hành, chữa bệnh, xuất ngoại... đều do chính quyền giải quyết.

Mục tiêu xây dựng nền hành chính nhà nước nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành xã hội, phục vụ Nhân dân có hiệu quả. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các lực lượng vũ trang đều phải làm công tác dân vận.

2. Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước

- Bác Hồ dạy: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là Nhà nước do dân làm chủ". "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ".

"Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho".

Người viết: "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta". "Nhân

dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Từ Chủ tịch nước đến giao thông viên cũng vậy, nếu không làm được việc cho dân, thì dân không cần đến nữa". Như vậy, Người đã luôn khẳng định: Dân là chủ, Chính phủ là "đầy tớ" của dân.

- Quan điểm của Đảng ta: "Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt".

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng có quan điểm chỉ đạo (Quan điểm thứ ba) là: "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực…".

- Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 tại Điều 2 ghi rõ: "Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân". "Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân".

Vậy, Dân vận của các cơ quan nhà nước là toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện quản lý xã hội, phục vụ nhân dân, vận động tất cả lực lượng của nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. Nội dung, trách nhiệm công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước

1. Xây dựng và ban hành các chính sách, pháp luật hợp lòng dân

Nhà nước có chức năng xây dựng và ban hành pháp luật.

Yêu cầu cao nhất đối với pháp luật là phải thật sự khách quan, phục vụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước và nhất là phải hợp lòng dân.

Chính sách, pháp luật phải thể chế hóa các quan điểm của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trên cơ sở các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ thể chế thành các văn bản pháp luật (cấp Trung ương), HĐND, UBND cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tỉnh ủy thành chính sách, các đề án, dự án để thực hiện (ở cấp địa phương). Trong thực tế, các nghị quyết của Đảng, các cấp ủy Đảng chỉ vào cuộc sống khi được nhà nước thể chế hóa, chính quyền các cấp cụ thể hóa thành các văn bản pháp luật để tổ chức thực hiện.

Tổ chức lấy ý kiến góp ý của nhân dân về dự thảo các chính sách, luật, về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực (như đất đai, đô thị, nông thôn, giao thông, thủy lợi, điện, thông tin, v.v.), về chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, kế hoạch dài hạn, trung hạn… liên quan mật thiết đến dân. Thực tế lâu nay nội dung lấy ý kiến nhân dân, công khai cho nhân dân biết và quản lý quy hoạch nhiều địa phương, ngành thực hiện chưa tốt.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo UBND, các cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến nhân dân đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành, đảm bảo khách quan, hợp lòng dân; tổng hợp, nắm tình hình tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân liên quan đến dự thảo văn bản pháp luật, chuyển cho các cơ quan nhà nước tiếp thu; lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản pháp luật.

2. Tuyên truyền và triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng và các văn bản pháp luật

Đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa là một nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, để pháp luật được thực hiện nghiêm túc, triệt để trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Các cơ quan nhà nước phải thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, nhất là về các vấn đề liên quan đến nhân dân, công tác dân vận.

Luật phổ biến, giáo dục pháp luật quy định: Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Luật quy định ngày 09/11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

- Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế.

- Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

* Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên:

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho hội viên, đoàn viên của tổ chức mình; vận động nhân dân chấp hành pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân.

- Xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của tổ chức mình.

- Vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia và hỗ trợ hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

Việc triển khai thực hiện pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, đảm bảo khách quan, công bằng, đúng pháp luật.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành; tổng hợp, nắm tình hình tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân liên quan đến việc thực hiện văn bản pháp luật, chuyển cho các cơ quan nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát quá trình thực hiện các văn bản pháp luật.

3. Thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, nhất là về thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính là một yêu cầu tất yếu đối với các cơ quan nhà nước, góp phần giúp người dân và tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận chính sách tốt hơn.

Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Tăng cường công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch.v.v. liên quan đến công dân, tạo điều kiện cho công dân, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; giải quyết nhanh nhất các hồ sơ hành chính của công dân, doanh nghiệp, không để xảy ra việc nhũng nhiễu, tiêu cực…

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm chương trình cải cách hành chính; tổng hợp, nắm tình hình tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân liên quan đến việc thực hiện các thủ tục hành chính, chuyển cho các cơ quan nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện cải cách hành chính.

4. Xây dựng bộ máy các cơ quan nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là yêu cầu khách quan, nhằm thực thi pháp luật, phục vụ nhân dân tốt hơn, tiết kiệm nguồn lực để phát triển đất nước.

Hiện nay, nhìn chung, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lắp còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả thấp. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước rất lớn, chính sách tiền lương còn bất cập.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước thực hiện tốt sắp xếp tổ chức bộ máy nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả; lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có phẩm chất đạo đức công vụ, đảm bảo trình độ, năng lực, có trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân

Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước là những người thực thi công vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng ngày tiếp xúc trực tiếp, giải quyết công việc với công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Nếu cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ phục vụ, giải quyết công việc nhanh, gọn, hiệu quả là góp phần củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, nhà nước.

Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay:

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức.

- Cải cách chế độ, chính sách để tạo động lực cho cán bộ, công chức.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức. => ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện; phát hiện những vi phạm của cán bộ, công chức để kiến nghị xử lý.

6. Tổ chức tốt việc tiếp công dân, đối thoại với công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những bức xúc, kiến nghị chính đáng của công dân kịp thời, đúng pháp luật

Tiếp công dân là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo quy định đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật, gồm tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân định kỳ và tiếp công dân đột xuất.

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục pháp luật quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tố cáo là việc công dân theo thủ tục pháp luật quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

- Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, hạn chế khiếu kiện kéo dài, đông người, vượt cấp.

- Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân bao gồm: Chính phủ; Bộ, cơ quan ngang bộ; tổng cục và tổ chức tương đương; cục; Ủy ban nhân dân các cấp; Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các cơ quan của Quốc hội; Hội đồng nhân dân các cấp; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước.

- Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp công dân.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức việc tiếp công dân phù hợp với yêu cầu, quy mô, tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

* Hiện việc tiếp công dân của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Luật quy định cụ thể.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy ở địa phương với nhân dân mỗi năm một lần theo Quyết định 218; lãnh đạo chỉ đạo chính quyền các cấp phân công đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền; các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận theo Quyết định 290; thực hiện các quy định về tiếp công dân; lãnh đạo việc đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu chính quyền các cấp với nhân dân mỗi năm một lần. Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện.

7. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở

Thực hiện có hiệu quả các văn bản của Đảng, nhà nước:

Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (Khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Kết luận số 120-KL/TW ngày 7/01/2016 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về "tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở".

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 năm 2007, ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI về thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn.

Nghị định số 04/2015/NĐ-Chính phủ, ngày 9/01/2015 về "thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập".

Nghị định số 149/2018/NĐ-CP, ngày 07/11/2018 quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. (có hiệu lực ngày 01/01/2019) thay thế Nghị định số 60/2013/NĐ-CP, ngày 16/6/2013.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban Chỉ đạo Quy chế dân chủ ở cơ sở; phân công cụ thể trách nhiệm các thành viên Ban Chỉ đạo; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tại cơ sở; lãnh đạo việc đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu chính quyền các cấp với nhân dân mỗi năm một lần. Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện.

8. Phối hợp, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội góp ý xây dựng chính quyền, tham gia giám sát, phản biện xã hội

Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm kinh phí hoạt động và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, quan tâm giải quyết chính sách cán bộ của khối dân vận, Mặt trận Tổ

quốc và các đoàn thể nhân dân; phối hợp, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội góp ý xây dựng chính quyền theo Quyết định 218-QĐ/TW, tham gia giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW.

Các cơ quan nhà nước phối hợp, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, phản biện những chương trình, đề án, dựa án liên quan đến dân. Thường xuyên lắng nghe và giải quyết kịp thời ý kiến của mặt trận và các đoàn thể phản ánh, kiến nghị với chính quyền những vấn đề mà nhân dân quan tâm.

Định kỳ sáu tháng, một năm, chính quyền có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện.

9. Thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo" của các cơ quan nhà nước

Phong trào được Ban Dân vận Trung ương phát động từ 2009.

- Khéo trong thực hiện tốt cải cách hành chính, thực hiện phương châm "trọng dân, gần dân, học dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân"; xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

- Khéo trong vận động nhân dân đóng góp xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao chất lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên.

- Khéo trong vận động nhân dân xây dựng kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm...), xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Khéo trong vận động xã hội hoá giáo dục, thi đua học tập, rèn luyện; xây dựng "gia đình hiếu học", xây dựng xã hội học tập.

- Khéo trong vận động phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng, xoá đói giảm nghèo; thực hiện các khâu tái định cư, giải phóng mặt bằng, thực hiện các dự án.

- Khéo trong tiếp dân, hoà giải tranh chấp, xích mích, bất hoà trong cộng đồng dân cư.

- Khéo trong vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực.

- Khéo trong vận động xây dựng khu dân cư tiên tiến, xây dựng đời sống văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông.

- Khéo trong vận động xã hội hoá thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, chăm sóc gia đình chính sách, người nghèo, người neo đơn, khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam...; xây dựng lực lượng cốt cán trong dân tộc, tôn giáo, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xã hội, từ thiện.

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện; tham mưu khen thưởng, tuyên dương các tập thể và cá nhân thực hiện tốt, phê bình những đơn vị chưa tốt.

10. Thực hiện tốt công tác điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án

- Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; đảm bảo việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Toà án nhân dân thông qua hoạt động xét xử, góp phần giáo dục, thuyết phục và phổ biến tuyên truyền pháp luật cho nhân dân. Lời dạy của Bác đối với Tòa án: "Xét xử đúng là tốt nhưng không phải xét xử lại càng tốt hơn...". Tăng cường "Dân vận" trong công tác hòa giải đối với những vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động… giảm số lượng vụ án phải đưa ra xét xử; vận động các bị cáo và người tham gia tố tụng khai trung thực những tình tiết của vụ án...

=> ***Ban Dân vận làm gì:*** Tham mưu cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung của cải cách tư pháp; lãnh đạo các cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án, thi hành án giáo dục cán bộ, công chức gương mẫu chấp hành pháp luật; bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để oan sai, để lọt tội phạm. Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định của pháp luật./.

Chuyên đề 5.2
XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

ThS. Vũ Anh Tuấn
Vụ trưởng, Trưởng CQTT tại TPHCM
Ban Dân vận Trung ương

I.- QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1.- Khái niệm: Quy chế dân chủ ở cơ sở là những quy định cụ thể về phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức, trách nhiệm, quy trình và phương pháp thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở với một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực liên quan được quy định trong quy chế.

Những quy định này có tính nguyên tắc, được thảo luận dân chủ trước khi ban hành và khi ban hành bắt buộc các đối tượng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ lãnh đạo, quản lý; công chức, viên chức và nhân dân phải chấp hành và thực hiện nghiêm túc; nhất là các lĩnh vực có nhiều nội dung liên quan đến quyền, lợi ích, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

2.- Quan điểm của Đảng về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở:

Chỉ thị 30/CT-TW của Bộ Chính trị khoá VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được ban hành ngày 18/02/1998. Quy chế dân chủ ở cơ sở đã được thực tế khẳng định là một chủ trương đúng đắn của Đảng, hợp lòng dân, được sự cụ thể hóa của các ngành, các cấp đã tạo ra những giá trị và kết quả cụ thể, lan tỏa sâu rộng trong đời sống nhân dân, góp phần phát huy dân chủ, ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước. Quy chế dân chủ ở cơ sở góp phần làm chuyển biến đáng kể nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể, giữ vững sự ổn định và phát triển chế độ chính trị từ cơ sở, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm cho người dân có điều kiện tham gia trực tiếp vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và đoàn thể với nhân dân.

2.1.- Chỉ thị 30/CT-TW đề ra 5 quan điểm:

(1) Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Coi trọng cả ba mặt nói trên, không vì nhấn một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp các mặt khác.

(2) Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cấp cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

(3) Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.

(4) Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, rõ tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự; quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật.

(5) Gắn quá trình xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

2.2.- Nội dung của Quy chế dân chủ cần chú trọng những vấn đề sau:

(1) Quy định quyền của mọi người dân ***được biết***, được thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân những công việc của chính quyền.

(2) Quy định những nội dung nhân dân ***được bàn*** và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và công tác cán bộ, công tác xây dựng cơ quan, đơn vị; những ý kiến đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân phải được người có thẩm quyền tiếp thu, xem xét, cân nhắc trước khi ra quyết định.

(3) Quy định những vấn đề nhân dân ***bàn và quyết định*** dân chủ, những việc liên quan trực tiếp đến lợi ích, đời sống của dân trên địa bàn. Chính quyền tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số nhân dân, có sự giám sát của nhân dân, của chính quyền.

(4) Quy định những nội dung nhân dân trực tiếp và thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Ban Thanh tra nhân dân để kiểm tra, ***giám sát*** hoạt động của chính quyền, của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

(5) Quy định việc mở rộng các hình thức tổ chức ***tự quản*** để nhân dân, cộng đồng dân cư tự bàn xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

(6) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về việc xây dựng, thực hiện dân chủ và các nhiệm vụ ở cơ sở. Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời những kiến nghị, đề xuất của nhân dân ở cơ sở, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo.

(7) Quy định trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, định kỳ (sáu tháng, một năm) báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ chức để nhân dân ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình; nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp của nhân dân.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, bổ sung "dân giám sát", "dân thụ hưởng": "Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên". (Phần 8. XIV. Văn kiện)

2.3.- Về phương pháp thực hiện:

(1) Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, các loại hình cơ sở cần cụ thể hóa các nội dung, hình thức thực hiện dân chủ cho sát với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, cơ sở và thực hiện có hiệu quả.

(2) Cấp quyết định xây dựng và ban hành các quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở là do chính quyền cơ sở và người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định ban hành. Việc xây dựng các quy chế, quy định cần phải được thảo luận dân chủ và phù hợp với những quy định của pháp luật. Quy chế dân chủ cũng thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

(3) Tổ chức Đảng, chính quyền, cán bộ lãnh đạo, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện các nội quy, quy chế, quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở; các quy ước, hương ước ở thôn, bản, tổ dân phố. Cán bộ, đảng viên là lãnh đạo trong các tổ chức thuộc hệ thống chính trị phải gương mẫu tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ và nhân dân.

(4) Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở phải thực hiện từng bước vững chắc, làm thường xuyên, làm có hiệu quả trong từng lĩnh vực, từng loại hình cơ sở; chống tư tưởng xem nhẹ, làm lướt, đối phó và làm hình thức.

(5) Hàng năm, tổng kết, khen thưởng những nơi làm có hiệu quả; phê bình những nơi làm kém, xem xét, kỷ luật đối với những người không triển khai, không thực hiện hoặc vi phạm quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

II.- KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1.- *Kết quả sau hơn 20 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW,* ngày 18/2/1998 *đã khẳng định đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước. Chỉ*

thị đã được triển khai sâu rộng, từng bước vững chắc và thực sự đi vào cuộc sống đạt kết quả khá toàn diện.

Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cơ sở; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới phong cách làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, giảm bớt phiền hà, sách nhiễu dân; thực hiện công khai, minh bạch; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; thu hút nguồn lực và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.- *Trong hơn 20 năm qua, các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ cơ sở được xây dựng, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển và yêu cầu của đất nước.*

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo sơ kết, tổng kết 5 lần, đó là: sơ kết 2 năm, 3 năm, 6 năm và tổng kết 10 năm, 17 năm); đồng thời đã ban hành 05 văn bản tiếp tục chỉ đạo triển khai phù hợp với từng giai đoạn (Thông báo số 304-TB/TW năm 2000, Chỉ thị số 10-CT/TW năm 2002, Thông báo kết luận số 159-TB/TW năm 2004, Kết luận số 65-KL/TW năm 2010, Kết luận số 120-KL/TW năm 2016).

Quốc hội đã thể chế hóa các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cơ bản kịp thời, đồng bộ trên các lĩnh vực. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (khoá X) đã ban hành 03 Nghị quyết năm 1998 (số 45, số 55 và số 60) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp; Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) ban hành kết luận về kết quả 5 năm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2004, Pháp lệnh số 34 năm 2007 và giao Chính phủ ban hành các nghị định về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trên cơ sở chỉ thị của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa thành 01 chỉ thị và 03 nghị định (số 29, số 71 và số 07) về quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, trong hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp nhà nước. Trong quá trình thực hiện, Chính phủ đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế 05 nghị định nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn (số 79, số 87, số 60 và số 04, số 149) về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; ở công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; ở nơi làm việc và trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3.- *Chế độ dân chủ đại diện được phát huy; chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng được nâng cao; cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực.*

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp, chất lượng các nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp dân, chất vấn và trả lời chất vấn theo hướng mở rộng dân chủ, thiết thực, hiệu quả. Việc lấy phiếu tín nhiệm đối với những người được Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu và phê chuẩn, đặc biệt là đối với các thành viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thu hút sự quan tâm, theo dõi của Nhân dân, tạo không khí dân chủ, cởi mở. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tích cực đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tập trung tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện cải cách hành chính, trong đó, cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá được quan tâm chỉ đạo, tạo sự đồng thuận, góp phần thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu được nâng lên, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

4.- *Dân chủ trực tiếp ở cơ sở được mở rộng, nhân dân được bàn và quyết định những vấn đề quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình; quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân được bảo vệ. Phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" từng bước đã được thể chế hóa và đi vào cuộc sống.*

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Nhân dân được trực tiếp bàn bạc, thống nhất, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh. Nhiều nơi, Nhân dân đã chủ động đầu tư, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi; lựa chọn mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng hiện đại; xuất hiện ngày càng nhiều trang trại, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh giỏi theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", đã khơi dậy tiềm năng, nguồn lực, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thu hút đông đảo Nhân dân chung tay, góp sức, góp công, góp của, hiến đất, xây dựng cơ sở hạ tầng; góp phần làm thay đổi bộ mặt nông nghiệp, nông thôn.

Gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", Nhân dân trực tiếp xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước, xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; ủng hộ và tích cực tham gia xây dựng, tu sửa các công trình văn hoá, di tích lịch sử, đình, đền, chùa, nhà thờ, nhà tưởng niệm, nơi sinh hoạt cộng đồng. Phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hóa, cơ quan văn hoá, gia đình văn hoá đã được phát triển rộng rãi.

Thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đã tạo điều kiện để cán bộ, công chức, Nhân dân bàn bạc, hiến kế, đề xuất, tham gia xây

dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách; người lao động đã chủ động tham gia giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện công khai, dân chủ, nhiều nơi đã tổ chức tốt việc lấy ý kiến Nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá cả đền bù thu hồi đất; công khai sử dụng ngân sách, các công trình xây dựng cơ bản, các dự án kinh tế-xã hội; công khai sử dụng kinh phí, công sức đóng góp của Nhân dân v.v…Các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; chỉ đạo xử lý các vụ, việc tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và thông báo kết luận sau thanh tra, xử lý để Nhân dân tham gia giám sát.

5.- *Công tác tuyên truyền, giáo dục có trọng tâm, trọng điểm; công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội và đoàn thể nhân dân đối với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng và đạt nhiều kết quả tốt.*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội đã chủ động tham gia cùng với chính quyền xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tham gia giám sát và phản biện xã hội theo tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), trong đó có giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

6.- Một số hạn chế, yếu kém

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị chưa thực sự thường xuyên. Công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị chưa được chú trọng. Một số văn bản pháp luật liên quan đến dân chủ ở cơ sở chậm được xây dựng và hoàn thiện. Dân chủ chưa thực sự đi đôi với giữ gìn trật tự, kỷ cương. Có nơi vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức; ý kiến của nhân dân chưa thực sự được lắng nghe; quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm. Còn tình trạng lợi dụng dân chủ, gây mất an ninh, trật tự, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ. Tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân nhiều nơi chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.

- Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đồng đều ở các khu vực, loại hình cơ sở (thực hiện nền nếp nhất ở loại hình xã, phường, thị trấn; các loại hình cơ sở khác kết quả chưa cao, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 60/2013/NĐ-CP còn gặp nhiều khó khăn). Nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm và chưa thực hiện đầy đủ các nội dung thực hiện dân chủ theo quy định; chưa tổ chức hội nghị người lao động, đối thoại với người lao động…; có nơi còn vi phạm pháp luật lao động, nợ bảo hiểm xã hội, nợ lương, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, làm nảy sinh tranh chấp lao động, đình công, lãn công. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định ở một

số cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở chưa kịp thời; việc xây dựng quy chế dân chủ, quy ước, hương ước còn nặng về sao chép hướng dẫn của cấp trên...

- Một số nơi, việc thực hiện công khai theo quy định của quy chế dân chủ chưa tốt, như trong lĩnh vực quản lý đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, các khoản thu, các loại quỹ, quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ, chính sách an sinh xã hội. Việc công khai một số chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của người dân chưa đầy đủ, một số nội dung công khai còn mang tính chiếu lệ. Một số chương trình, dự án chưa làm đúng quy trình lấy ý kiến Nhân dân và công khai cho Nhân dân biết trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, đã làm hạn chế vai trò giám sát của người dân, nảy sinh bức xúc trong Nhân dân, phát sinh điểm nóng, khiếu kiện, tố cáo vượt cấp, đông người. Tình hình khiếu kiện, tình trạng bãi công, đình công, lãn công có xu hướng giảm dần nhưng chưa vững chắc.

- Sự phối kết hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo giữa cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tại một số địa phương, đơn vị thiếu chặt chẽ. Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở một số nơi hoạt động còn hình thức, chưa thực sự hiệu quả.

- Không ít ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ hoạt động còn thụ động, hiệu quả thấp, chưa được cấp ủy quan tâm kiện toàn, tạo điều kiện cần thiết cho bộ phận thường trực, các thành viên hoạt động hiệu quả.

III.- MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Bộ Chính trị yêu cầu thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục tổ chức quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở một cách đồng bộ, đi vào chiều sâu ở tất cả các loại hình cơ sở, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân.

Hai là, cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phạm vi được phân công phụ trách, xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài; chú trọng các địa bàn, các cơ sở thực hiện chưa tốt.

Ba là, các đồng chí Ủy viên Trung ương, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW; tăng cường phát huy dân chủ trong Đảng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Chống quan liêu và các hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật. Kịp thời xử lý việc lợi dụng dân chủ, lôi kéo, kích động gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bốn là, Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt hơn chế độ dân chủ đại diện. Tích cực rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là các quyền đã được Hiến pháp quy định. Tiếp tục thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Năm là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để hội viên, đoàn viên và nhân dân hiểu và thực hiện đúng các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của nhân dân.

Sáu là, nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyền truyền, để nhân dân nâng cao nhận thức, tiếp cận thông tin, nhất là các chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp, để người dân tự giác thực thi pháp luật và thực hiện tốt quyền dân chủ trực tiếp theo quy định của pháp luật. Chú trọng tuyên truyền các gương điển hình, mô hình tốt về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; báo chí phải đưa tin trung thực, phản biện khách quan, đúng bản chất vấn đề.

Bảy là, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo công tác thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dân chủ ở cơ sở; tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh số 34-PL/UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản luật có liên quan. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền dân chủ phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Ban cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế.

Hội đồng lý luận Trung ương chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan nghiên cứu những vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, làm cơ sở cho việc cụ thể hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ".

Tám là, các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cụ thể hóa thành chương trình công tác của cấp ủy, chỉ đạo triển khai, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

Ban Dân vận Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản của Trung ương Đảng có liên quan đến xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư./.

Chuyên đề 6
CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
Học viện Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về Quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS, các nội dung và phương pháp, phương thức tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

Học viên nắm được khái niệm tuyên truyền vận động, các nội dung cơ bản về công tác dân tộc trong tình hình mới từ đó lựa chọn và xây dựng cho bản thân phương pháp phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ công vụ của người cán bộ làm công tác dân vận ở cấp huyện.

B. TỔNG SỐ TIẾT HỌC: 4 tiết

- Lý thuyết: 2 tiết
- Thảo luận: 2 tiết

C. NỘI DUNG

1. Những vấn đề chung

1.1. Khái niệm "Tuyên truyền"

Theo nghĩa rộng là việc truyền bá những kiến thức, những giá trị tinh thần đến đối tượng, nhằm biến những kiến thức, giá trị tinh thần thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối tượng, thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng nhất định, theo những mục tiêu đề ra.

Tuyên truyền là một trong ba hình thái của công tác tư tưởng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "*Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không được mục đích đó là tuyên truyền thất bại*[23]. Tuyên truyền có ba nội dung chủ yếu là:

- *Thông tin;*
- *Giáo dục và vận động quần chúng;*
- *Tổ chức quần chúng đi tới hành động.*

Tuyên truyền được phân loại theo: nội dung, hình thức, đối tượng và phạm vi thực hiện:

[23] Hồ Chí Minh về Công tác tư tưởng. NXB Sự thật, Hà Nội 1965, tr .167

Theo nội dung: Tuyên truyền chính trị, tuyên truyền kinh tế, tuyên truyền văn hóa.

Theo hình thức: Tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền gián tiếp.

Theo đối tượng: Tuyên truyền trong công nhân, trong nông dân, trong thanh niên, trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong đồng bào có đạo.

Theo phạm vi: Tuyên truyền đại chúng, tuyên truyền riêng, nội bộ.

1.2. Khái niệm "Vận động"

Vận động *là quá trình tuyên truyền, giải thích, thuyết phục người khác tự nguyện làm một việc nhất định*. Trong công tác dân tộc hay trong hoạt động nhất định ở vùng dân tộc thiểu số, các cơ quan chức năng, chính quyền, cá nhân, tập thể, người có uy tín tuyên truyền, giải thích, thuyết phục đồng bào các dân tộc trong việc nhận thức và thực hiện các nội dung chính sách, các phong trào xã hội, thi đua yêu nước…đề ra.

2. Quan điểm, định hướng của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

2.1. Quan điểm, định hướng của Đảng về công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành Trung ương (Khoá IX) đã ra nghị quyết số 24 "Về công tác dân tộc". Nội dung nghị quyết đã nêu ra những vấn đề cơ bản, lâu dài và cả những vấn đề cấp bách, đề cập toàn diện các lĩnh vực đời sống xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong đó, về công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, Nghị quyết nêu rõ:

"Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia triển khai, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Có chính sách động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc, quán triệt phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân".

Để khơi dậy và phát huy các giá trị tinh thần quý báu của dân tộc, làm bùng lên khát vọng phát triển đất nước có nhiều biện pháp, trong đó, công tác thông tin, tuyên truyền, vận động làm cho mọi người dân hiểu rõ, tự hào, trân trọng những giá trị tinh thần đó và mong muốn đóng góp công sức, trí tuệ của mình để chấn hưng đất nước được cho là một trong những biện pháp quan trọng. Qua các nhiệm kỳ lãnh đạo đất

nước công tác dân vận nói chung và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng luôn được Đảng ta quan tâm sâu sắc và kiên định đường lối, định hướng nội dung và phương pháp dân vận phát huy được sức mạnh lòng dân thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, những vấn đề liên quan đến công tác tư tưởng được diễn đạt lại theo hướng chặt chẽ, sâu sắc, khoa học hơn về câu chữ, đồng thời còn có nhiều điểm mới về nội dung, bám sát thực tiễn và tập trung giải quyết những hạn chế, bất cập của công tác tư tưởng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trong đó nhấn mạnh đến hạn chế của công tác tuyên truyền, vận động: "Công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, kịp thời, chưa đáp ứng được sự quan tâm của nhân dân."[24] Đặc biệt, Đại hội bổ sung thêm những hạn chế của công tác nghiên cứu định hướng dư luận xã hội và xử lý các tình huống nảy sinh trong công tác tư tưởng: "Công tác nắm bắt dư luận trước những sự kiện, tình huống bất ngờ còn chưa kịp thời."[25] Về phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, ngoài việc khẳng định phải tiếp tục đổi mới về nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đại hội XIII nhấn mạnh phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa và yêu cầu công tác tư tưởng phải tăng cường tính giáo dục. Văn kiện Đại hội XIII trình bày công tác tư tưởng theo logic từ "xây" đến "chống" nên đấu tranh tư tưởng được xếp sau cùng. Điểm mới lần này là không đề cập đến chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng chung chung, mà cụ thể hơn theo tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về **"**Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Đồng thời khẳng định rõ nhiệm vụ về thông tin tuyên truyền: "Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số…Xây dựng các cơ quan báo chí, tổ hợp truyền thông chủ lực đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng thông tin tuyên truyền thiết yếu, làm chủ mặt trận thông thông tin".[26]

Gần đây Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 23- QĐ/TW, ngày 30/7/2021 về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Quy chế này quy định trách nhiệm, cơ chế, phương thức thực hiện công tác dân vận trong hệ thống chính trị. Theo đó, xác định dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của đất nước, là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

---

[24] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 90-91.

[25] Đảng Cộng sản Việt Nam(2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội,tập I, tr. 91.

[26] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tập I, tr.272

Công tác dân vận là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo trực tiếp công tác dân vận; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thực hiện hiệu quả công tác dân vận; nêu cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu đối với công tác dân vận; thường xuyên học tập, quán triệt tư tưởng, đạo đức và thực hiện phong cách dân vận trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.2. Chính sách của Nhà nước về công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS trong giai đoạn hiện nay

Từ năm 2016 tới nay, tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng về tăng cường thực hiện công tác thông tin tuyên truyền vận động đồng bào DTTS trong thực hiện chính sách về dân tộc và công tác dân tộc Nhà nước đã ban hành nhiều nhóm chính sách tập trung cho công tác thông tin tuyên truyền, cụ thể:

Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 8/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS giai đoạn 2017 - 2021", trong đó ghi rõ: Phấn đấu đến năm 2021, 100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương được phổ biến, giáo dục pháp luật và cung cấp thông tin rộng rãi về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật. Trên 80% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trên 70% đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi được phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 quy định về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS, khẳng định vai trò của người uy tín trong cộng đồng, nhất là đối với công tác truyền thông;

Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 9/1/2019 về việc "Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 - 2021", theo đó xác định danh sách 18 ấn phẩm cấp miễn phí cho vùng DTTS và các xã đặc biệt khó khăn;

Quyết định 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 về "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019-2025".

Ngày 21/2/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg: Phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo. Theo đó, nhiệm vụ là: Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo. Đối tượng được bồi dưỡng, tập huấn: Cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác tôn giáo; phóng viên, biên tập viên của các cơ quan báo chí, xuất bản; cán bộ thông tin, tuyên truyền cơ sở, biên giới, người có uy tín, trưởng thôn, bản vùng DTTS&MN; cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã

hội; chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo; hướng dẫn viên du lịch. Thực hiện Đề án, các cơ quan truyền thông trung ương và các tỉnh vùng dân tộc thiểu số đều tăng cường đưa tin và tuyên truyền về vấn đề dân tộc, tôn giáo.

Thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 14-HD/BTGTW ngày 22/02/2021 về triển khai các hoạt động tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo năm 2021, đồng thời hướng dẫn công tác tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo. Theo hướng dẫn, công tác tuyên truyền cần tập trung làm rõ:

(1) Vai trò, tầm quan trọng, vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp cách mạng của đất nước; quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta về công tác dân tộc, tôn giáo. Khẳng định quan điểm xuyên suốt của Đảng là bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; chống kỳ thị dân tộc, dân tộc cực đoan, dân tộc hẹp hòi; nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân; bảo đảm các tôn giáo bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật; đoàn kết tôn giáo gắn với đoàn kết dân tộc; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của tôn giáo; kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

(2) Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo nói chung và những chính sách, pháp luật có tính đặc thù, chuyên sâu; kế hoạch, chương trình hành động của các cấp, các ngành triển khai thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo…;

(3) Phản ánh kết quả công tác dân tộc, công tác tôn giáo thời gian qua. Trong đó tập trung làm rõ những kết quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa vùng dân tộc và miền núi, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng đồng bào có đạo. Phản ánh sự chủ động, tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực vươn lên vượt khó của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo; giá trị tốt đẹp, đóng góp của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo, không để kẻ xấu lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước; xử lý, giải quyết kịp thời các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cổ vũ, khích lệ đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước của địa phương, đất nước…;

(4) Biểu dương các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể có tinh thần trách nhiệm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo; chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, tham mưu chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý tình huống phát sinh và giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo trên địa bàn. Biểu dương, nhân rộng bài học kinh nghiệm, cách làm hay của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo. Tôn vinh, biểu dương

vai trò đóng góp của đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín vùng dân tộc thiểu số và miền núi đối với sự phát triển cộng đồng, xã hội; các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo trong tuyên truyền, vận động giáo dân sống "tốt đời, đẹp đạo", đóng góp tích cực vào sự phát triển địa phương, đất nước;

(5) Đấu tranh, phê phán những biểu hiện vi phạm chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo, như: hoạt động dân tộc, tôn giáo trái pháp luật (tuyên truyền tà đạo, kích động giáo dân chống đối chế độ, kích động tư tưởng ly khai tự trị trong đồng bào dân tộc…), hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đối với xã hội. Đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch lợi dụng việc xử lý hoạt động dân tộc, tôn giáo vi phạm pháp luật để kích động quần chúng; vu cáo, xuyên tạc Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền; bóp méo sự thật về tình hình dân chủ, bình đẳng dân tộc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam... nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng, các chương trình chính sách của Nhà nước nêu trên tạo thành cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho công tác tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc hiện nay.

3. Bối cảnh tình hình tác động đến công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số

3.1. Bối cảnh tình hình thế giới và trong nước

3.1.1. Tình hình thế giới

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức. Chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 cùng với kinh tế số, kinh tế tri thức sẽ khẳng định vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự phát triển của cả thế giới và mỗi quốc gia.

Cục diện đa cực với sự chi phối của các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nga…) tiếp tục thể hiện rõ. Đáng chú ý là sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc với thế giới và Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và các quốc gia láng giềng; vấn đề Biển Đông trở thành sự quan tâm của các nước lớn trên thế giới và các nước trong khu vực.

Dịch bệnh, nhất là COVID-19 bùng phát diện rộng, diễn biến phức tạp, khó lường, đến nay vẫn chưa có giải pháp ngăn chặn hữu hiệu, đã gây hậu quả nặng nề và tác động nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội của hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Xu hướng hoạt động ly khai, tự trị, xung đột sắc tộc, dân tộc, tôn giáo không thể xem thường. Các đối tượng, tổ chức phản động sẽ tiếp tục thực hiện âm mưu tập hợp lực lượng, bạo loạn lật đổ, đòi ly khai, tự trị, thành lập các kiểu "nhà nước", "vương quốc" độc lập với mức độ ngày càng gay gắt, quyết liệt, nhất là ở các địa bàn chiến lược. Hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam với nhiều "chiêu bài" mới, "diễn biến hòa bình", "đấu tranh bất bạo động", "chiến tranh tâm lý" nhằm chuyển hóa xã hội Việt Nam sẽ tinh vi, phức tạp hơn; công nghệ thông tin, mạng xã hội sẽ trở thành

phương tiện được lợi dụng để tuyên truyền, lôi kéo kích động quần chúng nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

3.1.2. Tình hình trong nước

- Thuận lợi:

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 toàn cầu, nước ta là một trong rất ít nước có kinh tế tăng trưởng dương; các lĩnh vực văn hoá, xã hội tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng, vấn đề môi trường được quan tâm, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chủ quyền, an ninh quốc gia được giữ vững, chính trị tiếp tục duy trì sự ổn định... là nền tảng để phát triển đất nước.

Thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới sẽ tiếp tục tạo đà cho sự phát triển của đất nước. Uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục tăng lên là yếu tố nền tảng để hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt được kết quả quan trọng, cùng với kết quả công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục nâng cao uy tín của Đảng; đồng thuận xã hội tăng lên là yếu tố thuận lợi để đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới.Với sự đầu tư lớn của Đảng và Nhà nước, kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN sẽ có bước phát triển mới, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được nâng lên.

Âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tạo dựng "ngọn cờ" tiến tới lập "tổ chức chính trị đối lập", nhất là ở địa bàn chiến lược, đã được Đảng và Nhà nước ta nhận diện rõ và có giải pháp hữu hiệu đấu tranh vô hiệu hóa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) là điều kiện thuận lợi để thực hiện hiệu quả hơn công tác dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước.

Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 65-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về công tác dân tộc trong tình hình mới; Quốc hội phê duyệt đề án tổng thể và chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chuẩn bị phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, cùng với các CTMTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững sẽ là động lực, luồng sinh khí mới cho thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Khó khăn thách thức:

Những năm qua, mặc dù Đảng, Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp phát triển kinh tế-xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, song tình hình kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Một số vấn đề bức xúc về đời sống của đồng bào như thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, tình trạng du canh du cư... chưa được giải quyết thấu đáo; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, thoát nghèo chưa bền vững; khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, văn hóa, giáo dục còn hạn chế; tình trạng tảo hôn, hôn nhân

cận huyết thống, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan chậm được xóa bỏ; một số bản sắc văn hóa có nguy cơ mai một; chất lượng nguồn nhân lực thấp; bình đẳng giới chưa được chú trọng đúng mức; hệ thống chính trị một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tình trạng chặt phá rừng, tranh chấp đất đai, buôn bán người, buôn bán ma túy... còn diễn biến phức tạp; các yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định an ninh, trật tự chưa được xử lý triệt để, có thể tiếp tục phát sinh điểm "nóng" mới. Trong thời gian tới, các yếu tố trên có thể tác động tiêu cực đến tư tưởng của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số; đây là điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng gia tăng hoạt động chống phá cách mạng nước ta.

Hơn nữa, vùng DTTS&MN thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thời tiết tiếp tục diễn biến bất thường, thiên tai gây hậu quả nghiêm trọng; bên cạnh đó, dịch bệnh COVID-19 cùng với nhiều loại dịch bệnh khác đã và đang gây hậu quả nặng nề, ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN, đòi hỏi phải có sự quan tâm, đầu tư lớn của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị nhằm hạn chế, khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Được sự hỗ trợ từ bên ngoài, các tổ chức, cá nhân phản động trong nước sẽ tiếp tục móc nối, liên kết với nhau để thực hiện ý đồ chống đối bằng nhiều phương thức, thủ đoạn như tìm cách tạo dựng "ngọn cờ", hình thành "tổ chức chính trị đối lập" dưới các danh xưng khác nhau; tiếp tục lợi dụng các tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số để tập hợp lực lượng chống phá, thực hiện mưu đồ ly khai, tự trị nhằm làm suy yếu, chia cắt lãnh thổ Việt Nam tại các vùng dân tộc thiểu số trọng điểm chiến lược, nhất là vùng Tây Bắc, Tây duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

3.2. Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới

Quan điểm của Đảng về công tác dân tộc thể hiện trong Nghị quyết 24-NQ/TW về công tác dân tộc và các Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X, XI, XII đến nay về cơ bản vẫn còn nguyên giá trị, thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách dân tộc nhất quán của Đảng ta, đó là: "Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển".

Kết luận 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị khẳng định: "Kiên trì thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24 và các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI,XII; xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị".

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ:"Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu

trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc"[27].

Để thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc trong tình hình mới, cần nhấn mạnh những vấn đề sau:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nguyên tắc các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng cùng phát triển.

- Các chính sách phải hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho vùng đồng bào DTTS&MN;lấy quan điểm đầu tư phát triển làm chủ đạo, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng; phát triển sản xuất gắn với thúc đẩy phát triển các hình thức liên kết, hợp tác nhằm tạo lập thay đổi quan hệ sản xuất phù hợp. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác.Tập trung đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị, quan tâm công tác tuyên truyền, vận động;đồng thời khuyến khích sự tham gia chủ động của đồng bào dân tộc thiểu số, khơi dậy ý chí tự lực vươn lên thoát nghèo, nỗ lực phấn đấu cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3.3. Mục tiêu công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030

Trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, Quốc hội khóa 14 đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, trong đó đề ra mục tiêu như sau:

3.3.1. Mục tiêu tổng quát

"Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước".

---

[27] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tr.170 – tr.171.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

(i) Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

(ii) Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

(iii) Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

(iv) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học hên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

(v) Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

(vi) 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

(vii) Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

(viii) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

- Định hướng mục tiêu đến năm 2030:

(i) Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

(ii) Giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công

nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

(iii) Phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

(iv) Xóa tình trạng nhà ở tạm, dốt nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

(v) Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

(vi) Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

(vii) Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

3. 4. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của công tác dân tộc

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 trong tình hình mới, cần quán triệt sâu sắc nội dung Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả 08 nhóm nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau đây:

(i) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Kiên trì thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24 và các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII; xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị.

(ii) Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoà nhập phát triển cùng với đất nước.

(iii) Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức thiết. Rà soát, lồng ghép, sửa đổi, bổ sung chính sách; nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án; tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hoá và xã hội hoá nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thúc đẩy đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh.

(iv) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hoá, tập quán từng dân tộc. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, giá trị cao. Chú trọng phát triển liên vùng, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng. Quan tâm phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, gắn kết du lịch với giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt và tranh chấp, khiếu kiện về đất đai; đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư mới gắn với quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát. Đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào. Điều chỉnh cơ chế, chính sách, định mức khoán bảo vệ rừng, tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào. Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đường giao thông, công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá phải được kiên cố hoá; bảo đảm các hộ gia đình dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Ban hành tiêu chí nông thôn mới phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phấn đấu đến năm 2030 không còn địa bàn khó khăn.

(v) Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giữ vững và phát huy thành quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; hỗ trợ việc ăn, ở cho học sinh, sinh viên vùng địa bàn đặc biệt khó khăn. Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số. Có chính sách giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao tỉ lệ khám, chữa bệnh và chất lượng các dịch vụ y tế, nhất là khám, chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở; phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng; thực hiện các giải pháp đồng bộ. Tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở tuyến trung ương thông qua chính sách bảo hiểm y tế. Có biện pháp triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Xây dựng và thực hiện chiến lược về phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, nâng cao sức khoẻ, tầm vóc thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, có cơ chế đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu là đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương. Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở ở từng vùng, từng địa phương; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hoá; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có

hiệu quả giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hoá, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu. Có biện pháp quyết liệt để xoá bỏ tình trạng tảo hôn, chấm dứt sớm hôn nhân cận huyết thống. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Phát huy vai trò tích cực của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(vi) Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh trật tự, đặc biệt ở các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung. Chủ động đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, buôn bán người, ma tuý, xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở khu vực biên giới. Tăng cường quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới.

(vii) Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số và khắc phục tình trạng không có tổ chức đảng và đảng viên ở các thôn, bản, nhất là đảng viên là người dân tộc thiểu số ở những vùng trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng; biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỉ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trong cấp uỷ và các cơ quan dân cử các cấp. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Có cơ chế để phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu. Quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia vị trí quản lý lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

(viii) Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, lồng ghép, tích hợp các chính sách hiện hành để hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, ban hành *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*. Xây dựng tiêu

chí phân định lại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng xác định rõ vùng dân tộc thiểu số (tỉnh, huyện, xã, thôn, bản), địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thực hiện chính sách dân tộc. Đổi mới mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Nội dung và phương pháp tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới

4.1. Tiếp tục xây dựng, giữ vững, phát huy khối đoàn kết dân tộc

4.1.1. Vai trò của đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Từ khi ra đời, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng việc xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, tập hợp đoàn kết trong Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc giành thắng lợi lịch sử trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đang tiếp tục phát huy cao độ, trở thành động lực của công cuộc đổi mới CNH, HĐH đất nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là bài học lớn của cách mạng nước ta.

Sau gần 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Vai trò của MTTQ Việt Nam tiếp tục được khẳng định và nâng cao trong đời sống chính trị - xã hội. Mối quan hệ gắn bó giữa Mặt trận và các tầng lớp nhân dân ngày càng được tăng cường. Đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được hoàn thiện và thể chế hóa bằng các chính sách, pháp luật. Các tầng lớp nhân dân chung sức, chung lòng cùng Đảng, Nhà nước vượt qua khó khăn, thử thách, giữ vững sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và tiếp tục nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực. Đặc biệt, các phong trào, cuộc vận động về đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lá lành đùm lá rách, các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư... có tác dụng thiết thực, tạo nên sự gắn kết cộng đồng, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuộc vận động 'Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh' được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức thành viên triển khai thực hiện sâu rộng, đã làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Người thấm vào các tầng

lớp nhân dân, tạo động lực thúc đẩy việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết ngay tại cơ sở và địa bàn dân cư.

4.1.2. Tuyên truyền, vận động nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Công tác vận động, tập hợp, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân nhằm nâng cao đồng thuận trong nhân dân, giữ vững ổn định tình hình đất nước trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động bất lợi. Nội dung và phương thức vận động, tập hợp tiếp cần đổi mới và đa dạng hơn mang lại kết quả thiết thực trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động tuyên truyền, vận động cần thực hiện theo các bước sau:

- ***Bước 1***: Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, đối ngoại, về đại đoàn kết toàn dân tộc

Cung cấp thông tin mọi mặt đời sống xã hội đến với các tầng lớp nhân dân, nâng cao ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước.

- ***Bước 2***: Phối hợp với chính quyền, các ban ngành ở cơ sở vận động các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên đã tích cực hưởng ứng học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với nội dung thiết thực, gắn với từng cơ quan, đơn vị, địa bàn dân cư, góp phần đề cao giá trị đạo đức trong xã hội, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, tăng cường gắn bó, đoàn kết giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận và nhân dân, củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- ***Bước 3***: Phối hợp với Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên cụ thể hóa các tiêu chí học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thành các nội dung trong các phong trào, cuộc vận động; xây dựng cụ thể các tiêu chí học tập và hành động trong từng đối tượng quần chúng nhân dân.

Vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vân động với hình thức ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, tự quản giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ môi trường, đền ơn đáp nghĩa, cứu giúp những người gặp khó khăn, hoạn nạn, tăng cường sự sẻ chia và cộng đồng trách nhiệm, gắn kết các tầng lớp nhân dân ở từng địa bàn dân cư.

- ***Bước 4:*** Phối hợp với Uỷ ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên chủ động, tích cực đề xuất với Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung các cơ chế, chính sách đảm bảo chăm lo lợi ích cho đồng bào các dân tộc, tôn giáo; tiếp xúc, động viên, biểu dương, khen thưởng; lắng nghe và kịp thời phối hợp giải quyết đề xuất, nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc, tôn giáo; vận động thực hiện

"bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển" trong đồng bào các dân tộc và đường hướng "sống tốt đời, đẹp đạo" trong đồng bào các tôn giáo.

- ***Bước 5***: Phối hợp với Ủy ban Mặt trận, các ban ngành ở địa phương tổ chức, thường xuyên gặp gỡ, thăm hỏi, lắng nghe và chủ động đề xuất với Đảng, Nhà nước hoàn thiện chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là chính sách hỗ trợ cho bà con về pháp lý, tạo điều kiện để bà con đầu tư kinh doanh thuận lợi. Tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; hỗ trợ, phát huy vai trò của các hội đoàn trong xây dựng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, gắn bó, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, hướng về xây dựng quê hương, đất nước.

- ***Bước 6***: Phối hợp với chính quyền, Mặt trận tổ quốc tổ chức tốt "Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc" ở khu dân cư vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam hằng năm (18 tháng 11) thông qua các hoạt động: Tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp gắn với các hoạt động biểu dương các gia đình văn hóa tiêu biểu, trao tặng nhà đại đoàn kết, tổ chức bữa cơm đại đoàn kết, vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trong dịp diễn ra các hoạt động nêu trên

4.2. Vận động nhân dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở

4.2.1. Nội dung

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" tiếp tục được triển khai theo hướng đổi mới về nội dung và phương thức thực hiện, kịp thời điều chỉnh phù hợp với chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, bổ sung các cơ chế, điều kiện để tiếp tục nâng cao hiệu quả cuộc vận động. Với phương châm lấy sức dân xây dựng cuộc sống cho dân, lấy lợi ích chung của cộng đồng dân cư làm điểm tương đồng, lấy sự tiến bộ và nâng cao chất lượng cuộc sống ở khu dân cư làm mục đích. Cuộc vận động tập trung vào các nội dung sau:

- Phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận và các tổ chức bám sát địa bàn dân cư và hộ gia đình triển khai các phong trào, các cuộc vận động, góp phần cổ vũ, động viên nhân dân chủ động phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm nghèo bền vững và làm giàu chính đáng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận hưởng ứng phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" do Thủ tướng Chính phủ phát động, Mặt trận đã kịp thời triển khai lồng ghép toàn diện các nội dung của cuộc vận động với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong triển khai thực hiện ở cơ sở. Việc phối hợp, lồng ghép thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" với các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh té xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiểu số sẽ mang lại hiệu quả thiết thực, phát huy được sức mạnh và sức sáng tạo của nhân dân bằng hoạt động tự quản ở các cộng đồng dân cư.

- Phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia, động viên thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội, kết nghĩa quân dân, kịp thời động viên các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo, mặt trận chống dich bệnh Covit - 19; thực hiện tốt chính sách "đền ơn đáp nghĩa". Phối hợp tổ chức các hoạt động "Ngày hội Quốc phòng toàn dân"; phối hợp với bộ đội biên phòng tổ chức tốt phong trào "Quần chúng tham gia tự quản đường biên, cột mốc", phòng chống dịch bệnh, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, kiểm soát chặt chẽ tình trạng vượt biên trái phép của người dân trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số ở hai bên biên giới; tổ chức "Ngày hội biên phòng toàn dân", đợt vận động "Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo";

- Phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận, tổ chức đoàn thể tổ chức các đoàn công tác thăm hỏi các chiến sỹ làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới; giao lưu văn hóa nghệ thuật.

- Phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân, tăng cường đoàn kết quốc tế, phát triển quan hệ hữu nghị với các tổ chức nhân dân các nước láng giềng và đối tác truyền thống.

4.2.2 Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Trong thời kỳ hiện nay, khi đất nước tiến hành đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đa phương, đa dạng hóa các mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, phấn đấu vì mục tiêu *"dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cần được nhận thức một cách sâu sắc và toàn diện hơn. Chính vì vậy, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở là một chủ trương quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa, con người Việt Nam đã được khẳng định tại Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *"Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*. Để đạt mục tiêu đề ra, cần phát động nhiều phong trào với chủ đề "xây dựng văn hóa cơ sở".

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" là cuộc vận động quần chúng tham gia xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, là cuộc vận động rộng lớn, bao gồm nhiều cuộc vận động khác nhau. Cán bộ làm công tác dân vận cần phối hợp với chinh quyền, Ủy ban Mặt trận thực hiện từng bước như sau :

- Bước 1: *Vận động nâng cao đời sống tinh thần của đồng bào*

Vận đồng đồng bào các dân tộc xây dựng khu dân cư văn hóa, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, dân số kế hoạch gia đình, phòng, chống các tệ nạn xã hội v.v.. góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội; khơi dậy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc như "uống

nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "tình làng nghĩa xóm"; góp phần nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, không ngừng thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển và giàu mạnh.

- Bước 2: *Xây dựng điển hình tiên tiến*

Vận đồng đồng bào các dân tộc xây dựng gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến các cấp như: gương sản xuất kinh doanh giỏi, cán bộ tận tụy với phong trào và gương "người tốt -việc tốt", gia đình văn hóa tiêu biểu, gia đình tiêu biểu trong phong trào nông dân sản xuất giỏi … Phong trào phát động vừa phòng ngừa vừa đấu tranh trấn áp tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự, trong nhiệm vụ " tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" nêu gương "người tốt, việc tốt" xuất hiện trong quá trình thực hiện cuộc vận động ở cơ sở, tạo nét đẹp trong cộng đồng dân cư để tăng cường hiệu quả vận động quần chúng nhân dân.

- Bước 3: *Vận động thực hiện Xóa đói giảm nghèo*

Vận đồng đồng bào các dân tộc xây dựng phong trào "xoá đói, giảm nghèo": Trong phong trào xóa đói, giảm nghèo, ngoài nguồn vốn giải ngân của Nhà nước, vận động nhân dân xây dựng Quỹ xóa đói giảm nghèo của các xã, phường, các đoàn thể chính trị- xã hội như: Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân để xây dựng nhiều mô hình giúp nhau "xoá đói giảm nghèo".

Vận động đồng bào tham gia hoạt động "Ngày vì người nghèo", xây dựng nhà tình thương, nhà Đại đoàn kết cho người nghèo, nhà tình nghĩa … Đồng thời hàng năm các cơ sở hỗ trợ vốn, phương tiện sản xuất, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học, cứu trợ gia đình khó khăn hoạn nạn, bệnh tật v.v... góp phần xóa hộ đói, giảm hộ nghèo.

- Bước 4: *Vận động phong trào xây dựng gia đình văn hóa*

Vận động đồng bào các dân tộc xây dựng phong trào Gia đình văn hoá: Việc bình xét Gia đình văn hóa thực hiện chặt chẽ, công khai, dân chủ để có tác dụng giáo dục. Những nội dung được chú ý khi bình xét Gia đình văn hóa là việc chấp hành luật pháp của Nhà nước về kế hoạch hóa gia đình, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, gia đình không có người mắc tệ nạn xã hội, giữ gìn vệ sinh môi trường, gia đình hòa thuận, không có bạo lực trong gia đình, tham gia sinh hoạt thôn, tổ dân phố và tương trợ cộng đồng. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã có tác dụng góp phần nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò, vị trí quan trọng của gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển.

- Bước 5: *Vận động phong trào xây dựng làng(bản) văn hóa*

Vận động đồng bào các dân tộc tham gia phong trào xây dựng "Làng/bản văn hóa" và xây dựng quy ước/hương ước phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương, có tính thống nhất và tính tự nguyện cao. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy trong việc đề ra các nội dung, biện pháp xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư trong quy ước/hương ước.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Quy ước. Qua việc thực hiện quy ước, ý thức chấp hành luật pháp, thực hiện nếp sống văn minh, tình làng nghĩa xóm, giữ gìn thuần phong mỹ tục trong cộng đồng dân cư ngày càng được nâng cao, các tệ nạn xã hội được tích cực ngăn chặn.

4.3. Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện pháp luật và chính sách về dân tộc và công tác dân tộc

4.3.1. Nội dung tuyên truyền, vận động

(1) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc và công tác dân tộc.

Nội dung bao trùm, xuyên suốt của hoạt động tuyên truyền, vận động là phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Trong đó trước hết là các chủ trương, quan điểm của Đảng về dân tộc và công tác dân tộc được thể hiện ở các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định…của cấp ủy và tổ chức đảng các cấp; đồng thời với nội dung các chính sách, pháp luật được thể hiện trong các nghị quyết, quyết định, các văn bản pháp luật…của Quốc hội, các nghị quyết, quy định, quyết định, hướng dẫn... Bên cạnh đó, còn phải tuyên truyền các tri thức phản ánh truyền thống văn hóa, lịch sử của các dân tộc, kiến thức và kỹ năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; những tấm gương người tốt, việc tốt… tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật nhằm phát triển kinh tế hàng hóa phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng vùng, đảm bảo cho đồng bào các dân tộc khai thác thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Các chính sách ưu tiên đặc biệt để phát triển giáo dục và đào tạo, coi trọng công tác đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số.

- Các chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, từng bước ngăn chặn tình trạng suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số rất ít người.

(2) Tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời của nhân dân các dân tộc nước ta trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước, xây dựng một cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

Giáo dục truyền thống đoàn kết của các dân tộc trong lịch sử chống ngoại xâm giành và giữ độc lập dân tộc là một nội dung rất quan trọng trong công tác tuyên truyền,vận động chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc. Trong quá trình lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, mở rộng và nâng cao, đoàn kết trở thành truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Giai đoạn hiện nay là thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

(3) Tôn vinh người tốt, biểu dương việc tốt, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đồng bào các DTTS.

Tuyên truyền về các phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào DTTS, qua đó vận động đồng bào các DTTS thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, góp phần xây dựng quyê hương, làng, bản ngày càng văn minh, hiện đại.

Nội dung tuyên truyền còn phải chú trọng tôn vinh những tấm gương người tốt, việc tốt, quảng bá và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong đồng bào các DTTS xuất hiện trong đời sống hoặc trong các phong trào thi đua. Bên cạnh đó cũng phải phê phán, lên án những tấm gương xấu, hành vi sai trái, vi phạm pháp luật…trong cộng đồng dân tộc thiểu số để giáo dục, ngăn chặn việc làm theo gây nguy hại cho cộng đồng.

(4) Tuyên truyền phổ biến cách làm ăn mới, hướng dẫn việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; động viên đồng bào tích cực giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

Tuyên truyền và hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất để mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản trong vùng đồng bào dân tộc. Đồng thời, phát triển mạnh mạng lưới thương mại tỉnh - huyện - cụm xã và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hóa, tạo động lực cho sản xuất, dịch vụ phát triển ở các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

(5) Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa, phát triển giáo dục, y tế; phòng, chống các tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

Tuyên truyền về các hoạt động văn hóa - văn nghệ quần chúng nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc; vận động và tạo điều kiện cho đồng bào giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; cổ vũ, hướng dẫn đồng bào biết trân trọng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của mỗi dân tộc như tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, kiến trúc, công cụ sản xuất, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, văn hóa, nghệ thuật; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; tích cực tham gia phòng, chống các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nghiện hút ma túy, cờ bạc; bài trừ các hủ tục và mê tín.

Tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chương trình phát triển giáo dục, từng bước nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương, trọng tâm là vận động thực hiện chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở. Vận động đồng bào thực hiện nếp sống vệ sinh, bảo vệ sức khỏe của gia đình mình và của cộng đồng; tích cực thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, nâng cao trình độ dân trí và xây dựng đời sống văn minh.

(6) Tuyên truyền, vận động để đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao cảnh giác với những thông tin sai trái, thù địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tuyên truyền về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh gắn với thế trận quốc phòng toàn dân. Tuyên truyền và vận động để đồng bào các dân tộc nâng cao nhận thức và cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc cảnh giác phòng ngừa, kiên quyết phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, kích động đòi ly khai, thành lập khu tự trị, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; không để kẻ xấu tuyên truyền, lôi kéo, lừa bịp và kích động đồng bào dân tộc thiểu số theo chúng chống lại Đảng và Nhà nước.

Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc để chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; ngăn chặn kịp thời các vụ truyền đạo trái phép. Bám sát cơ sở, thường xuyên nắm chắc mọi diễn biến, phát sinh trong tư tưởng, đời sống của đồng bào; ngăn chặn không để phát sinh "điểm nóng" ở cơ sở. Tăng cường công tác vận động để xây dựng xây dựng lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để làm hạt nhân công tác tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở.

4.3.2. Các phương thức tuyên truyền vận động

Phương thức tuyên truyền, vận động về chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc là cách thức và phương pháp để chủ thể chuyển tải nội dung đến đối tượng. Ở đây bao gồm cả hình thức, phương pháp, phương tiện thông tin, tuyên truyền mà chủ thể thông tin, tuyên truyền sử dụng nhằm đạt được mục đích đặt ra. Có nhiều cách phân loại các phương thức, tuy nhiên cách phân loại phổ biến hiện nay như sau:

(1) Tuyên truyền qua báo chí

Truyền thông đại chúng có thể được hiểu là hệ thống (hoặc mạng lưới) các phương tiện truyền thông hướng tác động vào đông đảo công chúng xã hội để thông tin, chia sẻ, nhằm lôi kéo và tập hợp, giáo dục, thuyết phục và tổ chức họ tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội đã và đang đặt ra[28] . Các phương tiện truyền thông đại chúng bao gồm: Báo chí với bốn loại hình: Báo (viết, báo nói, báo hình, báo điện tử); sách của các nhà xuất bản (sách in, sách điện tử); điện ảnh; khẩu hiệu, biểu ngữ, tranh cổ động… Ở Việt Nam, các phương tiện truyền thông đại chúng đều do Đảng, Nhà nước lãnh đạo và quản lý. Đây là những phương tiện thông tin, tuyên truyền có định hướng, giữ vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng và hệ thống chính trị. Báo chí là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng qua các loại hình báo in, báo nói, báo viết hay báo điện tử[29].

Bản chất của báo chí là hoạt động thông tin - giao tiếp xã hội trên quy mô rộng lớn nhất, là công cụ và phương thức kết nối xã hội hữu hiệu nhất, là công cụ và phương

[28] Nguyễn Văn Dững (2012), *Cơ sở lý luận báo chí,* Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.40.

[29] Điều 3 Luật Báo chí 2016.

thức can thiệp xã hội hiệu quả nhất trong mối quan hệ với công chúng và dư luận xã hội, với nhân dân và với các nhóm lợi ích, với các nước trong khu vực và quốc tế...[30].

Ưu điểm, hạn chế và hoàn cảnh sử dụng báo chí trong thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc:

*Báo in (báo viết),*là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, tranh, ảnh, thực hiện bằng phương tiện in để phát hành đến bạn đọc, gồm báo in, tạp chí in, được xuất bản định kỳ. Trong các loại hình báo chí thì báo in ra đời sớm nhất.

Thế mạnh của báo in là giúp công chúng tìm hiểu kỹ về thông tin qua cách phân tích, lý giải những vấn đề phức tạp một cách hệ thống, sâu sắc và độ tin cậy cao. Báo in cũng dễ được lưu trữ, chuyền tay người đọc… Báo in hữu ích trong trường hợp cần thông tin sâu, thông tin phân tích, giải thích các vấn đề phức tạp. Tuy nhiên, do tổ chức sản xuất với quy trình phức tạp nên báo in phát hành sản phẩm chậm, trong khi nhu cầu của xã hội luôn đòi hỏi thông tin phải nhanh, nhạy.

Phát thanh (báo nói), là loại hình báo chí sử dụng âm thanh tổng hợp (lời nói, tiếng động, âm nhạc) được truyền dẫn, phát sóng trên các hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ khác nhau.

Phát thanh là kênh thông tin chi phí ít về tài chính, được phát hành miễn phírộng khắp, lan toả thông tin nhanh chóng, đại đa số người dân đều có thể mua được Radio. Phát thanh thích hợp trong việc cần cung cấp thông tin nhanh, thông tin nóng tới đông đảo công chúng, nó vô cùng hiệu quả với vùng đồng báo DTTS. Với những vùng DTTS chưa đọc thông viết thạo tiếng phổ thông, phát thanh bằng tiếng dân tộc là phương tiện thông tin, tuyên truyền hiệu quả. Hạn chế là người nghe dễ quên, nếu nghe không kịp thì thông tin bị trôi qua; do đặc tính truyền phát dưới dạng sóng điện từ nên khó có thể trình bày, phân tích vấn đề có tính phức tạp, nhất là số liệu chi tiết...

*Truyền hình (báo hình),*là loại hình báo chí sử dụng hình ảnh là chủ yếu, kết hợp tiếng nói, âm thanh, chữ viết, được truyền dẫn, phát sóng trên các hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ khác nhau. Thế mạnh của truyền hình là có tính hấp dẫn cao, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện, thông tin có độ tin cậy cao. Hạn chế là phải mua máy thu hình. Chi phí cho sản xuất, phát sóng chương trình tốn kém và cồng kềnh về nhân sự. Người xem phải tập trung nhìn vào màn hình và bị động về thời gian. Tính tư liệu của truyền hình thấp, khó lưu trữ thông tin, mặc dù các điều kiện về băng, đĩa hình đã hiện đại, rẻ hơn và đã được cải thiện nhờ kỹ thuật và công nghệ số. Theo một nghiên cứu năm 2020 của nhóm tác giả Học viện Báo chí - Tuyên truyền, truyền hình là phương tiện được đồng bào DTTS sử dụng phổ biến nhất hiện nay bởi tính sinh động, hấp dẫn.[31] Truyền hình phù hợp với hầu hết nội dung thông tin, tuyên tuyền, đặc biệt các tình huống phản ánh sự kiện, sự việc, vấn đề.

*Báo điện tử(báo mạng điện tử),*là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được truyền dẫn trên môi trường mạng Internet, gồm có báo điện tử và tạp

---

[30] Nguyễn Văn Dũng (2012), *Cơ sở lý luận báo chí,* Nxb. Lao động, Hà Nội, tr.61

[31] Lưu Văn An (2020), *Truyền thông vùng dân tộc thiểu số,thực trạng và giải pháp,Đề tài cấp Nhà nước*

chí điện tử[32]. Đây là loại hình báo chí đặc thù, tuy ra đời muộn nhưng do hội tụ được nhiều ưu điểm vượt trội nên phát triển rất mạnh mẽ. Thế mạnh của báo điện tử là có khả năng kết nối, tìm kiếm và truyền tải dung lượng thông tin lớn, tốc độ truyền tải nhanh, linh hoạt, tạo ra nhiều tầng lớp thông tin không giới hạn; tạo khả năng giao lưu trực tuyến, tương tác nhiều chiều giữa đông đảo công chúng mà không cần qua khâu trung gian biên tập, sửa chữa. Nhờ tính đa phương tiện nên thông tin có thể truyền tải qua nhiều hình thức khác nhau, như chữ viết, hình ảnh, âm thanh, đồ họa, audio, video... Có thể nói, báo điện tử phù hợp với hầu hết các tình huống cần chuyển tải thông tin. Nhưng do diện phủ sóng Internet đến nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, nên đây vẫn là loại hình báo chí chưa tiếp cận được đại đa số công chúng DTTS.

Tuyên truyền gián tiếp thông qua phương thức sử dụng báo chí nêu trên có ưu điểm là đưa thông tin đến đông đảo đồng bào DTTS trên diện rộng, nhờ phương tiện truyền thông nhân lên, thông tin nhanh, kịp thời, tạo được dư luận và tác động dây chuyền nên dễ làm chuyển đổi thái độ của đồng bào DTTS góp phần giúp họ thay đổi hành vi. Tuy nhiên, do người phát tin không tiếp xúc được trực tiếp với người nhận tin, không thấy được thái độ của người nhận tin và vì vậy không thể điều chỉnh những nội dung cho phù hợp.

Nhìn chung hầu hết các phương tiện truyền thông đại chúng chuyển tải thông tin một chiều, rất khó thu nhận hồi báo từ phía công chúng nên khó đánh giá được hiệu quả, tác động truyền thông. Bên cạnh đó, thông điệp được truyền tải thông qua truyền thông đại chúng có độ dài giới hạn. Ví dụ, đối với truyền hình, phát thanh thì khán thính giả chỉ được xem, nghe hình ảnh, âm thanh một cách tuyến tính mà ít có điều kiện quay trở lại các thông tin trước nên hiệu quả truyền thông trong nhiều trường hợp không cao. Thông tin, tuyên truyền qua báo chí cũng đòi hỏi phải có các trang thiết bị, trong khi nhiều vùng DTTS còn khó khăn về cơ sở kinh tế và hạ tầng kỹ thuật. Hơn thế nữa, việc can thiệp, thay đổi thực hành đối với hành vi của người DTTS khó thực hiện được…Với những ưu thế và hạn chế đó, báo chí là phương thức chủ lực trong công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc, đặc biệt trong các tình huống cần thông tin nhanh, đến đông đảo người dân. Riêng phương thức thông tin bằng báo nói và báo hình còn đặc biệt phát huy tác dụng ở những vùng DTTS có tỉ lệ mù chữ cao.

(2) Tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc qua hoạt động thông tin cơ sở

Hoạt động thông tin cơ sở là việc cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở cấp xã thông qua hoạt động phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh cấp xã; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh dùng để phục vụ hoạt động thông tin cơ

[32] Jim Hall (2001),*Online Journalism: A critical primer,* London, Sterling, Virginia: Pluto

sở; thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở; bảng tin công cộng và các hình thức hoạt động thông tin cơ sở khác.[33]

Nội dung hoạt động thông tin cơ sở:

Thứ nhất, cung cấp thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin những sự kiện quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương, cơ sở.

Thứ hai, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của người dân địa phương phù hợp với đối tượng, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, bao gồm:

+ Thông tin về dự án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương.

+ Thông tin liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và kiến thức khoa học, kỹ thuật.

+ Thông tin liên quan đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

+Thông tin về sự cố, các tình huống khẩn cấp xảy ra ở địa phương hoặc có ảnh hưởng đến địa phương.

+ Thông tin về gương tập thể, cá nhân điển hình trong các lĩnh vực.

+ Thông tin về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân địa phương.

Thứ ba, phục vụ nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị cơ sở.

- *Một số hoạt động thông tin cơ sở, ưu điểm, hạn chế và hoàn cảnh áp dụng:*

+ Hệ thống phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh cấp xã. Đây là một kênh thông tin, tuyên truyền chính thống, hiệu quả, thiết thực đã và đang góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương…Đây cũng là phương thức thông tin nhanh chóng, tức thời tới đông đảo dân cư. Đặc biệt, trong các trường hợp xảy ra sự cố thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh, khi các phương tiện truyền thông khác bị tê liệt, khi mạng Internet bị ngắt kết nối, hoặc bị cắt điện lưới toàn bộ thì vẫn có thể vận hành hệ thống truyền thanh bằng máy nổ để hướng dẫn, tuyên truyền vận động nhân dân, cung cấp các tin tức, tình hình đất nước, địa phương. Ngoài ra còncó thể thực hiện phát thanh riêng cho từng tuyến thôn, bản.

Hệ thống này cho phép thông tin vươn tới những địa hình phức tạp, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Do tiếp cận được nhiều người dân trong cùng một thời điểm, những thông tin được truyền đi qua loa phường, xã dễ tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Vì vậy, đây là kênh thông tin hữu ích để phổ biến các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tới người dân nông thôn và vùng núi xa xôi, vùng các dân tộc ít người.

---

[33] Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành quy chế hoạt động thông tin cơ sở

Một ưu điểm khác của truyền thanh cấp xã là tiện lợi. Người dân có thể vừa làm công việc nào đó, vừa nghe thông tin. Họ có thể dễ dàng tiếp nhận thông tin khi đang di chuyển, làm việc ở cánh đồng, nông trường hay khi nghỉ ngơi mà không ảnh hưởng đến công việc hiện tại.

Bên cạnh đó, hệ thống loa phát thanh đảm bảo dễ vận hành, phù hợp với năng lực trình độ của cán bộ địa phương, có kinh phí sửa chữa vận hành nhỏ, giá trị đầu tư ban đầu thấp so với các loại hình thông tin, tuyên truyền khác, người nghe cũng không mất chi phí để tiếp nhận thông tin. Khâu vận hành và bảo dưỡng hệ thống truyền thanh cũng tương đối đơn giản, hầu hết các cán bộ địa phương có thể tự sửa chữa khi có hỏng hóc. Vì vậy, loại hình thông tin này rất phù hợp với những miền quê còn khó khăn, vùng sâu vùng xa.

Phương thức này rất phù hợp trong các trường hợp cần thông tin, tuyên truyền kịp thời các vấn đề thời sự, sự kiện chính trị nổi bật của đất nước, địa phương như các dịp lễ, tết hay có sự kiện chính trị như Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, khám tuyển hoặc tiễn quân nhân lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự... Ngoài việc cung cấp thông tin, truyền thanh phường, xã cũng có thể tạo và lan toả không khí trong các sự kiện, các dịp lễ, tết.

Tuy nhiên, thực tế tại một số đài truyền thanh cơ sở cũng cho thấy, có tình trạng cơ sở vật chất bị xuống cấp, không đảm bảo việc thu, phát sóng, tiếp âm. Nhiều hệ thống loa truyền thanh ở các địa phương được đầu tư trang bị từ lâu, bị hao mòn, hư hỏng, không còn sử dụng được, không có cơ chế chính sách duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị, ảnh hưởng đến chất lượng âm thanh, khiến cho người dân không nghe rõ, hoặc thậm chí thấy khó chịu. Hệ thống loa treo trên đầu cột điện tạo ra âm thanh lớn làm cho người dân ở gần đó khó chịu, người ở xa thì không nghe thấy âm thanh… Bên cạnh đó, nhiều đài truyền thanh cơ sở hiện nay hoạt động chưa hiệu quả, không ít đài chủ yếu chỉ tiếp sóng đài cấp trên, chưa có các chương trình mang tính địa phương; việc lắp đặt vị trí loa truyền thanh chưa hợp lý cũng gây ra nhiều phiền toái cho người dân… Do đó, để hệ thống này hoạt động hiệu quả, bên cạnh việc lắp đặt, bảo dưỡng trang thiết bị, thì cần đổi mới và nâng cao chất lượng nội dung các chương trình trên sóng theo hướng tăng cường các thông tin gần gũi, thiết thực của địa phương; kết hợp thông tin và âm nhạc, các hình thức giải trí để tạo sự thư giãn, dễ tiếp nhận; thông điệp cần ngắn gọn, rõ ràng, truyền cảm, cuốn hút; dùng tiếng DTTS là ưu tiên số một (nếu truyền thông cho từng dân tộc). Do tính chất tiện lợi, có thể tiếp nhận thông tin cùng lúc đang làm việc khác, nên có thể tính toán giờ phát thanh trong lúc người dân đang làm việc trên cánh đồng, đang di chuyển… Tính toán vị trí lắp đặt loa để không gây phiền nhiễu cho người tiếp nhận.

- Bản tin thông tin cơ sở và bảng tin công cộng. Bản tin thông tin cơ sở là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí xuất bản định kỳ, sử dụng thể loại tin tức để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở xã, phường, thị trấn thông qua ấn phẩm in hoặc qua Internet.

Bảng tin công cộng bao gồm bảng tin điện tử và bảng tin được làm bằng các chất liệu khác được cố định tại một địa điểm và dùng để truyền tải thông tin thiết yếu bằng chữ viết, hình ảnh đến người dân ở xã, phường, thị trấn.

Phương thức thông tin, tuyên truyền này có ưu thế ở việc có thể thông tin đến từng khu vực nhỏ, trúng đối tượng đích, cho phép người dân đọc đi đọc lại, dễ lưu trữ (đối với bản tin in), phù hợp với các trường hợp cần thông tin sâu, giải thích chi tiết, ví dụ: phổ biến các quy định của pháp luật.

- Các tài liệu không kinh doanh phục vụ thông tin cơ sở (tài liệu, pano, áp phích, tờ rơi, tranh cổ động; tranh lật; băng đĩa ghi hình, phim ảnh…). Đây là những xuất bàn phẩm không dùng để mua, bán, nhằm cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở cấp xã.

Phương thức thông tin này có ưu điểm là hình ảnh đẹp, âm thanh sống động sẽ gây ấn tượng mạnh đến công chúng, nhất là các băng, đĩa hình thường có sức lôi cuốn lớn. Các phương tiện này được sử dụng chủ yếu trong các ngày lễ lớn, các chiến dịch thông tin, tuyên truyền về một chủ đề cụ thể, các sự kiện, hội họp (phát cho từng người tại buổi mít tinh, cuộc họp, ở nơi công cộng hoặc hộ gia đình để mọi người tự đọc, hiểu và làm theo nội dung của tờ rơi, tờ gấp).

- Thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở, già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc, người có uy tín, hướng dẫn viên du lịch…

Đây là phương thức tuyên truyền trực tiếp, là quá trình trao đổi thông tin trực tiếp giữa chủ thể với đối tượng tuyên truyền thông qua các cách thức, biện pháp sau: chủ thể tuyên truyền thăm hộ gia đình, tư vấn trực tiếp, tổ chức, điều hành hoạt động thảo luận nhóm, tổ chức hội họp ở thôn (bản, phum, sóc); phát biểu ở hội thảo, hội nghị (ví dụ hội nghị phổ biến kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh…); tổ chức sự kiện văn hóa, văn nghệ; thâm nhập thực tế địa bàn tại chợ phiên, bản làng. Trong đó, họp thôn bản ở nhà văn hóa, nhà rông, nhà cộng đồng (có nơi ở nhà trưởng thôn hoặc nhà to nhất bản) là hình thức phổ biến nhất. Trưởng thôn chủ trì, già làng, trưởng bản, người có uy tín tham gia phát biểu sẽ thuyết phục bà con nhanh và hiệu quả.

Đội ngũ tham gia vào phương thức tuyên truyền này gồm: Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở;các già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc, người có uy tín; đội ngũ công an, bộ đội biên phòng, ngũ giáo viên; hướng dẫn viên du lịch. Đồng bào DTTS cũng có thể tham gia vào phương thức này. Thông qua các cuộc nói chuyện, trao đổi trong gia đình, nhóm bạn bè, hàng xóm, dòng họ, nhiều thông tin được thảo luận, giải thích và được tiếp thu một cách tự nhiên. Trong trường hợp này, họ vừa là chủ thể, vừa là khách thể tuyên truyền, vận động

Hiện nay, xu hướng sử dụng hướng dẫn viên bản địa trong hình thức du lịch cộng đồng tại các khu vực đồng bào DTTS có xu hướng tăng. Ngay từ những năm đầu thế kỷ XXI, được sự giúp đỡ của một số tổ chức phi chính phủ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch các tỉnh đã phối hợp với người dân ở các điểm du lịch tiến hành nghiên cứu nhu cầu của du khách quốc tế. Kết quả là 90% du khách thích nghe hướng dẫn viên du

lịch là người dân tộc thiểu số.[34] Vì vậy, cần chú trọng công tác đào tạo người DTTS thành các hướng dẫn viên du lịch. Bên cạnh đó, bồi dưỡng văn hóa du lịch cho tất cả các đối tượng tham gia làm du lịch là một việc làm cần thiết và thường xuyên, để đồng bào hiểu, tự hào về quê hương mình, hiểu biết, giải thích, giới thiệu cho du khách những nét độc đáo về văn hóa của dân tộc mình một cách thấu đáo, nhiệt tình, thể hiện một phong cách giao tiếp lịch sự, mến khách, thân thiện.

Tóm lại, ưu điểm của phương thức tuyên truyền, vận động qua báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở, già làng, người có uy tín, hướng dẫn viên du lịch… là chủ thể tiếp xúc trực tiếp với khách thể, tương tác trao đổi nhanh chóng, qua quan sát thái độ, hành vi có thể hiểu được tâm tư, tình cảm, nhận thức, thái độ của người nghe về vấn đề đang trình bày, để điều chỉnh phương pháp và qua đó đánh giá được hiệu quả, tuyên truyền. Đây là những người được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, nắm chắc đường lối, chính sách nên là lực lượng chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động ở cơ sở. Hạn chế là, tốn kém, mất nhiều thời gian, công sức; khó thực hiện vì đi lại khó khăn, thiếu kinh phí, thiếu phương tiện, kỹ thuật, phụ thuộc vào trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm của cán bộ tuyên truyền; tác động trong nhóm nhỏ, khó tạo được dư luận và tác động dây chuyền làm chuyển đổi thái độ của người dân.

- Các đội văn hóa thông tin lưu động tổ chức các hoạt động văn hóa tại các xã, bản, vùng dân cư theo nhiệm vụ chính trị như chiếu phim, biểu diễn văn nghệ (múa, hát, kịch nói), triển lãm, thi đấu thể thao, hội chợ… cũng thu hút sự quan tâm đặc biệt của người dân. Thông qua những bộ phim, chương trình văn nghệ hay, các đội văn hóa thông tin kết hợp tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước.

(3) Thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc qua Internet và mạng xã hội

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt Internet và mạng xã hội tác động ngày càng đa dạng, sâu sắc đến văn hóa nghe - nhìn và sự phát triển công cụ, phương tiện thông tin, tuyên truyền, kéo theo đó là sự biến đổi số lượng, đối tượng tiếp nhận, tâm lý, thói quen tiếp nhận và mức độ chịu ảnh hưởng bởi thông tin, tuyên truyền của công chúng nói chung, công chúng DTTS nói riêng. Ngày nay, ngày càng nhiều người DTTS, đặc biệt là lớp trẻ, được tiếp cận và sử dụng các phương tiện thông tin, tuyên truyền hiện đại, như điện thoại thông minh, tivi đời mới, mạng Internet... Vì vậy, phương thức trực tuyến trở nên phổ biến trong việc tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc.

Các hoạt động tuyên truyền trực tuyến bao gồm: Mạng xã hội (phổ biến là Facebook, Zalo, Youtube, Google…), thư điện tử (email), các trang tin điện tử, blog và các hình thức kết nối, giao lưu trực tuyến.

Ưu điểm chung của phương thức tuyên truyền qua Internet và mạng xã hội là thông tin nhanh, tức thời, tính tương tác cao, lan toả rộng khắp, giúp liên kết, xoá bỏ

[34] Nhật Nam (08/8/2018), "Phát triển du lịch tại vùng dân tộc thiểu số: Mỏ vàng nếu biết khai thác", Báo điện tử *Chính phủ*, http://baochinhphu.vn

biên giới, kết nối mọi người với thế giới (thật và ảo); giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền tự do biểu đạt… nên đây là phương thức tiếp cận hiệu quả với đối tượng trẻ, thường được sử dụng trong các tình huống cần thông tin nhanh, các sự kiện, vấn đề nóng, được dư luận quan tâm hay có các luồng ý kiến trái chiều, cần định hướng. Tuy nhiên, hạn chế của thông tin trực tuyến là nhiều thông tin không chính thống, tin xấu, tin giả không được thẩm định, kiểm chứng, ảnh hưởng xấu đến người dùng. Kẻ xấu lợi dụng mạng xã hội để tuyên truyền thông tin phản động, chống đối chính quyền; bôi nhọ danh dự, uy tín tập thể, cá nhân; lan truyền các hình ảnh bạo lực, khiêu dâm; giới trẻ có thể gặp phải các rủi ro như: lừa đảo, đánh cắp thông tin, quấy rối tình dục, bắt cóc...

Người làm công tác tuyên truyền, vận động có thể xây dựng các kênh chính thống trên Internet và mạng xã hội, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời để người dân nắm bắt. Qua đó, chủ thể có giải pháp ngăn chặn và đấu tranh chống tin xấu, tin độc; giải thích để người dân hiểu biết về chính sách, pháp luật, các vấn đề đời sống xã hội để tiến tới chủ động loại bỏ thông tin xấu, độc. Các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, trường học, bệnh viện, cơ quan báo chí - truyền thông có thể xây dựng trang thông tin điện tử, website, fanpage riêng của mình (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), ngoài những thông tin mang tính nội bộ, quảng bá thương hiệu của đơn vị, tổ chức mình, còn có thể đăng tải nhiều nội dung hữu ích cho vùng DTTS. Thực hiện các chiến dịch thông tin, tuyên truyền về các chủ đề thiết thực với bà con, tạo thành những kênh truyền thông có sức hút để đăng tải thông tin tích cực. Ngoài ra, chủ thể thông tin, tuyên truyền cũng có thể phát huy thế mạnh của phương thức sử dụng thư điện tử (email). Đây kênh truyền thông nhanh chóng, hiệu quả, dễ dàng tiếp cận tin tức đối với người đọc.

Để thông tin, tuyên truyền qua Internet và mạng xã hội hiệu quả đòi hỏi nội dungthông tin phải bảo đảm tính mới, gắn với thực tiễn đời sống xã hội, được nhiều người quan tâm, phù hợp với thị hiếu của công chúng online. Chủ thể cần phải xây dựng những thông điệp ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thể hiện và dễ lan tỏa bằng truyền thông đa phương tiện trên nền tảng của văn bản, hình ảnh, video, âm nhạc, thông tin đồ họa (Infographic), tin theo dòng sự kiện (Timeline), kể chuyện (Megastory), câu hỏi trắc nghiệm cung cấp thông tin...

Khi xuất hiện những thông tin xấu độc trên mạng, các cơ quan chức năng phải nhanh nhạy nắm bắt, sử dụng các giải pháp công nghệ ngăn chặn sự lan truyền, đồng thời phối hợp với các cơ quan báo chí nhanh chóng đưa ra và lan toả thông tin đúng để định hướng dư luận xã hội.

(4) Tổ chức chiến dịch tuyên truyền

Chiến dịch tuyên truyền là một đợt hoạt động tập trung vào một số nội dung ưu tiên, trong thời gian ngắn, phối hợp nhiều phương tiện, hình thức tuyên truyền, phát huy thế mạnh của nhiều bên liên quan, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, nhằm chuyển tải thông điệp cần thiết, tác động đến nhóm đối tượng mục tiêu.

** Yêu cầu đối với chiến dịch tuyên truyền:*

- Đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng thiểu số.

- Phù hợp với văn hóa của cộng đồng thiểu số.

- Cần sự chỉ đạo tập trung, thống nhất và có quyền lực, sự phối hợp giữa các lực lượng nòng cốt của các bên liên quan.

- Hình thức tuyên truyền phải ấn tượng, hấp dẫn, lôi cuốn.

- Lắng nghe, hiểu được suy nghĩ, quan điểm, mối quan tâm của người tham gia, có cách tiếp cận và điều chỉnh nội dung phù hợp nhằm đạt mục tiêu đề ra.

** Các bước tiến hành chiến dịch tuyên truyền:*

- Phân tích tổng quan môi trường bên ngoài.

- Xác định mục tiêu, nội dung chính.

- Phân tích đối tượng, công chúng mục tiêu.

- Thiết kế thông điệp.

- Lập kế hoạch tuyên truyền chi tiết và ngân sách.

- Xác định kênh tuyên truyền (có thể kết hợp phương thức tuyên truyền gián tiếp và phương thức tuyên truyền trực tiếp).

- Sản xuất, thử nghiệm và triển khai các sản phẩm tuyên truyền.

- Đo lường và báo cáo.

Tóm lại, trong công tác tuyên truyền vận động chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc, sự phân chia thành phương thức tuyên truyền chỉ mang tính tương đối. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp khi tiến hành công tác tuyên truyền thường có sự đan xen giữa các phương thức để nâng cao hiệu quả, chẳng hạn, trong các buổi thảo luận nhóm, tư vấn, chia sẻ ở cộng đồng, cùng với tuyên truyền trực tiếp qua các báo cáo viên vẫn kết hợp đọc báo, nghe đài, phát tờ rơi, tờ gấp; hoặc trong các buổi tọa đàm truyền hình vẫn có đường dây nóng để giao lưu trực tiếp với người dân.

D. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Để tuyên truyền, vận động củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc gồm có những nội dung và bước tiến hành thế nào?

2. Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng văn hóa cơ sở gồm có những nội dung và những bước tiến hành thế nào?

3. Anh/ Chị hãy trình bày nội dung tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc?

4. Anh/ Chị hãy trình bày các phương thức tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc. Phân tích ưu điểm, hạn chế của từng phương thức?

5. Anh/ Chị có bài học kinh nghiệm và đề xuất gì trong lĩnh vực tuyên truyền, vận động người dân ở địa phương trong củng cố khối đoàn kết và xây dựng văn hóa ?

6. Anh/ Chị có bài học kinh nghiệm và đề xuất gì trong lĩnh vực tuyên truyền, vận động người dân ở địa phương trong thực hiện chính sách và pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Văn An (2019), "Giải pháp đẩy mạnh truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số", Tạp chí *Lý luận Chính trị,* số 8.
2. Lưu Văn An (2020), *Truyền thông vùng dân tộc thiểu số,thực trạng và giải pháp,* Đề tài cấp Nhà nước.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2020),*Báo cáo tại Hội nghị báo chí toàn quốc*.
4. Chỉ thị 39/1998/CT-TTg, ngày 3/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác văn hóa-thông tin ở miền núi và vùng đồng bào các DTTS.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIII,* Nxb, Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998),*Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm (khóa VIII) ngày 16-7-1998 Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.
7. Phan Hữu Dật, Ngô Đức Thịnh, Lê Ngọc Thắng, Nguyễn Xuân Độ (1998), *Sắc thái văn hóa địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước,* Nxb Khoa học xã hội.
8. Nguyễn Văn Dững (2012), *Cơ sở lý luận báo chí,* Nxb. Lao động, Hà Nội
9. Nguyễn Thị Trường Giang (2017), *Báo chí - Truyền thông đa phương tiện*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Hưởng (2014), *An ninh phi truyền thống - Nguy cơ, thách thức, chủ trương và giải pháp đối phó ở Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
12. Luật Báo chí 2016.
13. Hoàng Lương (2005), *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa Hà Nội.
14. Hồ Chí Minh: *toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, Hà Nội, tập 5
15. Lê Ngọc Thắng (2009), *Văn hóa các tộc người thiểu số vùng Nam Bộ Việt Nam*, Nxb Đại Học Quốc gia, HN.
16. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 ban hành quy chế hoạt động thông tin cơ sở.*
17. Uỷ ban Dân tộc, (2021), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin,tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc,* Hà Nội
18. Uỷ ban Dân tộc (2020), *Báo cáo số 1770/BC-UBDT ngày 17/12/2020 của Ủy ban Dân tộc Báo cáo tổng kết công tác dân tộc nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc nhiệm kỳ 2021-2026.*